

Nguyễn Bá Tín



HÀN MẶC TỬ TRONG RIÊNG TỬ

Dũng Lạc

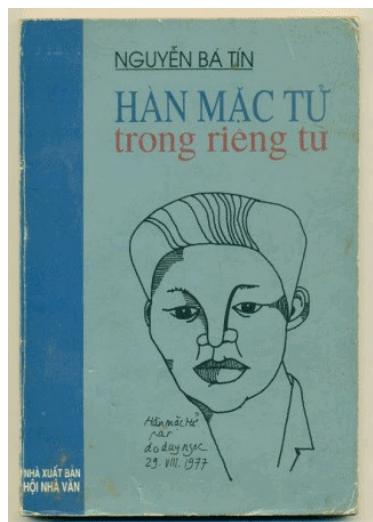
NGUYỄN BÁ TÍN

HÀN MẠC TỬ trong riêng tư



Hàn Mặc Tử
vẽ
đo đay ngọc
29. VIII. 1977

NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN



Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

MỤC LỤC

LỜI DẪN

LỜI NÓI ĐẦU

PHẦN I

MỘNG LỚN

1. CÂU CHUYỆN XƯA CỦA BÀ MẸ
2. CẬU THÔNG OANH (VÀ ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC)
3. NHÀ CHÍ SĨ PHAN BỘỊ CHÂU
4. TÌM ĐỊNH HƯỚNG

PHẦN II

HUẾ, KHÓ QUÊN...

1. CHUYẾN ĐÒ NGANG
2. CHỊ TRÀ

PHẦN III

ÔI ! KIẾP TÀI HOA !

1. CÔ GÁI ĐỒNG TRINH

2. NHỚ NHUNG

3. VẮNG BÓNG

4. BỨC THƯ XANH

PHẦN IV

NHỮNG RIÊNG TƯ KỲ DỊ

1. CHỈ MỘT ƯỚC MƠ

2. CHỈ MỘT NIỀM TIN

PHẦN V

PHỤ THÊM

(Về cái chết của Hàn, an táng và cải táng)

PHẦN VI

ĐIỀU CHỈNH LẠI Ý NGHĨA

1. BÀI AVE MARIA

2. ĐÂY THÔN VĨ DẠ

PHẦN VII

PHẦN PHỤ LỤC

LỆ THANH THI TẬP

LỜI BẠT

LỜI DẪN

Từ hơn nửa thế kỷ qua, sau khi Hàn Mặc Tử qua đời, đã có nhiều quyển sách viết riêng về ông và thơ ông. Bản thân tác giả Nguyễn Bá Tín cũng đã cho in **Hàn Mặc Tử, anh tôi**. Ở tập sách **Hàn Mặc Tử trong riêng tư**, ông Nguyễn Bá Tín lại chọn một hình thức kể chuyện nhẹ nhàng để đi sâu vào những nhân vật và sự kiện ít được biết tới, theo tác giả là có quan hệ trực tiếp tới một số bài thơ nổi tiếng của Hàn Mặc Tử. Tôn trọng ký ức của người viết, Nhà xuất bản Hội Nhà Văn trân trọng giới thiệu **Hàn Mặc Tử trong riêng tư** và mong rằng Nhà xuất bản chúng tôi, nếu có dịp sẽ giới thiệu những cách hiểu, cách giải thích khác và trước tiên là những tài liệu khác, có liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp của Hàn Mặc Tử mà chúng ta hằng yêu

mến.

Hà Nội, tháng Bảy năm 1994
Nhà Xuất Bản Hội Nhà Văn

LỜI NÓI ĐẦU

Những năm qua, vì lẽ riêng, gia đình Hàn Mặc Tử phải giữ im lặng, đành để cho những bạn yêu mến Hàn, những nhà khảo cứu văn học chấp nhận miễn cưỡng những gì huyền hoặc, suy diễn với những sản phẩm tưởng tượng của những người tự coi là hiểu biết về Hàn.

Những nhận xét sai, hoặc chưa đúng sự thật về Hàn đã làm cho giới văn học bỡ ngỡ, hoang mang khi đọc Hồi ký Hàn Mặc Tử anh tôi xuất bản tháng 3/1991 tại Việt Nam và tại Pháp.

Đó là một tai nạn đã qua đi, làm thiệt thòi cho lịch sử văn học từ 50 năm nay. Chỉ vì Di cảo của Anh tôi đã bị mất sạch toàn bộ.

Hôm nay, viết thêm tập Hàn Mặc Tử trong riêng tư, tôi cũng muốn nhân cơ hội, cố gắng đính chính một ít sai lầm có tính cách tôn giáo và văn học, ghi lại những câu chuyện xa xưa của dòng họ, những mối tình kỳ ngộ thoáng bay, nhất là những biến đổi tâm trạng trong những ngày anh đau nặng đến tuyệt vọng, để tìm hiểu riêng tư anh, qua những bài thơ anh viết ra.

Thơ Hàn rất trung thực, từ thơ Đường luật đến thơ mới, anh luôn luôn phản ánh những gì con tim anh tiết lộ, cảm nghĩ anh rất chân thành, có thể dẫn dắt đến những riêng tư thầm kín mà, tuy chưa đọc đến nội dung, đầu đề bài thơ cũng đã cho người đọc thấy trước. Như bài AVE MARIA, bị bỏ mất chữ AVE, ý chính của bài thơ, mà vốn là Kinh Kính Mừng.

Một bài khác, Ở đây thôn Vỹ Dạ chữ “Ở” bị một ít bạn bè nặng óc giáo khoa, bỏ chữ “ở” cho gọn ghẽ hơn. Tôi sẽ có dịp trình bày lại trong bài này.

Một riêng tư lớn của anh là ảnh hưởng tinh thần Cách mạng của ông cậu ruột, mà mẹ tôi kể lại cuộc đời mạo hiểm sống chết đi qua, hình ảnh cậu đã in sâu đậm vào trí óc anh, khiến anh toàn ngả theo chí hướng Cụ Sào Nam mà cơ duyên gặp gỡ đã đưa anh vào giấc mộng lớn đời anh.

Dù vậy, riêng tư anh không hề tiết lộ với ai trong bạn bè, mà chỉ qua những bài thơ đăng trên báo Tràng An những ngày còn đi học.

Anh Chế Lan Viên viết về anh trong tập “Thơ Hàn Mặc Tử”, đã thổ lộ: Tử rất kín đáo, thời kỳ quen nhau với chúng tôi, nhất là với anh Nguyễn Minh Vỹ (tức Tôn Thất Vỹ trong Hồi ký Hàn Mặc Tử anh tôi) vốn là một đảng viên Cộng sản vừa ra tù, tuyệt nhiên, Tử không hề khoe khoang đến riêng tư của anh.

Tôi cũng không dám tiết lộ vì tôn trọng bản tánh khiêm cung của anh, mà một thời anh được chút tiếng tăm và được bạn bè kính nể.

Trong riêng tư thầm kín này, Hàn đã gặp được cơ duyên hi hữu với nhà Cách mạng lão

thành, cụ Phan Bội Châu, được cụ san sẻ cho một ít tình yêu Đất nước, Dân tộc trên con đò cô độc ở bờ sông Bến Ngự, tuy vắng vẻ, chớp nhoáng nhưng sâu đậm lâu dài.

Cơ duyên này, chính Cụ Sào Nam đã bắt gặp được trong một bài thơ, bài Thức Khuya, bộc lộ cả tấm lòng yêu nước trong lời thơ xót xa, thương tiếc giùm thân thể Cụ, như người bạn trên đường đấu tranh.

Cụ không dấu nổi vui mừng như tìm lại được tri âm tri kỷ chờ đợi quá lâu, từ ngày trở về nước, mà hương vị còn đọng lại trong chén trà thơm buổi sáng trên con đò cấm cố.

Một vinh hạnh lớn nhất trong đời anh, khi Cụ Sào Nam viết trên tờ *Mộng Du* thi xã:

“Từ ngày về nước đến nay, được xem nhiều bài thơ Quốc âm, nhưng chưa được đọc bài nào hay đến như thế. Hồng Nam, nhận Bắc, ước ao có ngày gặp gỡ bắt tay cười to một tiếng cho thoả hồn thơ.”

Cuộc gặp gỡ duyên số đó, đã mở đầu vào giấc *Mộng lớn* như anh đã ước mơ.

Sự nghiệp gọi là Cách mạng ít ỏi đó, có lẽ đã kết thúc sau một năm sống ở Sài Gòn, không có gì hồ hởi, để rồi mở rộng cõi lòng cho hồn thơ vào ngự trị suốt cả cuộc đời Anh.

Một riêng tư khác về một ước ao quá lớn ngoài kích thước mà Thế gian không thể đo lường được, mà ngày càng trưởng thành trong tâm trí anh. Đó là Giấc mộng lớn nhất của cuộc đời bệnh hoạn Anh, khi anh đứng trước một tuyệt vọng mệnh mông mà chỉ có cái Chết mới giải thoát anh được.

Những ngày dài, anh sống trong trầm tư mặc tưởng, tôi tìm hết mọi cách để hướng anh về một hy vọng cao siêu hơn. Quả tình anh đã trông thấy hy vọng đó rõ ràng hơn tôi, khi tôi trao cho anh tập sách bỏ túi *Imitation de Jésus Christ* của L.M.Lamennais, để suy gẫm về gương nhân đức theo Chúa Giêsu. Thời ấy tập sách này được nhiều người thích suy niệm (về sau, Lamennais bị vạ tuyệt thông của La Mã). Tôi thấy anh Trí nghiệm ngầm câu:

Dieu seul sait le temps et la manière de vous délivrer. (Nói về sự cứu giải thiêng liêng mà Thiên Chúa đã định)

Câu suy niệm này nói về sự giải thoát thiêng liêng mà chỉ có Thiên Chúa mới biết lúc nào và bằng cách nào. Tuy nhiên trong hoàn cảnh tuyệt vọng của anh, anh tin tưởng đến một phép lạ mà quyền năng Thiên Chúa có thể cứu giải một cách dễ dàng. Cũng như Kinh thánh đã chép lại khi Chúa xuống thế, cứu chữa lành mạnh bao nhiêu người mắc bệnh phong mà chỉ cần nói một câu: Bệnh con đã lành.

Từ đó anh chờ đợi một phép lạ và tin chắc sẽ có phép lạ. Ý nghĩ thật táo bạo, nhưng tin tưởng lại càng mãnh liệt hơn. Chẳng hạn câu chuyện Cam Phụng Trĩ dùng vũ thuật bay lên cao như trong phim *Hỏa thiêu hồng liên tự* (đã nói trong tập *Hàn Mặc Tử* anh tôi). Anh cũng tin là có thể lên trời được. Anh viết trong bài *Ave Maria*, ước ao về Trời gặp Đức Mẹ cũng thể hiện được. Một câu hát trong *Cantiques de la Jeunesse*: “Au ciel, au ciel, Oui, j’irai voir Marie” đã từng làm cho anh mơ ước có ngày sẽ lên trời gặp Mẹ, Anh viết:

*Hồn tôi bay đến bao giờ mới đậu
Trên triều thiên ngời chói vạn hào quang.*

Đã có một thời đau nặng, những bài thơ anh xót xa cay đắng bỗng nhiên ít thấy xuất hiện, thay vào đó những bài đầy màu sắc, đầy âm thanh xa lạ chưa hề thấy trong thơ anh xâm nhập vào vòm thơ anh.

Không kể những lúc gần như hôn mê trong trạng thái xuất thần, và tỉnh lại anh viết những gì siêu thoát, những gì ngoài vũ trụ anh vừa đi qua, gặp được nhiều người, nghe nhiều âm thanh lạ, Anh còn có những bài thơ diễn tả những cảnh vật bên ngoài bờ không gian, hoặc nói một cõi Trời mới lập, một Mùa Xuân đầu tiên chưa hề có trên Thế gian, như những bài Ra Đời, Nguồn Thơm. Ý thơ lạ lùng nhưng có vẻ như quen thuộc gần gũi với anh.

Tìm hiểu anh bằng cách định nghĩa theo phương pháp tự kỷ ám thị, tôi thấy anh càng ngày càng tin tưởng vào một phép lạ nào đó. Anh càng đọc kinh cầu nguyện nhiều hơn, kiên nhẫn hơn không dám xao lãng.

Trong bài Bức thư Xanh, Hàn viết về một tình thương đột ngột đến với anh làm cho anh rất xúc động, nhưng anh không đeo đuổi, sợ xao lãng sự cầu nguyện. Bài thơ này đã chứng minh niềm tin của anh trong Thiên Chúa, và cũng là bài mở đầu tập Xuân Như ý rất đạo hạnh của anh.

*... A Thanh Huy, Thanh Huy Thanh Huy,
Ta cấp nàng bay cao hơn tiếng nhạc
Cho nàng hớp đầy môi hương khoái lạc...*
(Bức thư xanh)

Năm mươi năm về trước, nếu có xảy ra hiện tượng say ma túy, thì ai đã đọc thơ của Hàn đều có thể ngờ là ảnh hưởng những cơn say ma túy. Vì những hình bóng, những màu sắc, anh trông thấy hồi đó, đều đã xảy ra hôm nay cho những người nghiện ma túy. Hãy đọc bài thơ Ra Đời dưới đây:

*Một chiều xanh, một chiều xanh huyền hoặc
Sáng bao la vẫy lút cả Thiên Đàng
Muốn ý tứ say chìm nơi bất giác...*

May thay! Cám ơn Chúa, Anh còn rất minh mẫn và sâu sắc trong những năm tháng cuối đời. Hàn đã viết được những bài thơ bất hủ: Ở đây thôn Vỹ Dạ và Cầm châu duyên là những áng văn chương trác tuyệt, suy cảm rất phong phú thần tiên.

Nếu nói những bài thơ anh viết ra do một thứ bệnh hoạn nào đó, nên giọng thơ có phần huyền hoặc, khó tin, thì những bài: Ở đây thôn Vỹ Dạ, tập Duyên Kỳ Ngộ (Cầm châu duyên) lại chứng minh những sáng tác của trí tuệ, suy cảm phong phú của con tim tình yêu gắn bó.

Điều làm cho tôi kinh ngạc là nguồn thơ tuôn chảy mãnh liệt tưởng chừng khó chấm dứt, vậy mà anh trở lại bình thường và rất bình tĩnh, khi anh bị bắt buộc phải dừng lại với một thái độ hơi mỉa mai trong bài: Nói tiên tri đã tỏ ra sắc sảo tuyệt vời (trong câu chuyện Thương Thương).

*Ta muốn làm quen phong vị mới
Sao người Trưởng Thành nói tiên tri
Chơi cho rất mực tài hòa ấy
Để thấu tai người áo Cổ y (ý nói quan lớn).*

Thật không ai tế nhị và cao ngạo bằng. Những trường hợp sáng tác thơ huyền hoặc, đều ước mơ đến một mùa xuân mới, một mùa xuân khó kiếm thấy ở Thế gian, cho nên tập thơ mang tên Xuân như ý mà tôi sẽ giới thiệu một ít bài sau đây để độc giả có dịp so sánh, cân nhắc để đánh giá một thứ riêng tư kỳ lạ chưa hề được nhận ra đúng mức.

PHẦN I

MỘNG LỚN

1. CÂU CHUYỆN XƯA CỦA BÀ MẸ

Khác với bên Nội, những câu chuyện có liên quan đến lịch sử Đất Nước mà Nội - tổ cấm ngặt không được ai nhắc đến quá khứ Cần Vương, cũng như thành tích trong quá trình binh nghiệp của Cụ, thì bên Ngoại, mẹ tôi thường hay kể lại những biến cố, những thảm họa mà dòng họ đã trải qua trong một thời kỳ ly loạn cuối triều Tự Đức.

Chẳng những Bà không dấu diếm, không e dè, Bà còn kể lại tỉ mỉ, buộc con cái phải ghi nhớ như những vinh quang đáng được hãnh diện. Vì đó không phải là điều bất hạnh cho dòng họ.

Mẹ tôi là con gái út, trong khi các anh chị trưởng thành gia thất. Lúc bấy giờ vào khoảng trên dưới 10 tuổi, mà trí nhớ của Bà không hề bỏ sót một chi tiết nào.

Bà thường theo Bà Ngoại vào Đại nội chữa bệnh cho các phi tần cung nữ, cùng ngồi chung một võng với Bà Ngoại vì lệnh rất nghiêm, cấm không được ai vào nếu không có nội thị hướng dẫn. Và cũng không được tiếp xúc riêng tư với các phi tần cung nữ.

Bà Ngoại rất am tường khoa chẩn mạch đông y. Mẹ tôi kể lại, nhiều bệnh khó, Thái ý và Ngự y phải mời Bà Ngoại vào tham khảo tranh luận. Vì vậy rất được tin cậy. Chính Ông Ngoại là Ngự y mà cũng không giỏi hơn Bà Ngoại.

Nhờ vậy, Bà Ngoại được phép tiếp xúc riêng tư với các phi tần bằng phương pháp chẩn mạch: Vọng, văn, vấn, thiết (nhìn, nghe, hỏi và gần gũi) được nghe nhiều chuyện trong thâm cung ghê sợ.

Nguyên nhân mắc bệnh trong cung phần đông do những thiếu thốn về sinh lý, tâm bệnh mòn mỏi. Và cũng là do những trò chơi quái nghịch của vua chúa xem mạng người như cỏ rác.

Câu chuyện toán nữ binh lửa thể tập trận, dưới triều vua Thành Thái, một ông vua điên loạn mà hoàng cung giải thích như kế hoạch đánh lừa chính phủ Pháp để chờ phen nổi dậy là một ví

dụ.

Không có người nào trong đám nữ binh, không mang nhiều thương tích, thậm chí thành tật vì đao kiếm.

Những cái chết rùng rợn của các vị Vua con nít: Hiệp Hòa, Kiến Phước cũng được nghe kể lại chi tiết. Hiệp Hòa mới 10 tuổi bắt lên ngôi báu rồi phải nhận tam ban Triều Điển (gươm, thuốc độc và giải lụa).

Nghe kể lại ông Vua trẻ con đó, khóc la không chịu làm Vua, chạy trốn ẩn trong cầu tiêu, bị lôi ra chận họng đến lòi cả mắt ra để đổ thuốc. Kiến Phước cũng chết như vậy.

Vua Dục Đức biết trước số phận, đã xé chiếc áo địa xanh (một thứ gấm mỏng) nuốt hết mà chết trong ngục.

Đó là thời lộng hành của các gian thần, loạn tướng để lại cho lịch sử nước nhà những chiếc khăn tang và nước mắt đầm máu.

Những câu chuyện trong thâm cung, tuy bị bung bít ra ngoài bá tánh nhưng người nào có cơ hội kể lại, vẫn tự xem như nhẹ bớt nỗi buồn phiền của chính họ.

Cái chết của nàng cung nữ bất hạnh này, chỉ vì ước mơ được gần vua một lần, dù chết cũng can tâm. Đó là một cung nữ trẻ đẹp trong số mấy ngàn người trong Tam cung, Lục viện sống mòn mỏi không hề có mùa xuân thắm.

Cung nữ này, được nghe kể lại, xuất thân nhà nghèo, được tiến vào cung nhưng không có tiền lo lót cho nội giám, nên chỉ được quét dọn ở bên ngoài nội tẩm.

Một lần trông thấy Vua (Minh Mạng) một “Ngài Ngự” trẻ đẹp, đem lòng say đắm, mong mỗi được gần gũi một lần thôi, mà chết cũng chịu.

Vua Minh Mạng nổi tiếng hiếu sắc và hiếu sát tàn nhẫn hơn hết các vua Nguyễn triều, không kém Dương Quảng (Tuỳ Đế nước Trung Hoa).

Một hôm, người cung nữ đẹp mà vắn số này, không biết làm thế nào vào được long sàng, gặp lúc vua đang ngủ. Nhìn sững sờ một hồi, không cầm được nỗi ước mơ, rón rén hôn nhẹ má vua.

Vua giật mình tỉnh dậy, nàng hoảng sợ vội vàng bỏ chạy. Còn chưa tỉnh, vua thét nội thị tìm bắt và đem chém. (Có người nói là vua la lên: thích khách). Minh Mạng độc ác nên luôn luôn sợ kẻ ám sát.

Cung nữ bị đem ra chém. Theo kể lại, nàng bị chém ngang lưng (yêu trảm) không khóc than, chỉ hướng về nội tẩm lạy mấy lạy rồi bình tĩnh thụ hình pháp.

Trong nội cung nghe nói đều gạt lệ thầm nhưng không ai dám hở môi.

Hàn Mặc Tử nghe câu chuyện bị xúc động mãnh liệt, anh có làm một bài thơ nhắc lại thảm kịch đó bằng một giọng tuy oán trách nhẹ nhàng nhưng không thiếu phần xót xa đau đớn.

NHỚ THƯƠNG

*Trầm ngâm nghe bay trong lãnh cung
Xuân thơm bối rối ngọt vô cùng
Ôi chao, thánh thượng vô tâm quá*

Lòng thiếp buồn như một tấm nhung

*Ở đây châu báu vô tri hết
Pho sách quần phương lộ ý nhiều
Hãy tìm cho được Hoa cung cấm
Xem thử tên Hoa có mỹ miều*

*Ngoài kia Xuân đã thắm duyên chưa
Trời ở trong đây chẳng có mùa
Không có niềm trăng và ý nhạc
Có người cung nữ nhớ thương vua.*

*Đừng ai nhắc nhở đến xuân trong
Vô số là xuân chiếm mọi lòng
Mỗi người đều có xuân riêng cả
Thiếp viết xuân trên mảnh lụa hồng.*

Trong bài thơ này, Hàn Mặc Tử mượn cuộc đời cô quanh khao khát yêu đương trong cung cấm, để diễn tả nỗi lòng người Cung nữ bất hạnh đã chết vì thương yêu Vua.

Các phi tần cung nữ trong Đại Nội, mỗi người một vẻ như bó hoa trăm sắc trăm hương (quần phương) tìm cách phô bày vẻ thướt tha kiều diễm, tươi mát để mong được Ngài ngự lưu ý.

Nhưng vua chúa (châu báu) vô tình bước qua đi, dẫm chân lên nỗi lòng buồn thảm của họ, tuy ân ái dịu dàng như tấm nhung, nhưng biết bao cay đắng xót xa.

Ôi chao! Thánh thượng vô tâm quá.

Vậy thì ai là người đẹp nhất, có phúc được vua đoái hoài?

Ngoài kia bá tánh, đã có bao mùa xuân nên duyên thắm, mà sao nơi đây không hề biết mùa Xuân (yêu đương). Không có trăng không có nhạc, chỉ có Vua là ước mơ thầm lặng của mỗi người trong cuộc đời khép kín.

Người cung nữ nào đây đã phải trả Mùa Xuân bằng giá màu hồng. (Thiếp viết Xuân trên mảnh lụa hồng).

Nếu không biết câu chuyện thương tâm này trong thâm cung bưng bít thì bài thơ Nhớ Thương này là một trong những bài thơ kỳ lạ khó hiểu nhất từ xưa nay của Hàn Mặc Tử.

Những ngày còn học ở Huế, anh Trí thường về làng Kim Long, vốn cùng là quê ngoại, để tìm hiểu tông tích người cung nữ đẹp và vắn số này. Lòng thương xót và hiếu kỳ thúc đẩy anh ra sức tìm hiểu luôn mấy tháng trời vẫn không biết gì hơn.

Kim Long là một làng nổi tiếng có nhiều người đẹp. Phần lớn cung nữ trong Đại Nội đều có thân nhân tại đây.

Mẹ tôi kể chuyện bà dì ruột con thứ hai ông bà Ngoại tôi, cũng nổi tiếng đẹp nhất Kim Long. Bà tên là Nguyễn Thị Hườn.

Vua Dục Đức, thưở còn là ông Hoàng, nghe tiếng bà đẹp, mượn cớ đến ông Ngự y (ngoại tổ) dấu thuyền một nơi kín cho lính lùnh bắt bà Hườn. Đêm nào cũng rình rập, ông Ngoại tôi lo lắng gọi bà lên trốn trên An Vân. Cuối cùng phải gả chồng gấp. Nhưng số bà yếu, sinh được hai

người con thì Bà mất, Dượng tôi thương tiếc thành bệnh cũng mất sau đó không lâu.

*

Mẹ tôi kể lại cái chết bất đắc kỳ tử, mở đầu thảm họa cho dòng họ, mà ông Ngoại tôi đã thọ hình ngay trước mặt bà.

Đêm ấy, vừa đọc kinh xong, nghe có tiếng phá rào, chó sủa, rồi một đoàn người đeo gươm vác giáo xông vào nhà, lôi ông Ngoại ra sân bắt quỳ xuống. Đích thân tướng Trần Soạn rút kiếm chém. Bà Ngoại cũng bị dẫn đi. Không ai hiểu vì sao cả. Cậu cả ký Bích may mắn chạy thoát, đang đêm đi bộ vào Quảng Nam và không dám trở về nhà nữa.

Bà con trong họ xúm lại thăm liệm thi thể ông Ngoại và đưa luôn về trên làng An Vân thuộc họ ngoại chôn cất tại đó. Phải chăng vì bà Ngoại hay ra vào cung cấm, liên quan với Hoàng tộc? Bà Ngoại bị giữ lại bên Pháp Ty gần một tháng tra khảo rồi tha về, bên má trái có thối hai chữ Tả đạo. Bà Ngoại giữ im lặng không hề thổ lộ những gì đã trải qua bên Pháp Ty, cho đến khi qua đời. (Ông Ngoại thuộc thành phần phái đoán sang Pháp cầu hòa do Cụ Phan Thanh Giản lãnh đạo).

Trong gia đình chỉ đoán vì bà Nguyễn Thị Huân, chị ruột của mẹ tôi được Vua Dục Đức, thưở còn là ông Hoàng rất mê say, vì vậy bị liên lụy.

Người cậu, anh thứ hai mẹ tôi bỏ nhà đi theo hoạt động Cách Mạng do Đông Kinh Nghĩa Thục từ ngày xảy ra biến cố, và đã tạo ít nhiều huyền thoại trong dòng họ, tác động mạnh tinh thần Hàn Mặc Tử thưở còn bé.

Mẹ tôi là em út được Cậu rất thương, dạy mẹ tôi học làm thơ, dạy đàn. Về ông, chúng tôi sẽ kể câu chuyện sau đây:

(Câu chuyện mà tôi kể lại, từng được nghe từ thưở bé, đã thành văn trong trí nhớ. Vì vậy chưa bao giờ nghĩ đến tra cứu sử sách. Nếu có những sai lầm nào đó về không gian về thời gian, xin quý độc giả lượng tình bỏ qua và xem như huyền thoại vậy).

2. CẬU THÔNG OANH (VÀ ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC)

Cậu Nguyễn Văn Oanh từng làm thông dịch viên nên thường được gọi là Thông Oanh. Một con người kỳ lạ trong dòng họ, ít ai hiểu được rõ ràng.

Chỉ biết là con người tài hoa, thơ hay đàn giỏi, phong lưu rất mực và đa tình như cánh bướm vườn xuân.

Theo mẹ tôi kể lại thì ông xấu trai, hơi rỗ hoa mè nhưng ăn nói rất hấp dẫn, chinh phục được hầu hết những ai nghe cậu tôi trò chuyện.

Cha tôi khi đổi vào tòa sứ Hội An, Cậu khuyên ông bỏ tòa sứ qua Thương Chánh, để hoạt động cho Đông Kinh Nghĩa Thục. Vì Thương Chánh, tức Hải quan có nhiều cơ hội liên lạc với

Cách mạng hải ngoại.

Mẹ tôi nghe được chuyện này hơi lo, nhưng rất tin ở cậu Thông Oanh. Theo Bà kể lại, việc cậu làm nghe rất nguy hiểm, vào sinh ra tử mà cậu xem như dự một cuộc hòa đàm, một buổi ngâm thơ. Rượu uống tràn như nước. Những lúc cao hứng thì ngâm bài thơ Đường mà mẹ tôi thuộc lòng.

*Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi
Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi
Tuý ngọa sa trường quân mạc tiểu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.*

Lại ngã ra ngủ say. Lúc tỉnh dậy, xách dù ra đi không ai biết. Cậu tôi đi về Quảng Châu Loan – Hội An như đi chơi, không bao giờ có hành trang, thoát đi, thoát đến không báo trước.

Năm cha tôi đổi về Quảng Bình, cậu tôi ở hải ngoại về, thỉnh thoảng ra thăm trò chuyện rất tương đắc.

Một hôm cậu tôi ra thăm, trông thấy anh Trí vừa được 3 tuổi, cậu xem tướng khen: “Thằng ni được lắm, Cô Dương cho tôi đem nó đi với tôi”. Mẹ tôi nói: “Anh chưa có nơi định trú chắc chắn, đem nó về ở đâu”. Cậu cười: “Trong thiên hạ không có chỗ nào là không ở được. Hai năm nữa tôi về đem đi”.

Lúc bấy giờ mẹ tôi dự trữ cá khô, mắm để cậu tôi đem đi. Hình như trong làng chú ý nhiều lần rồi.

Bỗng một hôm thành linh cậu đến lúc nửa đêm, nói chuyện rất lâu với cha tôi, gần sáng lại ra đi. Cha tôi vội vào phòng đem tất cả giấy tờ đốt sạch. Sau lần này, cậu biệt tích luôn. Anh Trí nghe chuyện cậu, lấy làm thích chí, xem Cậu như thần tượng. Anh làm bài thơ tả ý chí ngang tàng của Cậu:

ĐỜI PHIÊU LÃNG

*Mây trắng ngang trời bay vẫn vơ
Đời anh nào có khác chi mô
Đi đi đi mãi nơi vô định
Tìm cái phi thường, cái ước mơ*

*Ở chốn xa xôi em có hay
Nắng mưa đã trải biết bao ngày
Nu cười ý chí như mai mĩ
Mĩa cái nhân tình lúc đổi thay.*

*Trên đời gió bụi anh lang thang
Bụng đói như cào, lạnh khớp răng
Không có nhà ai cho nghỉ bước
Vì anh là kẻ chẳng giàu sang.*

*Ban đêm anh ngủ túp lều tranh
Chỗ tạm dừng chân khách bộ hành
Đến sáng hôm sau anh cất bước
Ra đi với cái mộng chưa thành.*

Luôn mấy năm về sau, tìm hỏi các bạn thân của Cậu. Chẳng ai biết gì, nhưng một người Tàu

ở Hội An cho hay: Sau một cuộc biến động ở Quảng Châu Loan nhiều người Việt bị bắt đem đi mất tích, không nghe nói gì. Trong số đó chắc có Cậu Thông Oanh tôi. Đúng như Cậu đã tiên tri:

*Tuý ngọa sa trường quân mạc tiểu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.*

Cuộc chiến cậu đã tham dự có lẽ âm thầm, cũng có thể đã nổ bùng trong một biến động không biết là trong hay ngoài nước.

Hàn Mặc Tử thương tiếc Cậu, so sánh khí phách ngang tàng, xem cái chết nhẹ như lông hồng của Cậu với Cao Bá Quát, khi nghe truyền tụng câu nói họ Cao lúc đưa ra pháp trường vì tội phản loạn theo giặc Châu Chấu. Cậu nói vừa chua chất vừa đùa cợt, ngạo nghễ.

*Ba hồi trống giục mồ cha kiếp
Một lát gương đưa bỏ mẹ đời.*

Hàn chê vua Tự Đức hẹp hòi, đối xử với một thiên tài đất nước không bằng Đường Minh Hoàng tha chết cho Lý Bạch, nhà thơ bất hủ đời Đường đã theo phản loạn An Lộc Sơn. Vậy mà vua Tự Đức cũng đã từng khen:

*Văn như Siêu, Quát vô Tiền Hán
Thi đáo Tùng, Tuy thất Thịnh Đường.*

Phải chăng vua Tự Đức muốn đề cao văn chương hai ông hoàng, Tùng Thiện Vương và Tuy Lý Vương lên ngang các thiên tài Siêu, Quát?

Giặc Châu Chấu so với giặc An Lộc Sơn chỉ là một thứ tép riu mà nhà vua Tự Đức cũng sợ hãi phải giết Quát đi thì thật là tồi tệ, nếu không muốn nói là mượn có giết người tài.

Cha tôi mất mấy năm, mẹ tôi về Qui Nhơn buôn đồ cổ. Mợ Thông Oanh cũng ra vào mấy lần đem đồ cổ của dòng họ nhờ mẹ tôi bán cho Trường Bác Cổ Viễn Đông.

Chúng tôi đều được trông thấy mợ. Người đàn bà lấy chồng từ thưở 17 tuổi đến nay, mà cuộc sống lứa đôi chỉ đến được có tháng, ngày. Vậy mà bà vẫn vui vẻ an phận không hề oán trách Cậu. Vẫn cô đơn không nghĩ đi bước nữa, mà trông mợ trẻ như mới trên 30 tuổi thôi.

Anh Trí xót xa cho mợ, mượn câu thơ Phan Thanh Giản đọc cho mợ nghe:

*Đường mây cười tở ham dong ruỗi
Trướng Liễu thương ai chịu lạnh lùng.*

Mợ vẫn cười vui vẻ, vô tư.

Mợ Thông Oanh vốn là con gái của một ông Thông nhì ở huyện Điện Bàn. Ông Thông nhì cũng là tay lăng mạn, thích ngâm thơ uống rượu, thấy được khí phách ngang tàng của Cậu Thông Oanh, rất quý trọng. Nghe nói Cậu không chịu lấy vợ, ông đem con gái cưng mới 17 tuổi gả cho Cậu. Ông nói: “Mi đừng lo, con gái tao cũng như tao vậy. Tao thích là nó thích”. Vậy là Cậu tôi có vợ và bà vợ này chịu đựng thắm lặng cái tánh “bất cần đàn bà” của Cậu. Bà vợ thủy mị, dễ bảo, kỳ lạ này cũng vẫn thế cho đến ngày nay.

Hàn Mặc Tử rất quý trọng mợ. Anh làm bài thơ Lòng quê mượn câu chuyện một nhà Cách Mạng thất bại bị tổng giam nhận được thơ vợ ở quê nhà, để tặng cho mợ:

Từ khi trong quán khách

Anh bút áo ra đi
Nước mắt em ràn rụa
Lòng anh xiết sầu bi
Đạp chân lên đường máu
Anh gây chuyện ly kỳ
Rồi nước mây lưu lạc
Rồi anh ôm tình si
Âm thầm cùng ngày tháng
Không biết ở thôn quê
Em có gầy như liễu
Hay buồn như đám mây
Thương em không dám nghĩ
Đương lúc nước nhà nguy
Mối thù tràn như sóng
Lòng nào anh nỡ si
Cách nhau ngàn sông núi
Còn thấy rõ dung nghi
Phảng phất luôn trước mắt
Dường mới gặp hôm tê
Yêu nhau đánh thú thật
Sống thác có hề chi
Trong lúc ngồi tưởng tượng
Lệ em tưới bài thi
Yêu đương cầm đọc mãi
Dưới ngọn đèn vô tri
Xét thân anh vô dụng
Ung huỷ kiếp nam nhi
Sống chung cùng kẻ nghịch
Hổ thẹn đến ngàn cây
Có em anh sống gượng
Hồn anh về thôn quê
Theo em trong giấc ngủ.
Theo em bên bánh xe.
Nước mây còn lưu luyến
Tiếng lòng còn lân ly
Tả xong niềm tâm sự
Ruột gan đều tái tê...

3. NHÀ CHÍ SĨ PHAN BỘI CHÂU

Câu chuyện Cậu Thông Oanh đã vẽ lên trong đầu Hàn Mặc Tử hình ảnh một nghệ sĩ tài ba lãng mạn với nếp sống bên ngoài, mà bên trong khí phách ngang tàng như một anh hùng Cách Mạng.

Những năm còn học Pellerin Huế, anh ở Bến Ngự trọ nhà cụ Nghè Tuần, không cách xa bao nhiêu con đò “cắm cổ” của Cụ Sào Nam.

Từ nhà trọ anh có thể trông thấy Cụ mỗi buổi sáng uống trà trên mạn thuyền. Chắc anh nghĩ Cụ đang làm thơ để sống lại những ngày sống xa quê hương, dấn thân vào một cuộc đời cách mạng nguy hiểm. Lại một thần tượng nữa, đáng được tôn thờ của anh.

Ở vào lứa tuổi 18, 19 hoàn cảnh đất nước cũng giúp anh ít nhiều thi hứng yêu nước thương nòi.

Hình ảnh Cụ Sào Nam, mỗi ngày anh trông thấy lạc lõng cô đơn, khiến anh cảm thương con người chí lớn không thành, mà cuộc đời oanh liệt chỉ còn đẹp ngẩn ngui trong ráng mây buổi hoàng hôn.

*Tịch dương vô hạn hảo
Chỉ thị cận hoàng hôn.*

Anh làm bài thơ Thức Khuya để tỏ nỗi lòng chia sẻ với Cụ:

*Non sông bốn mặt ngủ mơ màng
Thức chi mình ta dạ chẳng an
Bóng nguyệt leo sang rò rẩm gối
Gió thu lọt cửa cọ mài chăn
Khóc giùm thân thể hoa rơi lệ
Buồn giúp công danh để dạo đàn
Chối dậy nôm na vài điệu cũ
Năm canh tâm sự vẫn chưa tàn.*

Bài thơ đăng trên báo Tràng An, được Cụ Sào Nam khen ngợi chân tình làm cho anh cảm động đến rơi lệ, và anh bỗng nổi tiếng.

Những lời thơ già dặn, ý thơ nồng nàn, nhất là bút hiệu Phong trần, khoác lên cho anh bóng dáng một con người từng đi vào trong cuộc đời gió bụi, gần gũi với đấu tranh của Cụ Phan.

Cụ Phan đã đánh giá bài thơ anh ngang với những bài thơ lỗi lạc, bày tỏ chí lớn của hạng người nặng nợ non sông.

Những câu...

*Khóc giùm thân thể hoa rơi lệ
Buồn giúp công danh để dạo đàn.*

Nghe như tâm sự xót xa “Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”, xui lòng náo nức, mong được cùng nhau hội ngộ.

Trong cung cách xưng hô, Cụ gọi anh là “Tiên sinh”, khiến nhiều người ngỡ ngàng với một cái tên chưa hề thấy xuất hiện. Có ai biết đấy là anh chàng học sinh mới có 19 tuổi.

Sở mật thám Pháp nghe được tin vội vàng điều tra, biết anh đang có tên trong danh sách những người được Hội Như Tây du học bảo trợ. Họ rút mất giấy phép vừa được bổ túc hồ sơ cho qua Pháp.

Chủ mật thám Huế, Sogny, gửi hồ sơ anh Trí vào điều tra ngay tại Qui Nhơn.

Hai chuyên viên “đánh hơi” của Sở Mật thám Qui Nhơn, Dung và Viễn không có ngày nào là không qua lại dòm ngó căn nhà bên cạnh Bà Phán hạc trên đường Khải Định.

Nhìn vào thường thấy anh chàng Bùi Tuân, gác chân lên chiếc bàn mây, tay ôm cuốn sách ngủ gà ngủ gật.

Tan giờ học, giờ làm việc, thỉnh thoảng mới thấy xuất hiện anh học trò trắng trẻo nhỏ bé, áo dài đen, mang đôi guốc gỗ, quai bố lốp xe hơi, khệ nệ ôm cái nón Bình Định bằng tre đan nặng và to như cái sàng phơi lúa, rụt rè nhìn vào nhà, chờ mãi cho đến khi thấy anh Trí xuất hiện. Hoàng Diệp chậm rãi lơ đãng như đang tìm một vần thơ, đến trước cửa gọi vào: “Anh Trí ơi, có anh Trí ở nhà không bác?”

Đó là những hình ảnh quen thuộc mà hai tên “đánh hơi” của Sở Mật thám Qui Nhơn làm “ráp bo” cho tên chủ Véran về tình hình tên “tình nghi Nguyễn Trọng Trí tức Phong Trần”.

Mặc dầu bị gọi mấy lần xuống sở Mật thám để khai rõ về các bạn hữu anh, anh vẫn không hề bối rối khi kể chuyện những anh học trò hiền lành nhút nhát, những anh thư ký đặc điền rất an phận như chiếc lá thu vàng.

Thái độ tự nhiên không sợ hãi của anh không giúp ích gì thêm cho cuộc điều tra của sở Mật thám, nên cuối cùng phải bỏ qua không đòi hỏi gì nữa. Anh vẫn bình tĩnh nhưng cả nhà đều hoảng sợ. Anh Mộng Châu phải viết thư ra Huế cho Cụ Bài nhờ can thiệp. Mọi người đều lo lắng.

Có lẽ nhờ thế mà anh ung dung đi lại không ai lưu ý nữa. Và rồi anh lại mò mẫm ra Huế, khi Cụ Phan đăng bài anh với bài họa của Cụ lên báo của Mộng Du thi xã do Cụ Phan chủ xướng.

BÀI HỌA CỤ PHAN

*Chợ lợi trường danh tứ chẳng màng
Sao ăn không ngọt, ngủ không an
Trăm năm ngăn đó tường dâu bể
Muôn họ nhờ ai kẻ chiếu chần
Cửa sấm gớm ghê người đánh trống
Tai trâu mỗi một khách đưa đàn
Lòng sen đặng đặng tơ sen vướng
Mưa gió bao phen gộc chũra tàn.*

SÀO NAM

Bài thơ họa của Cụ Phan có phần yếu thế, làm cho tôi võ vẽ mới biết làm thơ, cũng cao hứng họa lại ý Cụ, yểm trợ cho tinh thần của anh. Anh Mộng Châu bắt gặp bức thơ để trên bàn gửi cho báo Tràng An, giở ra xem biết là của tôi, anh nổi giận: “Đã có thằng Trí làm cho tao sợ gần chết, bây giờ còn mi nữa sao”. Anh giận xé thơ và cấm tôi không được là thơ nữa. Bài thơ đó như thế này mà tôi xem không có gì quan trọng:

*Danh lợi dù cho chí chẳng màng
Nghĩ sao Quốc thái với dân an?
Thuyền con vượt phá không người lái
Đàn nghé qua truông thiếu kẻ chần
Cứ thử bùng tai vào cửa sấm
Để xem trâu có biết nghe đàn
Kính ngư còn ngại tơ sen vướng?
Khắc khoải năm canh trống điểm tàn.*

Kể ra thì anh em tôi đều là “điếc đạn súng” cả. Không có anh Mộng Châu, không biết ra thế nào đây.

Phần anh Trí vẫn tỉnh bơ tiếp tục xướng họa với Cụ Phan, sau một vài lần lén lút đến thăm Cụ. Được Cụ bày tỏ ý chí, kinh nghiệm cách mạng trước những cuộc đấu tranh mà phần thua thiệt khó tránh được. Có lẽ anh chưa thấy những điều quan trọng đã bắt buộc Cụ phải dừng chân lại trên con đường cách mạng đó. Anh viết một bài khích lệ.

GÁI Ở CHÙA

*Rừng Thiền thấp thoáng dạng quần thoa
Khuê các trâm anh cũng rửa à
Mùi tục chưa chi đà vội chán
Trò đời mới rửa đã lo xa
Lạt mùi sơn phấn say mùi đạo
Chán cảnh phồn hoa mến cảnh chùa
Dì nguyệt trốn trên lòng dạ thiểm
Xuân xanh nở để thiệt thời hoa.*

Bài thơ này cho thấy anh Trí đã để lộ cái tuổi háo thắng trẻ con mười tám đôi mươi của anh, không che đậy cái hào khí của bài Thức Khuya trước đây mà Cụ Phan đã bắt gặp:

*Non sông bốn mặt ngủ mơ màng
Thức chỉ mình ta dạ chẳng an...*

Cụ Phan họa lại như sau để thanh minh cái “Lão giả an chi” của Cụ đã trở thành bất lực:

*Bãi lai không viết cày gì thoa
Hóa gặp đâu thì cũng thế à
Một chữ đã đành thân quý trọng
Trăm năm phải tính cuộc gần xa
Tủi vì cái kiếp con không mẹ
Hổ cũng như ai sãi có chùa
Khuya sớm hương trầm nguyện với Phật
Nhành dương mưa rưới vạn nghìn hoa.*

Cuộc xướng họa cứ như thế cho đến ngày anh tìm được ở Sài Gòn một địa bàn rộng lớn hơn để nối lại chí Cách mạng của Cậu Thông Oanh, của Cụ Sào Nam mà hoàn cảnh Đất Nước buộc phải bỏ dở.

*

4. TÌM ĐỊNH HƯỚNG

Mất cơ hội đi Pháp, mộng viễn du không thành, ý đồ Cách mạng mà anh chưa thấy được rõ ràng nên chưa tìm được địa bàn để hoạt động, anh trở về Qui Nhơn sống với gia đình, rồi tiếp tục làm thơ viết báo.

Bạn bè ngày càng kết giao nhiều, xa cũng như gần nhờ tiếng tăm anh được Mộng Du Thi Xã nhắc đến trang trọng, khi đăng những bài thơ anh xướng họa với Cụ Phan.

Trong thời gian này, tình hình kinh tế của thời hậu chiến rất trầm trọng vì không theo kịp đà tiến triển mới. Nạn thất nghiệp ở các nước và ngay cả trong nước đe dọa một cuộc sống khó khăn. Các báo đăng tải tin Hoa Kỳ phải đổ xuống biển hàng triệu tấn cà phê, mề cốc để giữ giá cho các nhà trồng tía và bình thường sinh hoạt của thợ thuyền. Người dân Việt bắt đầu ý thức đến vận mệnh quốc gia. Tinh thần trách nhiệm bùng lên như sau một cơn mê ngủ.

Nhiều thanh niên trong nước phải bỏ học, chưa tìm được định hướng cho cuộc đời, nên phần lớn đổ dồn vào Sài Gòn kiếm việc để sống tạm bợ.

Các bạn hữu của Hàn, những kẻ còn lại ở nhà, đều rủ nhau vào làm việc cho ông Đỗ Phong, nhà thầu, lãnh làm trích lục địa chánh cho sở Đạc Điền.

Hoàng Điệp, Hoàng Tùng Ngâm đều đã có chỗ, họ rủ anh vào đó tạm sống. Lương tháng rất thấp, mỗi tháng từ 6 đến 12 đồng.

Hàn làm cái việc dễ nhất, nhàn nhất và ít tiền nhất là ngồi biên chép các tờ trích lục đã cũ, lãnh lương về chỉ đủ để anh trả tiền mua báo, mua giấy và tem thư. Thỉnh thoảng, viết một vài bài báo, còn thì làm thơ để có dịp bạn bè hội họp ngâm nga. Cho đến cái ngày quyết định, anh phải rời bỏ Qui Nhơn để vào Sài Gòn một cách bở ngỡ.

Hồi đó, một trận bão lớn chưa từng có, năm 1934 làm sập gần hết những ngôi nhà cũ kỹ, trong đó có căn nhà mẹ tôi ở đường Philastre bên cạnh sở Đạc Điền. Một sự nghiệp đồ cổ mẹ tôi tích trữ để bán cho trường Bác Cổ Viễn Đông đều nát vụn như ngói gạch, trị giá thời ấy phải 4.000 đồng. Một món nợ trả mãi không hết.

Biến cố này thúc đẩy Hàn bỏ Qui Nhơn đi Sài Gòn.

Trước đó Trọng Quy và Trọng Miên đã có lần khuyên anh vào chung sức làm tờ báo. Thúc Tề ở Sài Gòn cũng ra góp phần thúc giục. Thúc Tề tả Sài Gòn như thiên đường địa giới.

Tháng 7 năm ấy, “Anh khăn gói gió đưa” mà lòng hoang mang trước viễn ảnh chưa hé mở cho một định hướng rõ ràng nào. Những lời tâm sự của cụ Phan vẫn còn ám ảnh anh trong nhiều hoài bão. Ra đi đến một hoàn cảnh lạ lẫm bở ngỡ, không bà con thân thuộc. Người dân Sài Gòn sống vội vàng mạnh ai nấy lo, chỉ biết làm cho ra tiền để tận hưởng thôi.

Những ngày còn lang thang trên đường phố, nhớ lại tình mẹ hiền, anh đã làm bài thơ đầu tiên khi đặt chân đến Sài Gòn:

GIANG HỒ NHỚ MẸ

*Mình không hò hẹn bước giang hồ
Lưu lạc quê người mới khổ cho
Nước chảy thương thân bèo bọt nổi
Mây bay nhớ mẹ sớm hôm chờ
Thằng con bất hiếu đi đành đoạn
Trời đất vô tình lại dẫn đo
Muôn dặm non tần xa thăm thẳm
Ý chừng chim nhạn biếng đưa thư.*

Lang thang ở Sài Gòn ít hôm, anh được Thúc Tề, Trọng Miên giới thiệu với Hồng Tiêu, em sao đỏ của bà Bút Trà, tay kinh doanh nghề báo chí. Trọng Quy và Trọng Miên đang viết cho tờ Trong Khuê Phòng của bà Bút Trà, mời anh phụ trách trang văn chương.

Anh vừa viết bài vừa chữa bài và các bản in, nên họ gọi anh là “thầy cò” (correcteur).

Chẳng mấy lúc anh được nhiều người biết đến tên, biết đến văn thơ anh và còn biết cả nhân hiệu “Đông Kinh Nghĩa Thục” của anh mà Sài Gòn nghe như một vang bóng, mặc dầu anh còn trẻ. Họ kháo nhau về những bài anh đăng trên Mộng Du Thi Xã, thường bày tỏ thiện cảm và kính nể. Bài Thức Khuya được nói đến rất nhiều với lời tán thưởng nồng nhiệt của cụ Phan, mà bạn bè anh khai triển thêm cho uy tín anh, tạo cho anh thế đứng khá vững. Bây giờ thì anh cảm thấy thích thú, khi tiếp xúc với nhiều nhóm chính trị ở Sài Gòn một cách ngang ngửa.

Anh bắt đầu có dịp học hỏi, so sánh trong tương quan với điều mà anh đã được truyền thụ chớp nhoáng cái gọi là tư tưởng cách mạng, những ngày về Huế ghé thăm cụ Phan.

Dù sao anh cũng được nhiều người kính nể với thành tích tiếp xúc với nhà cách mạng lão thành, mà ở Sài Gòn xem đó là điều không ai dám nghĩ đến. Lại nữa, anh còn hy sinh cả giấy phép du học Pháp mà mật thám Pháp đã thu hồi. “Giá trị lắm đó chứ”, anh thường loè với tôi như thế.

Công việc ở tòa soạn không lấy gì là bận rộn. Do đó anh cộng tác với nhiều tờ báo khác. Thịnh thoả cũng viết cho vài tờ báo Pháp như Impartial, Opinion và các tờ báo đấu tranh như La Lutte, L’abeille của nhiều nhà cách mạng Việt được nhà nước Pháp cho lưu hành – nghe đâu nhờ Tổng trưởng thuộc địa Moutet của chính phủ bình dân Pháp (Léon Blum) bảo trợ.

Không khí ở Sài Gòn có vẻ dễ thở, thậm chí người ta còn dám bày tỏ ít nhiều quan điểm chống đối.

Anh Trí quen với nghị sĩ Pháp lai da màu De Lachevrotière vốn cũng là nhà báo. Anh có vẻ thích gặp gỡ chuyện trò với ông nghị này. Qua De Lachevrotière anh được biết nhiều nhóm chính trị tiếng tăm, đang hoạt động hăng hái, đôi khi cả hàng ba nữa, dưới con mắt bao dung của chính phủ Pháp.

Đường Catinat luôn luôn có nhiều tin tức giật gân để gây xúc động mạnh (ngay cả trước sở Cảnh sát Pháp). Nhà báo thường hò hẹn nhau gặp gỡ, chia sẻ tin tức, chia sẻ luôn quan điểm chính trị. Thậm chí còn cổ động cho một vài khuynh hướng cách mạng khác nhau.

Ở Sài Gòn người ta xem việc hoạt động úp mở chống Pháp là điều đáng hãnh diện, không cần phải che giấu.

Có lẽ Hàn Mặc Tử nhận xét phần nào phiến diện chăng?

Tuy nhiên với góc cạnh anh trông thấy rõ ràng hơn hết, ít nữa là bên ngoài, anh có cảm nghĩ một cách khá chủ quan là có bàn tay Pháp hướng dẫn đâu đó. Cho nên không ai tin ai, vì vậy dò xét lẫn nhau, đi đến tố cáo nhau.

Điều này không làm cho anh lo ngại, nhưng chỉ buồn thảm và thất vọng thôi, khi anh tiếp xúc với một vài nhân vật anh tin tưởng.

Anh nhận ra rằng, nhóm cách mạng ở miền Nam này tuy cũng một chủ trương quốc gia dân tộc, nhưng lại “đồng sàng dị mộng”.

Từ đó anh mất đi cái hào hứng buổi ban đầu. Trong một vài bài thơ đăng trên báo Tân thời, anh viết bài tỏ nỗi ngao ngán.

CẢM TÁC

Thường thường trâu cột ghét trâu ăn
Vạch lá tìm sâu ngó dữ dằn
Nhát khỉ rung cây cho bỏ ghét
Úp voi lấy thúng quyết làm hăng
Chờ con nước đục cò đi rảo
Đợi lúc canh khuya chó sủa rân
Thù oán nhau chỉ gà một mẹ
Rồi đây vẽ rắn lại thêm chân

THANH NHÀN

Kiếp người nghĩ lại có là bao
Phú quý mây bay chẳng khác nào
Chi dụng từng vay kho tạo hóa
Bình sinh đã nhiễm thói phong lưu
Sống đời mặt đá phơi đầu bạc
Nặng đợi lưng cây suốt động đào
Ba vạn công danh ừ cũng bỏ
Thoát trần ta thử hát ngêu ngao.

Mặc dù không còn hào hứng đeo đuổi sự nghiệp cách mạng, nhưng hình bóng cụ Phan trên con đò vẫn còn làm cho anh ray rứt.

Đầu năm 1935 anh về Huế, lang thang trên bờ sông Hương trong một đêm nhiều kỷ ức, anh viết tặng cụ một bài (đăng trên Công luận 2-3-1935)

ĐÊM KHUYA TỰ TÌNH VỚI SÔNG HƯƠNG

Bây giờ chỉ có đôi ta
Bao nhiêu tâm sự Hằng Nga biết rồi
Thủa nước non đến hồi non nước
Sông Hương đành xuôi ngược đông tây
Soi lòng chỉ có đám mây
Đám mây phú quý những ngày lao đao
Sao mặt sông xanh xao ra dáng
Sao tình sông lai láng khôn ngăn?
Vì ai lắm nỗi chứa chan
Hay còn đợi khách quá giang một lần
Này thử hỏi thuyền nan thả lá
Thuyền ai đây nấn ná bấy lâu?
Mặc ai khanh tướng công hầu
Không thềm chung đỉnh, lưng bầu gió trắng
Sao trời đất dải đàng ra thế
Sao mưa nguồn chớp bể luôn đêm
Trong thành yến ả vui thêm
Tiếng ca lạnh lạnh lọt rèm rèm thưa
Sông Hương hỡi, xuân vừa tơ liễu
Cả trăm hoa hàm tiếu nhớn nhơ
Vì đâu nước chảy lững lờ
Hay cho thế sự cuộc cờ chiêm bao
Ghét xa mã nào nào uốn khúc
Giận thời gian những lứa xuân xanh
Nhà ai khiêu vũ năm canh
Hơi men sục nức dưới thành đô xưa

Sao tức tối trôi bừa đi mãi
Chẳng buồn nghe cô lái thở than
“Thuyền em đậu bến Hương Giang
Chờ người quân tử lữ làng tình duyên”.
Thuyền lặng lẽ nằm yên với bóng
Nước sông xuôi dợn sóng bến thuyền
Trong thành ngủ chết con đen
Khoá xuân bỏ lỏng đến then chẳng gài
Hãy trông thử đèn đài dinh thự
Dấu xưa, xưa tình tứ làm sao
Ô hay! Sóng chảy dạt dào
Chiếc thuyền vô định lạc vào bến mê
Sao trai gái đi về trong mộng
Mà sông Hương chẳng động niềm riêng
Trong thành để lạnh hương nguyên
Tiếng gà gáy nguyệt lảng giềng còn say.

Huế, Mồng hai Tết Ất Hợi

Có lẽ đây là bài thơ cuối cùng Hàn Mặc Tử viết về Cụ Sào Nam.

Tuy nhiên về phần anh, trong một phạm vi hạn hẹp, anh vẫn tìm mọi cách để trung thành giúp đỡ bạn bè, những người lỡ bước mà anh cũng như họ từng vất vả thiếu thốn ở Sài Gòn.

Chủ thuyết kiêm ái của Mặc Dịch, một đại triết gia thời Chiến Quốc, được anh vẫn đeo đuổi chân thành sốt sắng. Bút hiệu Hàn Mặc Tử cũng mang ý nghĩa kiêm ái đó.

Ở Sài Gòn, nhờ anh viết cho nhiều tờ báo, nhuận bút rộng rãi. Có tháng anh kiếm được gần trăm đồng, nhưng sắm sửa cho nhu cầu riêng anh, ngoại trừ bộ “tuýt xo” tơ Delignon, cái mũ Panama cổ hữu và đôi giày “Vécni” đen, anh không sắm sửa gì hơn nữa, năm ba cái sơ mi, áo lót quần đùi là đủ.

Chỉ thỉnh thoảng mới mua bộ đồ ngủ, bị tiệm giặt xiết khi phải trả thiếu tiền, mà không có tháng nào anh trả đủ được. Chẳng những đồ của anh mà còn của mọi người.

Ngoài ra bao nhiêu tiền, bạn bè kéo nhau đi ăn nhậu cả. Không có khi nào trong túi được 2 đồng bạc. Họa hiem mới có, thì cũng chưa nóng túi đã tiêu đi mất.

Anh cũng biết bạn bè tiêu hoang nhưng không nói. Anh rất thương họa sĩ Hồ Viết Tự. Tự thiệt thà, không hoang đàng như Thúc Tề. Tự cũng vẽ được, nhưng không theo kịp các họa sĩ đã có cơ sở. Anh chỉ còn vẽ biếm họa trên một vài tờ báo. Một lần anh hí họa thể nào động chạm đến tay tổ ở Sài Gòn, bị rượt đánh hoảng hồn. Sống rất thiếu thốn, tương lai rất lờ mờ.

Vì vậy áo quần anh phải để cho Tự và Tề dùng chung vì cả ba đều thấp bé như ngang với nhau thôi. Chật hẹp không kể, thế cũng vui vẻ cả.

Bạn bè ở Qui Nhơn đều biết anh sống cho thiên hạ nhiều hơn cho anh. Mẹ tôi hay phàn nàn áo quần anh bị thất lạc. Cái va-li mỗi lần về thăm nhà, “thu hình” lại chỉ bằng cái hộp máy đàn của mấy anh “cúp dạo” (thợ hót tóc dạo).

Gần một năm đi về của anh, cuộc sống tình cảm không có gì thay đổi.

Ngoài việc tiếp xúc văn thơ với các bạn gái trên tờ báo, độc giả của tờ Trong Khuê Phòng, anh vẫn không có bạn gái. Những mối tình kỳ ngộ vẫn vởi ở Huế như “chuyến đò ngang”, mà

anh đã lỡ bước, để đồ sang ngang mất, thỉnh thoảng lại làm cho anh nhớ tiếc.

Trong bài thơ Bước giang hồ gởi đăng ở báo Tràng An, Huế, có ý nhắc tin người cũ, anh kể lại ở một vài kỷ niệm của những con đồ bến cũ...

BƯỚC GIANG HỒ

*Suốt đời phiêu lãng mặc tiêu dao
Non nước từng phen tự thưở nào
Đúc lại can tràng nhờ hạo khí
Rồi ra thân thể được thanh cao
“Chút tình bến cũ còn đeo đẳng
“Hut chuyển đồ đưa nghĩ nghẹn ngào
Gặp gỡ cố nhân rằm tháng trước (1)
Cầm tay thuật lại nỗi lao đao.*

Tuy anh có đọc một vài bài của Mộng Cầm mà Thúc Tề mỗi mai cho anh, nhưng mối tình đó vẫn còn trong mơ màng, chưa ngã ngũ ra sao cả.

Bạn bè hay rủ rê vào nếp sống buông thả, nhưng anh vẫn từ chối, hoặc né tránh những cơ hội tiếp xúc với đàn bà, đến nỗi họ chê cười anh là quê mùa, ngốc nghếch.

Đã có một lần anh nổi xung, tính chuyện bỏ Sài Gòn về Qui Nhơn, chỉ vì một bài báo xen xỏ dung tục quá đáng (điều này ở Sài Gòn thỉnh thoảng lại xảy ra).

Nguyên do, hai anh Trọng Miên và Thúc Tề được nổi tiếng về phóng sự xã hội. Hai cây bút sắc bén nhất hồi đó. Không biết các anh bơi mót đời tư không đẹp của một nhân vật nào đó mà thể lực và “nha trảo” (đồ đệ) rất mạnh. Họ phản ứng thật tồi tệ, gây nên trêu chọc thiếu lễ độ với nhóm nhà viết báo Trong Khuê Phòng.

Trên một tờ báo ở Sài Gòn, mục “câu chuyện tầm phào” có người nói mỉa mai đến những trang nam tử trí thức, lập sự nghiệp trong phòng the, ngụ ý trong khuê phòng. Lại còn đùa cợt những anh chàng chạy theo gái bằng câu tiếng Pháp: Courir après les jupes. (jupes nghĩa đen là cái váy).

Bài này châm biếm bằng nhiều câu dung tục, khiến anh cảm thấy hổ thẹn không đến tòa soạn nữa, nhà báo phải cho người đến nhà lấy bài. Anh chán nản muốn bỏ Sài Gòn về Qui Nhơn. Bà Bút Trà muốn xoa dịu, hứa với anh sẽ xin giấy phép ra một tờ Phụ Nữ Tân Văn, để anh làm chủ biên. Anh có vẽ bằng lòng, và chịu ở lại Sài Gòn.

Hồng Tiên, nhà văn, vốn là em bà Bút Trà, rất có cảm tình với anh, lại cũng có bà con sao đó với Mộng Cầm, cho nên đây cũng là dịp để giúp Hàn làm quen với Mộng Cầm. Vốn họ muốn kéo anh Trí vào nhóm nhà thơ theo môn phái thác loạn Baudelaire, mà Bích Khê cậu ruột của chi Mộng Cầm đang thai nghén tập thơ Tình Huyết, cũng muốn Hàn đề tựa cho tập thơ của anh ấy.

Mối tình anh và Mộng Cầm cũng chỉ là các cuộc gặp gỡ du ngoạn ở Phan Thiết, ở Mũi Né. Nhưng tại Sài Gòn, thì theo tôi được biết, hai người vẫn không có dịp tâm sự. Chắc là Hàn hổ ngươi, vì có đông đảo bạn bè trêu chọc.

Cuộc tình kéo dài đến nửa năm 1936 thì gián đoạn, đến phải giải ước cho nhau, vì Hàn đã bắt đầu đau phong có triệu chứng.

Anh cũng bỏ cả lời hứa với bà Bút Trà không trở vào Sài Gòn nhận chủ biên tờ Phụ Nữ Tân Văn, mà giấy phép xuất bản vừa được cấp.

Dù sao thì năm 1936 vẫn là năm anh được miễn nghĩa vụ với tập thơ Gái Quê, tập thơ đầu tay của anh đã được xuất bản tốt đẹp.

Ước mơ trước hết của anh là những bài thơ nổi lòng riêng tư của anh, như Tình Quê, Buồn Thu, Chuyến Đò Ngang, sẽ được trao đến tay những người đẹp, những giấc mộng con mà anh khó quên.

Mặc dầu, chị Cúc e ngại không dám nhận tập thơ Gái Quê anh trao tặng trong dịp Hội Chợ Huế, nhưng chị cũng đã đọc hết mỗi tình của anh qua tay các em chị mà Hàn lưu ý trao tặng hết.

Mộng Cầm, tuy giải ước với anh, nhưng vẫn thỉnh thoảng ghé Qui Nhơn thăm anh. Có lần mang cả con theo nữa: cho nên trong những bạn gái được anh yêu, Mộng Cầm là người vẫn còn may mắn được lắng nghe tâm sự anh qua nhiều bài thơ ràn rụa nước mắt, đến bây giờ vẫn còn nóng hổi như bài Phan Thiết, Say chết đêm nay...

Và cuối cùng cũng vì Mộng Cầm, mà Hàn đã “rộng rãi”, đề tựa cho tập thơ Tinh Huyết của Bích Khê. Cử chỉ này làm cho nhiều nhà văn đạo đức ở Huế phải ngạc nhiên với nhiều luận điệu ngờ vực không tốt đẹp lắm cho Hàn.

Đành vậy thôi. Đó là riêng tư của Hàn.

(1) Có lẽ nhắc đến cô Thu Hà (NBT)

PHẦN II

HUẾ, KHÓ QUÊN...

1. CHUYẾN ĐÒ NGANG

Những lần về Huế để chạy lo giấy tờ bổ túc hồ sơ du học Pháp, anh Trí thường hay trọ lại nhà cụ Nghè Tuần, nơi đây anh quen biết từ hồi còn đi học Pellerin.

Bà chị con cậu Cả Bích, mỗi lần anh đến thăm chị ở Kim Long là chị giận hờn bắt anh phải ở

lại với chị, nhưng anh từ chối vì phải cần tiếp xúc nhiều, đi lại xa xôi. (Điều này sau khi gặp được chị Trà, nói ở sau đây, làm cho anh hối tiếc ân hận).

Hai tiếng Bến Ngự như mê hoặc anh, nghe vừa hay vừa trang trọng. Và lại Bến Ngự cũng là nơi người ta nói nhiều về chí sĩ Phan Bội Châu mà anh thường trông thấy con thuyền “cầm cổ” của cụ.

Thỉnh thoảng, hôm nào dậy sớm, cụ ngồi trầm ngâm uống trà trước mạn thuyền, làm cho anh vừa thương yêu vừa kính trọng. Anh vẫn ước ao được hầu chuyện cụ một lần trước khi qua Pháp.

Cũng trong thời gian này, nhiều cuộc gặp gỡ kỳ thú khác đã chi phối đi một phần nào tâm sự yêu nước, yêu nòi của anh. Đó là những “chuyến đò ngang” thật dễ thương, đã đem đến cho anh những mối tình sơ ngộ lạ lùng và thích thú.

Anh không muốn qua phố bằng ngã cầu Trường Tiền vì phải chen lấn nguy hiểm. Không có gì thích thú bằng ngồi trên chiếc đò ngang, lững lờ trôi trên sông Hương êm đẹp, mơ màng tìm một vần thơ, một bóng dáng nào đó gây xúc động một cách dễ chịu.

Anh thường theo bến đò Lò Vôi qua Bạch Hổ, những khi về chợ Kê Vạn thăm bà chị, hoặc về Đập Đá ăn bánh bèo, một món ăn nổi tiếng, rồi thong thả xuống đò về Gia Hội.

Trong bài thơ Chuyến đò ngang anh tả mối tình sơ ngộ lạ lùng trên con đò về Gia Hội. Đúng là anh có số đào hoa, như cậu Bá tôi xem số cho anh, tiên đoán rất nặng nợ đào hoa.

Hôm ấy anh có hẹn phải qua Đập Đá để gặp một người bạn học cũ. Không gặp, anh lên đò sớm hơn dự định. Những buổi sáng sớm, đò thường đông khách. Trên đò khách đã lên nhiều. Anh tìm được một chỗ ngồi thật tốt đằng mũi đò, trên cái băng ngang.

Đang lúc thích thú, khách đi trễ lên sau, cố tìm chen một chỗ trống đứng trước mũi đò. Một bàn chân nhỏ nhắn cố sức đưa lên trước, chưa tìm được chỗ để chân, chạm vào chân anh. Nhìn lên, một thiếu nữ, áo tím than, xinh đẹp, đã tiến lên sát bên anh.

Anh bối rối, nhưng lịch sự đứng dậy, hơi rụt rè, như toan nói gì đó (chắc là muốn nhường chỗ).

Bỗng có tiếng la lớn đằng lái: “Thầy nó ngồi xuống đi, đừng làm chi, bồ chừ (ngã đó)”. Anh có vẻ ngượng ngịu, lại vụng về ngồi xuống, làm cho chiếc đò chòng chành. Mọi người quay lại nhìn hơi soi mói một chút.

Xấu hổ anh lén nhìn qua thiếu nữ, nàng đang nhìn anh cười, vẻ như trêu đùa thiện cảm. Anh chàng xấu hổ, cúi mặt xuống bỗng chợt nhìn thấy trên mặt nước, nụ cười duyên dáng của nàng còn đuổi theo hóm hỉnh.

Bất giác, anh bật cười ra tiếng, thú vị. Thế là họ quen nhau, thật dễ dàng.

Tôi vốn biết anh có cái răng hơi khểnh, làm cho anh lúc nào cũng như cười nửa miệng. Cái răng đó quả là cái tật có lợi cho anh vô cùng. Khi thì vui vẻ giãi hòa, khi thì đồng tình thỏa hiệp. Tôi nghĩ anh có số đào hoa là nhờ cái răng đó.

Câu chuyện chỉ được anh kể đến đó. Về sau mới biết một vài chi tiết trong bài thơ.

CHUYẾN ĐÒ NGANG

*Chẳng hẹn hò sao gặp gỡ đây
Người thì như tỉnh kẻ như say
Trong veo làn nước soi đôi mắt
Xa tít quê nhà trở một tay
Tâm sự mới trao, bờ đã đến
Nỗi niềm chưa cạn khách về ngay
Ba sinh duyên nợ âu là thế
Một chuyến đò đưa nghĩa một ngày.*

Những tháng sau đó, bạn lo công việc thì tình cờ một hôm, qua tòa soạn báo Vì Chúa, gặp Hồ Lư, cái anh chàng lém lỉnh, cùng viết báo lại hay trêu chọc, vỗ vai anh: “Nè có người hỏi thăm câu đó” ... Anh cho là Hồ Lư đùa, nên không để ý. Ra về, trở lên Kim Long thăm bà chị. Chị lại đi vắng, anh lên chuyến đò Bạch Hổ về Bồ Ghè.

Bỗng anh sững sốt, một thiếu nữ tuyệt đẹp, anh không biết đã gặp ở đâu, cúi đầu chào anh. Anh bối rối chào lại, lí nhí, ngượng ngập không nói ra được lời nào.

Về Bến Ngự vẫn còn băn khoăn mãi, nghĩ không ra, không biết là ai mà đẹp lạ lùng. Khiến anh ngẩn ngơ quên cả ăn. Cụ Nghè tưởng anh lo lắng giấy tờ nên không để ý.

Anh quyết tâm dò cho ra người đẹp ở đâu.

Luôn mấy hôm, anh lảng vảng bên bến Lò Vôi, có khi theo đò qua Bạch Hổ rồi trở về vẫn không gặp lại người đẹp. May mắn làm sao, thành linh không tính dò tìm thì lại gặp lần nữa tại chợ Kê Vạn đi với bà chị Phu. Thì ra anh cũng gặp một lần tại đây, nhưng vì mắc cỡ không dám nhìn rõ người đẹp nên không nhận ra chị.

Hình ảnh lộng lẫy tươi mát người con gái này đã làm mờ đi ít nhiều bóng giáng con đò Gia Hội, tuy nụ cười dưới nước vẫn còn nhiều hứa hẹn, anh không thể nào bỏ qua được.

Nửa năm sau đó, anh bỗng nhận được một bức thư do tòa soạn báo Vì Chúa gửi cho anh. Mở ra xem chỉ có một tấm ảnh bán thân, chiếc nón bài thơ che nghiêng như úp mở với một câu thơ đề sau tấm ảnh:

*Ai về Gia Hội nghe gà gáy
Hãy sớm sang sông kéo lỗ đò.*

Nhìn tấm ảnh, người trong ảnh thật duyên dáng. Hàn khen: “Còn đẹp hơn ở ngoài. Có lẽ nhờ thợ chụp khéo”.

Theo dõi anh, trông vẻ như mềm nhũn đi. Ôi chuyến đò ngang mơ ước lại trở về. Anh vội vàng làm bài thơ mượn ý họa bài Gửi nhận của anh Mộng Châu:

*Vội vàng chi lắm nhận lưng mây
Chậm chậm cho mình gói mối dây
Về đến Thần Kinh khoan nghĩ đã
Ghé miền Gia Hội tỏ tình ngay
Suốt năm canh mộng hồn mê mãi
Chỉ một lòng son muốn giải bày
Này nhận, ta còn quên chút nữa
Trái tim non nớt tặng ai đây.*

Đọc bài thơ này, thì ra anh chị chưa trao đổi tâm sự bao nhiêu. Cấu kết vẫn còn ầm ờ, dò xét:

Trái tim non nớt tặng ai đây.

Hình như có ai sửa lại “tặng nàng đây”. Tôi có đọc bài này khi mới viết ra cho nên tôi biết anh chưa dám nói rõ. Vả lại bây giờ đã có bóng dáng chị Trà đang đứng đâu gần đó, nên cái lững khững do dự của anh cũng cản trở ít nhiều.

Nhìn lại tấm ảnh, đọc mấy câu sau tấm ảnh, tôi dọa anh: “Coi chừng, họ thúc hối anh rồi đó. Liệu mà nhanh chân lên, chậm chạp là hút mất chuyến đò.”

Vốn Gia Hội là bến đò hoạt động rất sớm, so với nhiều nơi khác. Gà gáy đầu đã nổi đèn, nổi lửa. Hàng quán đã dọn ra, khách ăn đã thấy lục tục kéo đến bên cạnh nồi xáo bò thơm phức mùi sả, bốc hơi nghi ngút mà còn trông thấy rõ lớp vàng ớt mỡ vô cùng hấp dẫn...

Giai Hội nổi tiếng bún bò rất ngon, lại rẻ tiền. Còn cơm hến nữa. Ai về Huế mà không biết thưởng thức cơm hến ở đó thì thật là đáng trách.

Họ bảo nhau, con ruốc Huế nấu chi cũng ngon. À, mà còn bắp luộc bến Cồn gần đó thật tuyệt vời. Ngọt và thơm đến ngậm mà nghe.

Cái điều quan trọng hơn hết cho anh Trí, mà tôi cũng phải lo ngại giùm cho anh, là con gái Huế đi lấy chồng rất sớm. Từ 20 tuổi trở lên là đã sợ bị chê “tra” (già). Họ nói: Thôi, hâm đi hâm lại rồi, còn chi nữa mà nói. Ôi, tội nghiệp quá, mới 22, 23 (hăm hai, hăm ba) mà cũng cho là hâm đi hâm lại. Khổ chưa tề!

Thật là: “Hiếu kính dẫn sâu vùn mẩn cải”.

Anh thường hỏi thăm có thư từ gì ở Huế gửi cho anh không? Tôi biết anh băn khoăn chờ đợi một tin tức ở Huế, bèn lấy bài Gửi nhận anh họa với anh Mộng Châu, đem ra đọc rồi viết một bài khác:

*Trông vời bóng nhận lẫn theo mây
Thấp thỏm chờ mong đến phút giây
Mấy đoạn tình thơ chưa cạn nghĩa
Vài hàng tâm sự rõ lòng ngay
Ngắn sông cách núi tình trao để
Đối diện nhìn nhau ý ngại bày
Cánh thiệp nhờ chim may khỏi lạc
Hồi âm đừng để phụ lòng đây.*

Tôi bảo anh: “Sao không gửi thơ nói thật với Hồ Lư nhờ anh ấy liên lạc giùm. Địa chỉ của anh chắc Hồ Lư tiết lộ đó, việc gì mà sợ?” Anh chỉ cười hòa giải rồi im lặng suy tư. Anh đang nghĩ đến con đò Bạch Hổ chẳng?

Quả thật về sau anh lỡ đò, vì đò qua sông quá sớm.

Gặp lại Hồ Lư trong một chuyến hành hương La Vang, mới biết bức ảnh của Thu Hà, em cô cậu với Hồ Lư, một cựu Nữ Tu Dòng Kim Đồi, thảo nào mà mặc áo màu tím than, màu áo mà các nữ tu hoàn tục vì sức khỏe, có thể trở lại Dòng. Thu Hà trông tin anh mà không thấy. Chỉ gặp nhau một lần trên chuyến đò ngang. Hồ Lư cố nhắc khéo anh một lần mà Hàn ngốc ngếch chẳng hiểu gì. Liên lạc vì vậy mà gián đoạn. Ấu là duyên số!

Con gà Gia Hội thật quái ác, gáy chi mà sớm rứa!

Lỗi cũng một phần tại anh, vốn đã lững khững chậm chạp, mà còn đuổi theo hai con thỏ

cùng một lúc. Thế là chẳng bắt được con nào cả.

*

2. CHỊ TRÀ

Chị tên Trà vì sinh ở Trà Kiệu, tên nhà trường là Thu Yến, con gái út của ông cậu họ, anh mẹ tôi ở bên Phường Đức (Huế).

Cái tai hại là chúng tôi phải gọi bằng chị. Hàn đã gặp mấy lần bên nhà bà chị con cậu cả tôi, gọi là mẹ Phu, góa phụ một người thuộc hoàng tộc từ 25 tuổi, tánh vui vẻ thương yêu các em.

Lần đầu gặp chị Trà, anh Trí hơi ngẩn ngẫn, lại bị con đồ Gia Hội che lấp cái khôn đi, nên không để ý đến ai cả. Mấy lần có dịp chuyện trò, chị Phu cho biết là bà con, nhưng chị Phu vốn thích “xe tơ kết tóc” cho nhiều lứa đôi nên chị thêm rằng: “Bà con cũng giống như với nhà dì Thị vậy” (ý nói có thể kết hôn được, không trở ngại tình bà con).

Anh Trí thì không thạo lễ nghĩa bà con, phải xưng hô thế nào cho đúng. Cho nên mỗi lần gặp chị Trà thì ấp a ấp úng không biết nên gọi bằng chị hay nói thế nào cho phải cách. Vì chị còn nhỏ tuổi. Mà chị Trà tự xét còn nhỏ tuổi nên gọi anh bằng anh một cách tự nhiên thân tình. Thế thì anh đắn đo, có nên gọi chị bằng em không? Khó cho anh quá!

Sự giao thiệp vì thế mất tự nhiên, trở thành lặt lẻo. Chị Trà vẫn diu hiền không tỏ vẻ gì khó chịu. Chị nhắc lại có gặp anh bên tòa báo Đức Mẹ (chỗ này anh hơi hoảng vì cái tính rụt rè mắc cỡ nên anh không nhớ ra) và lại ở chỗ đông người, anh không dám nhìn ai kỹ, nhất là người đẹp.

Anh đã để mất đi cái dịp có thể bắt chuyện văn thơ, bắt chuyện về tờ báo Đức Mẹ mà anh cũng có viết bài. Chị cũng rất thích văn. Chị thường viết bài về thiếu nhi, đạo binh Đức Mẹ. Chị xấu hổ không dám nhắc với anh, chị là trưởng đoàn thiếu nhi, thường ký tên T.Y (về sau anh mới biết). Chị học xong bậc tiểu học, nhưng cậu tôi không cho học thêm, vì chị đẹp, rất nhiều nơi đã dạm ước, mà tiếp xúc nhiều bạn bè ở trường, có thể bị mang tiếng cho gia đình đạo đức.

Vì vậy, chị ở nhà đi học nữ công, thỉnh thoảng đến giúp việc xếp báo, gởi báo cho tòa soạn báo Đức Mẹ.

Chị Trà là mối tình yên lặng nhất của anh, đến đôi nhiều lúc chịu không nổi, cũng có úp mở với tôi cho vui đi nổi tiếc nhớ.

Dù cái răng khểnh của anh vẫn cứ tỏ vẻ “khách quan” nhưng cái cười đó không che giấu nỗi đau khổ nhất của anh, vì “tình trong như đã mặt ngoài còn e” ...

Anh không dám tìm cách nào để tỏ tình. Giả như anh làm một vài bài thơ nào đó để tặng chị thì đâu đến nỗi nào.

Tình yêu âm thầm thốn thức kéo dài cho đến tháng chạp năm ấy.

Bà chị Phu đột ngột vào thăm mẹ tôi. Cả nhà đều vui mừng, ai cũng yêu mến chị. Tính chị mau mắn, anh Trí rất thương chị. Mỗi lần ra Huế đều lên Kim Long thăm chị.

Lần này chắc anh phải oán chị, vì mang đến cho anh một tin rã rời, thất vọng.

Mẹ tôi gặp lại chị, vồn vã chưa kịp hỏi han gì thì chị đã oang oang:

“O ời, con tiếc quá, phải chi thằng Trí mà ưng con Trà thì hay biết mấy. Con nó thật đẹp, thùy mị dễ thương quá. Con đã để bụng cho thằng Trí rồi.. Rứa mà...

Anh Trí yên lặng lắng tai nghe.

Mẹ tôi hỏi: “Mà chừ thì ra rã rồi?” Chị vội nói: “Bác Chí (chị gọi bố chị Trà bằng bác) nhờ con về mời O ra đám cưới con Trà”. Chị quay lại nhìn anh. “Con Trà em biết rồi đó, hần sắp lấy chồng. Chao! Chị tiếc quá, phải chi em nói một tiếng thì dễ quá”. Chị nói nhỏ với tôi: “Con Trà có vẻ thương thằng Trí. Hỏi thăm luôn”.

Tôi nghe nói mà còn muốn rụng tim giùm cho anh. Huống chi mà anh không sững sờ như phỗng đá.

Vẫn cái răng khểnh cười, anh lặng lẽ đi vào phòng.

Thế là hết. Giòng sông Hương vẫn lững lờ. Các chuyền đồ ngang vẫn đi lại để thương để giúp những cơ hội tốt cho các cô gái tươi như hoa, thướt tha như liễu, mà lòng vẫn luôn lo lắng sợ hãi những cái “hâm” từ từ đến lúc nào không biết. Buồn chưa!

Mối tình cam với chị Trà (Thu Yển) thăm lặng đến và thăm lặng đi, để lại trong lòng Hàn Mặc Tử một hồi hận riêng tư lâu dài mà mỗi lần đọc bài Buồn Thu, vẫn còn xót thương cái áp a ắp úng của tuổi 19, 20 khờ khạo rụt rè đã làm cho cuộc đời phải ngỡ ngàng, trước trớ trêu của định mệnh.

BUỒN THU

*Ấp úng không ra được nửa lời
Tình thu bi thiết lắm thu ơi
Vội vàng cánh nhạn bay đi trót
Buồn bã hơi mây thoáng lại rồi
Nằm gặng đã không thành được mộng
Ngâm tràn cho đỡ chút buồn thôi
Ngàn trùng bóng liễu trông xanh ngắt
Cánh sắp về đông mắt sẽ vui.*

Bài thơ này Hàn Mặc Tử mượn cảnh buồn thu để tự thú nỗi lòng. Chỉ vì anh e ngại ấp úng không dám tỏ tình mà còn yếm mùa thu (Thu Yển) đã vội vàng bay đi trót, để lại bao nhiêu buồn bã của gió heo may lạnh.

Từ trước đến nay, bài Buồn Thu được xem là bài thơ đẹp nhất trong Lê Thanh Thi tập. Nhưng chưa ai biết được nỗi lòng riêng tư của con người nghệ sĩ tài ba chưa đến tuổi 20 đó.

Năm 1936, khi lòng đã lắng xuống, anh trở thành quen thuộc với những mối tình dang dở, anh cho xuất bản tập Gái Quê. Ra Huế tìm lại những “đám mây hồng” ngày trước và mây trắng ngang trời đã xóa hết kỷ niệm bốn năm rồi, không còn gặp được ai anh trao cho bà chị Phu một tập Gái Quê, nhờ tìm trao tặng chị Trà. Đến Hồ Lư mới biết Thu Hà đã vào Nam, nghe nói có

tìm thăm Hàn Mặc Tử nhưng không gặp được.

Anh bùi ngùi nghe đến những kỷ niệm đẹp. Hồ Lư vui vẻ nói: “Tình chỉ đẹp khi còn dang dở”. Anh cũng cười với cái răng khểnh đào hoa đó, nhưng lòng anh thì lại nghĩ khác, vì anh chẳng có mối tình nào suông sẻ cả, thế mà có tình nào đẹp đâu...

Sau một năm sống ở Sài Gòn, chung quanh anh có rất nhiều thiếu nữ, nhà văn có, nữ sinh có, thỉnh thoảng đến gặp anh nói chuyện thơ văn. Lòng vẫn dửng dưng, anh không còn tìm đâu được những bóng dáng yêu kiều đã ghi đậm trong lòng anh, những ngày đầu biết yêu, biết thưởng thức vẻ đẹp của giòng sông Hương, của những chuyến đò ngang. Những hình bóng đã đem lại cho anh những ước mơ và hứa hẹn, dù chỉ là đám mây hồng trôi ngang qua.

Nếp sống xô bồ rộn rịp của Sài Gòn vẫn không áp đảo được những kỷ niệm mơ màng với Thu Hà, với Thu Yến mà hai câu thơ trong Bước Giang hồ

*... Chút tình bền cũ còn đeo đẳng
Hụt chuyến đò đưa nghĩ ghen ngào*

vẫn đeo đuổi anh trên gác trọ 107 đường Espagne Sài Gòn, những đêm buồn cô quạnh, giữa cái thành phố mà anh cho là ô hợp. Anh đang bị lạc lõng.

Ở Pháp, trong dịp kỷ niệm 50 năm Hàn Mặc Tử qua đời, những người Việt ái mộ Hàn đã tổ chức một buổi góp chuyện nhắc đến anh, còn người tài hoa bạc số đó.

Trong nhiều người lên tiếng, có một vài cô “mà nay đã thành bà cụ” vẫn còn nức nở khi kể đến những ngày, những cơ hội được săn sóc Hàn lúc đau yếu, xoa dầu cạo gió cho Hàn để được nghe Hàn ngâm thơ.

Viết lại đoạn văn này, để mong được đến tay những người đã 50 năm rồi mà còn nặng tình tri kỷ với Hàn, ngõ hầu đền đáp trong muôn một, cho những ai từng yêu mến anh tôi.

*

PHẦN III

ÔI ! KIẾP TÀI HOA !

1. CÔ GÁI ĐỒNG TRINH

Khi Hàn Mặc Tử đã thực sự biết mình mắc bệnh nan y, anh vẫn không hề tỏ vẻ sợ hãi lo lắng bên ngoài, nhưng có nhiều hiện tượng cho thấy anh tự đè nén nỗi lo âu từng giây từng phút.

Mặc dù mọi người trong gia đình vẫn tìm cách bưng bít dư luận xôn xao bên ngoài cái thành phố bé nhỏ này, mà mỗi một gia đình, mỗi một người dân đều như thông cảm nhau, hiểu biết lẫn lộn với nhau, như qua cả hơi thở. Vì vậy, cái truyền thống cảm nhận đó cũng đã đến với anh được.

Anh Trí vẫn biết cả: Từ con đường Khải Định, con đường Jules Perry cho đến Gia Long, những ai đã có triệu chứng mắc bệnh phong, anh đếm được cả trên đầu ngón tay. Câu chuyện Giang Đông Nhị Kiều ở Gia Long bỗng nhiên mất tích, vắng bóng từ một năm nay cả mùa hè trên bờ biển, càng làm cho anh xót xa hơn.

Nỗi đau buồn càng dồn dập cho anh, từ khi Hoàng Hoa về Huế, Mộng Cầm giải ước, khiến cho anh phải nhiều đêm thao thức, bồi hồi tâm sự nhiều tam canh, và tiếng đàn tranh của “Nàng” trước kia nghe sao dịu dàng, say đắm bao nhiêu thì nay trở nên dày vò ray rứt anh bấy nhiêu.

“Nàng” là Mỹ Thiên, ở cách nhà chúng tôi độ 30 mét thôi, một thiếu nữ người Huế, con gái nhà giáo họ Cung, vốn là một cây đàn tỳ bà lỗi lạc, lại còn nổi tiếng đàn đủ năm cây (tranh, tỳ, nhị, nguyệt, bầu).

Cho nên, cây đàn tranh dưới bàn tay tuyệt kỹ của nàng đã làm cho bao nhiêu con tim xao xuyến một vùng trời Khải Định.

Nàng đẹp như bức tranh thủy mặc tàu mà vẻ kiều mỹ tình tứ như ẩn như hiện dưới nét đàn thanh mờ ảo.

Hình như con người nàng có nhiều tâm sự, mà chỉ bộc lộ vào những đêm khuya thanh vắng qua tiếng đàn tranh nỉ non như than thở, như bơ vơ tìm kiếm, đuổi theo vào tận cùng giấc cô miên trần trọc, những tâm hồn nghệ sĩ, lẻ loi.

Tiếng đàn đó làm cho anh Trí vừa sợ hãi vừa lo lắng đợi chờ, những đêm dài tuyệt vọng vì biết mình mắc phải chứng nan y ghê gớm.

Anh thường đánh thức tôi dậy để cho có bạn, để cùng theo dõi tiếng đàn ma quái đó.

Có đôi khi bảo tôi gióng dây tơ cây đàn nguyệt, so phím cách không hòa điệu, khiến nhiều căn phố kể cận vang nhẹ tiếng động của tò mò.

Có phải vì thế mà nhiều bà đạo đức lên giọng nặng nề phê phán lảng lơ mất nét. Nhất là bà kế mẫu nàng, vốn không lớn tuổi hơn nàng bao nhiêu, theo dõi hần học, chỉ vì bà cũng rất đẹp.

Tôi thỉnh thoảng có dịp đến hòa đàn với ông giáo, đôi khi cũng có nàng dự hòa, vì ông giáo rất nghệ sĩ và phóng khoáng, trẻ trung.

Anh Trí chỉ nghe danh nàng nhưng chưa biết mặt. Có lần anh hỏi tôi về nàng, tôi cười, đọc cho anh nghe mấy câu:

*... Và đôi mắt ai rười rượi buồn
Ngón tay trên phím nhẹ sầu buồn
Trẻ tràn mái tóc gây thương nhớ*

Chỉ bấy nhiêu thôi đủ vấn vương.

Quả thật là tai họa “bạc số”. Chỉ có cách bảy tháng sau đó, khi tôi lên Đà Lạt, bỗng được tin nàng quyền sinh trong một giấc ngủ dài với 10 viên thuốc Véronal để từ giã cõi đời khát khe độc ác.

Nàng đã mất, một buổi sáng cuối thu buồn thảm.

Nhà thương đã ra công chạy chữa. Họ không phục hồi được mạng sống nàng, nhưng đã phục hồi được tiếng thơm trinh bạch nàng, mà phương pháp chạy chữa đã có dịp chứng minh ngược lại những gì gièm siểm thị phi về nàng.

Mọi người đều ứa lệ. Vậy mà trước đó chỉ mấy tiếng đồng hồ, khi nghe Mỹ Thiện quyền sinh, đã có xô xao luận điệu hoang thai. Ôi xót xa chưa!

Anh Trí khi nghe anh Bửu Dòng, từ nhà thương chạy về vội vã báo tin buồn cho cả xóm đang chờ đợi, bỗng sững sờ ngơ ngác.

Anh ngậm ngùi hồi lâu rồi lặng lẽ đi vào phòng riêng đóng cửa lại viết ngay bài thơ:

CÔ GÁI ĐỒNG TRINH

*Ôi chao, ghê quá, ôi ghê quá
Cảm thấy hồn tôi ớn lạnh rồi
Đêm qua tranh vương trên cành trúc
Cô lẳng giềng bên chết thiệt rồi
Trinh tiết vẫn còn nguyên vẹn mới
Chưa hề âu yếm ở trên môi.
Xác cô thơm quá thơm hơn ngọc
Cả một mùa xuân đã hiện hình
Thinh sắc cơ hồ lưu luyến mãi
Chết rồi xiêm áo trắng như tinh
Có tôi đây, hồn phách tôi đây
Tôi nhập vào trong xác thịt này
Cốt để dò xem tình ý lạ
Trong lòng bí mật ả thơ ngây
Biết rồi, biết rồi, thôi biết cả
Té ra nàng sắp sửa yêu ta
Bao nhiêu mơ ước trong tim ấy
Như chục xuân về thổ lộ ra.*

Mấy tháng sau đó tôi về Qui Nhơn nghỉ tết. Anh Trí đem bài thơ trao cho tôi, giọng ghen ngào anh nói: Tao giải oan cho Mỹ Thiện đó. Rồi anh hỏi: “Sao, mi có khóc cho nàng được câu nào không?” Tôi nói: Bạn công việc quá, đầu óc không còn minh mẫn, chỉ làm được mấy câu trên chuyến xe Đà Lạt về đây:

*... Ôi! Nhớ bàn tay, nhớ những đêm
Trăng sao mờ nhạt gió ngàn êm
Tim ai thổn thức trên đầu ngón
Xao xuyến lòng ta thập lục huyền
Hòa âm buổi ấy dưới trăng thâu
Thánh thót đàn ai nhỏ lệ sầu
Sao em không nói câu ân ái
Nỡ để nàng gieo xuống mộ sâu.*

Anh xem xong nói “được lắm” Mỹ nhân tự cổ như danh tướng, bất hứa nhân gian kiến bạch đầu.

Mỹ Thiện mất đi, Hàn Mặc Tử cảm thấy thiếu vắng tiếng đàn tranh vẫn vợ quen thuộc mà hàng đêm anh hồi hộp đợi chờ đến với anh, như một nỗi xót xa, xa không thể nào tránh được. Bây giờ xót xa đó càng rầy rứt hơn, dày vò hơn, bởi vì anh lại vừa mất đi cái giây phút đợi chờ một cuộc hẹn hò, vừa lo lắng bồn chồn, vừa thích thú say sưa...

Tiếng đàn tranh huyền hoặc này trở thành thói quen của anh.

Ông Trần Thanh Mai viết về anh đã nói: Hàn Mặc Tử có một nguồn cảm thụ rất mạnh khiến anh hòa nhập dễ dàng vào tiếng đàn, như chính anh cũng là giây đàn, cũng run rẩy, cũng quặn quai mỗi khi bàn tay nghệ sĩ bấm vào cung bậc giây đàn.

Có nhiều khi anh thét lên, nước nở như tiếng đàn bị uốn nắn mà anh cảm thụ qua âm thanh. Tiếng đàn có vẻ như ma quái ám ảnh anh suốt thời kỳ đau nặng. Cũng có khi an ủi, khi thì dẫn dắt không buông tha anh:

*Nàng lay Nàng, hãy nghe tôi cầu khẩn
Hãy khoan tay cầm lại trí tương tư
Đang chờn vờn trong nguồn sáng ngất ngư
Đang lướt rướt ở trong màu hoa lệ*

Đó là những lời than vãn năn nỉ, mà anh đang cảm thụ nỗi đau nhức.

Và cũng có khi anh say sưa mê mẩn khoan khoái

*Bằng trăm tiếng vẽ nên trăm màu sắc
Với đôi tay Nàng trút hết đề mê
Dạ lan hương bùng mở cánh e dè
Trong khúc nhạc rên đều hơi gió tới.*

Những câu thơ vừa nhức nhối vừa say mê này đã được Hàn viết lên trong bài thơ sau:

ĐÀN NGỌC

*Điện Hàm Chương mai hoa còn rất ngọc
Xiêm nghệ nàng ven vén để hương lay
Nốc đi cho làn phấn điểm màu say
Cho ứ đọng toàn thân người rớm khóc
Rồi muôn xuân đã nư chiều thốn thức
Đều run rên như thể tâm hồn mơ
Ai gieo chi thương tiếc giữa đường tơ
Cho lở dờ vang lên từng tiếng nấc
Nguồn ánh sáng lờ đi trong sự thật
Trong ảo huyền và trong cả mê ly
Ai nở nào cắt nghĩa tới hàng mi
Là ứ lại, là trào ra nước mắt
Bằng trăm tiếng vẽ nên trăm màu sắc
Với đôi tay Nàng trút hết đề mê
Dạ lan hương bùng mở cánh e dè
Trong khúc nhạc rên đều hơi gió tới
Đàn ngọc đã rít lên chiều nã nót*

Tôi kêu rên van khóc lạy nàng thôi
Hãy uống đi cốc rượu ngấm đầy hơi
Chan chứa vị nồng cay đêm hợp cần
Nàng lạy Nàng hãy nghe tôi cầu khẩn
Hãy khoan tay cầm lại trí tương tư
Đang chờn vờn trong nguồn sáng ngất ngư
Đang lướt lướt ở trong màu hoa lệ
Trên cung bực hãm mau niêm ngọc kế
Vội lòng run ngưng hết cả thanh âm
Cho lửng lơ chơi với điệu phong cầm
Cho tôi bớt bồi hồi trong một phút.

Bài Đàn Ngọc trên đây, Hàn thú nhận sự yếu đuối của anh trước ảnh hưởng huyền hoặc của tiếng đàn tranh mà anh hoàn toàn bị chế ngự.

Cô Gái Đồng Trinh từ đó trở thành một hiện tượng kỳ lạ, một Nàng thơ, dẫn dắt anh vào những nhớ thương bàng bạc băng quơ, hoặc hòa nhập vào những lời thơ quần quại xót xa mà cuộc đời nàng đã đi qua ngắn ngủi.

Những năm Hàn đau nặng, nỗi u buồn tuyệt vọng đã đưa Nàng đến giấc ngủ vĩnh viễn, cũng đã được Nàng san sẻ cho anh trong những đêm cô quạnh trên bờ biển xa xôi.

Ta trú linh hồn giữa lúc đây
Gió sầu vô hạn thổi trong cây
Còn em sao chẳng hay gì cả
Xin để tang anh đến vạn ngày

Bất cứ lúc nào bóng Nàng cũng mơ hồ chập chờn hiện ra trong tầm mơ ước của anh.

Muốn gửi thương về người cố độ
Mà sao tình chẳng nói cho nhau...
Chiều xưa khúc nhạc nóng ran lên
Không có ai đi để lỗi duyên
Nguồn thơ ứa mắt hai hàng lệ
Tờ giấy hoa tiên cũng ướt mềm.

Có những khi anh hình dung Nàng như một bóng ma ghê rợn trên bãi cô liêu.

Tôi ngồi dưới bãi đợi Nường Mơ
Tiếng rú ban đêm rạo bóng mờ
Tiếng rú hồn tôi xô vỡ sóng
Rung từng không khí bạt vi lô
Ai ai lặng lẽ trên làn nước
Vội lại ai ngồi khít cạnh tôi
Mơ sao ngậm cứng tơ đầy miệng
Không nói không rằng nín cả hơi
Ôi chao, ghê quá trong tư tưởng
Một vũng cô liêu cũ vạn đời.

Hiện tượng Mỹ Thiện là một sự tiếc nuối băng quơ đông dài, cô đọng lại từ những cuộc tình dang dở xa xưa.

NHỮNG GIỌT LỆ

*Người đi một nửa hồn tôi mất
Một nửa hồn tôi bỗng đại khờ.*

Mỹ Thiện đã giam hãm tâm tư anh một thời gian khá lâu, cho đến khi anh gặp lại con trăng cũ, con trăng lằng mạn nằm sóng soài trên cành me, bên cửa sổ cái gác trọ con đường Espagne Sài Gòn.

Nhưng càng về lâu dài, anh rất thích thú sống với trăng, nào là đi chơi với Trăng, ngủ với Trăng, như chính thân anh hòa lẫn với trăng (tôi đã từng kể lại trong tập hồi ký Hàn Mặc Tử- anh tôi) trong nhiều trạng thái xuất thần.

Những trường hợp xuất thần ngày càng xảy ra nhiều.

Khi anh Trần Thanh Địch giới thiệu Thương Thương với anh, Thương Thương chiếm ngay chỗ của Trăng dễ dàng, và trở thành thật sự một Nàng Tiên bằng xương bằng thịt, có thể giao thiệp với anh bằng thơ văn. Thật tuyệt vời.

Anh bỗng nhiên suy cảm phong phú lạ lùng, mọi vật đều trở thành một cõi Bồng Lai. Chim hoa lá đều hiểu anh và anh đã sáng tác Cẩm Châu duyên, Quần tiên hội, những văn thơ trác tuyệt còn lưu lại đến ngày nay như những viên ngọc quý của nền văn học.

Đó là hương vị chót, những ngày cuối đời, mà định mệnh dành cho anh như để đền bù những gian khổ mà anh đã trải qua.

*

2. NHỚ NHUNG

Từ ngày Mỹ Thiện mất đi, âm hưởng tiếng đàn tranh nức nở tủi hờn, nghe như ma quái của nàng vẫn còn chập chờn ám ảnh Hàn Mặc Tử cả năm trời, mà anh không có cơ hội nói lên nỗi lòng bút rứt đó.

Đối với anh Trí, thơ là phương tiện để phát ngôn thật thà các mối tình như lâu nay, mà anh không thể nói ra bằng lời được cho ai hết.

Ở đây thì anh lại không thể viết ra được những lời thơ chân tình nói lên hoàn cảnh bệnh hoạn, cô đơn trong dày vỏ mà tiếng đàn Mỹ Thiện là niềm an ủi duy nhất cho anh.

Anh Trí mê tiếng đàn rồi, từ đó, bóng dáng mơ ước về nàng cũng trở nên một ám ảnh cho anh nữa, tuy không thể bộc lộ được mà thôi. Chỉ vì Hồ Tùng Ngâm, bạn thân của anh hồi đó, lại cũng say đắm Mỹ Thiện mà chị Cúc tiết lộ: “Mỗi tuần Ngâm đều đến, để vọng về căn nhà đối diện lạng lẽ ngắm nàng”.

Cái nghĩa bạn bè nặng nề đến nỗi Hàn Mặc Tử phải nhận sâu mối tình anh trong đáy lòng thầm kín không hề tiết lộ cho ai.

Bài Nhớ Nhung tôi kể đây là một công trình nguy trang đặc biệt cho mối tình anh đối với Mỹ

Thiện. Cho nên ít ai hiểu được bài thơ này Hàn viết về ai. Có người cho là anh tặng Hoàng Hoa, khi anh đi Sài Gòn là báo. Điều này không thể đúng được với Hoàng Hoa.

Bài thơ, nói về một cuộc chia ly mà chủ yếu là cây đàn tranh: nào là tiếng dương cầm, cánh cô nhận, những ngón từ ám chỉ tiếng đàn tranh mà anh nhớ nhung đến khô héo.

Trong giới cổ nhạc hồi đó, người ta nói “phiếm nhận” là đàn tranh, còn “phiếm trúc” là đàn nguyệt, chỉ vì bộ phiếm gỗ 16 con có hình dáng con chim nhận chạy dài trên mặt đàn. Đàn tranh còn được gọi là Thập Lục Huyền Cầm.

Hàn Mặc Tử nói trong bài thơ, nghe như chính anh chủ động. Nếu ta đặt chữ “em” ngôi thứ nhất trong bài thơ bằng tiếng “anh” ngôi thứ hai thì tâm sự Hàn thật quá rõ ràng, không còn dấu diếm được:

*Từ ấy em ra đi
Ngoài hiên không gió thoảng
Hoa đào vắng mùi hương
Lòng anh xuân hờ hững*

*Từ ấy em ra đi
Bóng trắng vàng giải cát
Cánh cô nhận bơ vơ (tiếng đàn tranh bơ vơ)
Liệng dưới trời xanh ngắt*

*Từ ấy em ra đi
Tiếng dương cầm vắng bật
Dường tan trong đám sương
Thoáng về nơi hoàng hạc
(trở về cõi huyền hoặc)*

*Từ ấy em ra đi
Anh gầy hơn gốc liễu (Hàn bắt đầu đau nặng)
Anh buồn như đám mây
Những đêm vầng trăng thiếu. (Đêm cả trăng cũng không có với anh)*

Cứ bên ngoài bài thơ, thì chị Cúc cũng có thể được nhắm vào. Nhưng có lần tôi hỏi thì chị cười: “Cậu có nghe tôi đàn tranh bao giờ chưa? Tôi chỉ biết đàn nguyệt còn đàn tranh tôi mới học. Khi dọn về ở trước mặt nhà Mỹ Thiện và cả ông giáo nữa, tôi đâm ra mặc cảm, không dám lên tiếng”. Chị lại cười: “Chỉ có cậu mới dám so tài thôi”.

Một luận điệu khác ở Huế cho rằng: bài Nhớ Nhung là anh Trí nhớ một người bạn, cô giáo ở An Cựu tên Nhung. Tôi cũng đã tìm hiểu: ở Huế, hẳn có một mối tình sơ ngộ với một cô gái tên là Thu Hà mà bài thơ Chuyển Đò Ngang là gạch nối, nhưng Hàn bận lo giấy tờ để du học Pháp nên lãng quên và có lần bị “nhắc khéo” tôi đã nói trong bài Chuyển Đò Ngang.

Anh Trí không hẳn đã yêu Mỹ Thiện, như thông thường, mà chỉ bị ám ảnh vì tài sắc được nghe nói về nàng.

Anh hay hỏi han về “tình hình” Mỹ Thiện như trước kia, khi Hoàng Tùng Ngâm còn ở Qui Nhơn, hay tâm sự với anh. Có lẽ anh cũng có làm một vài bài thơ nào đó, nhưng kín đáo xem rồi xé đi.

Tôi cũng có dịp tả hình dáng nàng cho anh nghe. Anh trầm ngâm thích thú như câu:

*Trễ tràng mái tóc gây thương nhớ
Chỉ bấy nhiêu thôi đủ vấn vương...*

(đã chép trong bài Mỹ Thiện)

Những câu đó để tạo cảm nghĩ cho anh làm thơ, nhưng anh lại không dám làm. Có lẽ anh lại ngần ngại vì tôi chẳng?

Khi vắng Ngâm, anh nuối tiếc cái mối liên cảm trong tinh thần với Ngâm nên anh kéo tôi vào thay thế chỗ trống của Ngâm. Anh đặt bút hiệu cho tôi là Thiện Nam. Tôi hỏi nghĩa là sao? Anh cười lớn: “Thiện nam tín nữ”. Chúng tôi cùng cười cho anh vui.

Với Mỹ Thiện, anh có vẻ như tôn thờ một thần tượng, một hình bóng mơ hồ dễ tan biến.

Những đêm mà vì lẽ nào đó, Mỹ Thiện không đàn, anh xao xuyến kỳ lạ, đứng lên nằm xuống, gần như không ngủ, suốt đêm chờ đợi.

Cuộc đời tình cảm của anh, đã hai lần thất bại với Hoàng Hoa với Mộng Cầm. Hai lần đó đã để lại cho anh nhiều tiếc nuối những gì anh được hưởng ít ỏi. Nhưng với Mỹ Thiện, anh chưa hề được gì hết, ngay cả chưa trông thấy được dung nhan kiều diễm Nàng, mà chỉ nghe tả lại thôi.

Nhưng tiếng đàn tranh đã nói hết về nàng, làm cho anh nhớ nhung nuối tiếc như mất đi những gì tuyệt đẹp mà anh đã có.

Bởi vậy, sự chờ đợi hằng đêm tuy xót xa nhứt nhối với anh là một điều thua thiệt, mà anh sẵn sàng chấp nhận để trao đổi một chút say sưa huyền ảo trong mơ màng thôi.

Anh không hề nghĩ cái ân huệ tối thiểu đó lại cũng mất đi dễ dàng quá trong một giấc ngủ dài, chẳng khác gì mọi giấc ngủ. Nàng đã từng sống, mà anh ngờ vực còn với năm cuộc đời anh.

Tôi rất thấm thía với câu anh than thở:

... Cô lóng giềng bên chết thiệt rồi.

Từ đó:

*Ngoài hiên không gió thoảng
Hoa đào vắng mùi hương
Lòng anh xuân hờ hững...*

Từ đó:

*Tiếng dương cầm vắng bật...
Cánh cổ nhận bơ vơ...*

Xứ Huế, cái xứ có nhiều liên quan đến anh từ thời biết yêu vừa mất đi một tài hoa, một thần tượng của anh.

Tôi vẫn còn nghe anh thỉnh thoảng ngâm một câu thơ cũ mà lâu ngày không nhớ tác giả là ai, đã nói lên nỗi nhớ thương của xứ Huế về một vị Phế Đế bị lưu đày:

*Khô héo lá gan cây Đinh Ngự
Đầy vơi giọt lệ nước sông Hương.*

Lại một lần nữa, anh tôi nguy trang đến tâm tư rồi.

3. VẮNG BÓNG

*Đi về cánh nhạn vương thơ ý
Khép mở phòng khuê thoảng tiếng tơ.*

Qui Nhơn, cái thành phố nhỏ bé, tôi đã từng sống từ thưở 10 tuổi, bỗng dưng thay đổi nếp sống văn nghệ một cách kỳ diệu.

Người dân Bình Định nổi tiếng, không biết từ thời nào về bộ môn hát bộ và hát bài chòi.

Triều đình Huế đã tuyển lựa hết tài hoa, đưa về thành lập ban hát bộ của nhà vua. Điều này làm cho dân Bình Định rất hãnh diện.

Vì vậy, các môn cải lương, ca Huế, khó tìm được chỗ đứng trong cái tỉnh nhỏ này. Ca Huế thì lại càng khó khăn để được Bình Định thích nghi.

Những lễ hội, Kỳ yên, tại các Phủ, Huyện, Làng, Tổng đều tổ chức hát bộ mà dân địa phương gọi là bát đình. Dân chúng mỗi khi nghe có hát Đình là cơm đùm, cơm gói đến xem cho được những tích xưa nói về Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa. Trong nhân gian không ai là không biết tuồng hát “Ông Đình, thằng Nhượng” biểu tượng Trung và Nhị mà năm nào cũng diễn đi diễn lại. Vậy mà...

Bỗng tôi cảm nhận được một sự thay đổi lạ lùng: cổ nhạc Huế đã xuất hiện ào ạt đến Qui Nhơn.

Có lẽ phải kể là bắt đầu từ năm 1933; năm có nhiều đoàn cải lương: Trần Bắc, Năm Phỉ lui tới trình diễn tạo sinh khí mới. Dấu hiệu đầu năm ấy: có một hội chợ (Kermesse), trong đó lại có tổ chức một cuộc thi họa thơ đầu tiên, mà đề tài được chọn là “Đàn nguyệt”.

Hàn Mặc Tử được mời làm giám khảo cuộc thi, vì bài thơ Đàn Nguyệt của anh sáng tác.

Một ngẫu nhiên khác, người trúng giải, ông Tạ Linh Nha người Quảng Ngãi là một tay đàn nguyệt có hạng, học trò thầy đồn Tám Nghệ. Thế là ông Tám vào Qui Nhơn dạy đàn Huế. Quảng Ngãi bỗng nhiên nổi tiếng cả thơ, cả nhạc, một cuộc chạy đua giữa các thầy đồn: Bảy Thiệu, bà Phán Cự, cậu Hai Phong v.v... người ta đua nhau học đàn Huế. Học sinh công chức cho đến thợ thuyền. (Nghe nói hai nhà thơ Xuân Diệu, Bích Khê cũng giỏi đàn Huế mà không phải là người Huế. Họ biết đồn (và còn ca nữa) các bản Nam ai, Nam bằng một cách thành thạo). Chỉ những người Huế biết ca nhạc Huế mới có thể phân biệt được qua tiếng đồn hơi cứng thôi. Giọng ca thì dễ phân biệt hơn. Vậy mà hai cô Liễu, Sắc, người Quảng Ngãi vẫn được mời vào ca ở Qui Nhơn.

Lần đầu tiên tôi biết Mỹ Thiện. Chính Mỹ Thiện đã phân biệt được tiếng đàn người Huế và tiếng đàn người Bình Định.

Hôm ấy tôi đến chơi nhà người bạn thân tên Bích, học trò của ông Bảy Thiệu, cây đàn số một của Bình Định (Thành). Thấy cây đàn nguyệt đẹp, tôi thử đàn một bài Nam bình. Nghe có tiếng ghé di chuyển đến gần bức tường ngăn căn nhà bên, tôi ngẩng lên, thấy đầu tóc vấn Huế của nàng, từ đó quen nhau và chính nàng cho tôi biết: “tiếng đàn của thầy Bích cũng hay lắm, nhưng lại lạt lẽo không tìn tữ”. (Người Huế rất tế nhị khi nghe được tiếng đàn để phân biệt đặc âm của mỗi tình). Nghe bài Nam Bình của anh, tôi biết không phải thầy Bích đồn!”

Hàn Mặc Tử rất thích nghe Mệ Dung ca bản Nam bằng. Bạn bè biết cả. Anh thường ghé lại

tiệm hót tốt Hai Được, lấy có hót tóc, ráy tai để nghe hết một loạt đĩa hát Béka, thu thanh các bản nhạc Huế của cô Dung, cô Nhơn, mà cái máy hát Victor của anh Hai Được ngày nào cũng có đông người nghe.

Bài Đàn Nguyệt anh Trí viết tặng Mẹ Dung (biết ca từ nhỏ) bài thơ này nổi tiếng vì các cụ ở Huế khen hay, nhất là cụ Tản Đà.

*Hỏi chơ mấy tuổi, đáp mười lăm
Non nước từng phen nổi tiếng tằm
Bạc mệnh đàn chơ, đau nửa kiếp
Đồng tâm tơ buộc chặt quanh năm
Chường mình trước án trông đầy đặn
Nếp mặt trong hoa nói thĩ thâm
Mười khúc đoan trường say chữa tính
Thuyền ai gấp ghé muốn ôm cầm*

Tôi thường trêu anh đọc trại câu kết ra:

Câu thơ gấp ghé, con thuyền Lệ Thanh.

Một lần vắng nhà mấy hôm, lại đúng vào lúc ở Qui Nhơn có tổ chức hòa nhạc, ca Huế, có mời Mẹ Dung cùng với cậu Tôn út vào chơi, tôi tiếc không có cơ hội nghe Tôn út đàn bản Nam bằng rất nổi tiếng của ông.

Khi về, anh Trí cần nhần mãi: Đi chi mà lâu rứa, ở nhà không biết nhờ ai đưa đi nghe cô Dung ca. Tôi nói: Cô Dung có hay hơn chi các cô Sắc, cô Liễu đâu... Anh Trí nổi giận: Mấy cổ Quảng Ngãi làm sao bằng cô Dung. Tôi bật cười: Thì cũng xương ca... cả mà thôi, lại câu thơ gấp ghé con thuyền Lệ Thanh rồi!" Tôi đọc bài thơ tôi họa mà không dự thi bài Đàn Nguyệt của anh. Anh lại cười trừ vì bài này có ý nói xương ca vô loại cả (quan niệm xưa).

*Nghe ra tuổi mới mười lăm
Oanh yến đi về đã tiếng tằm
Mái đẩy hò đưa tình vạn nẻo (Hò mái đẩy)
"Giao duyên" chờ đợi khách trăm năm (hát giao duyên)
Tơ vương mấy đoan đành dang dở
Nhịp lối nhiều phen luống thẹn thâm
Đã trót trao thân vào trướng nguyệt
Vui chi cay đắng, nghiệp ca cầm.*

Tôi biết anh Trí thích giọng ca Mẹ Dung, chỉ vì nghe đục đục như tiếng Khơmer, rất hợp với âm điệu thơ tám chữ của anh, ngắt quãng ở chữ thứ ba.

Cho đến khi dờ về 20 Khải Định, xa tiệm hót tóc Hai Được, xa cái máy hát Victor ngày nào cũng reo réo bản Nam bình. Tiếng Mẹ Dung... "Mối tình chi. Mượn màu sơn phấn, đền nợ ôly..." Anh Trí quên đi giọng đục đục trầm trầm của cô Dung, thì lại vương vào tiếng đàn tranh quyến rũ của Mỹ Thiện, đã ám ảnh một cách kỳ lạ, làm cho anh vừa xao xuyến, vừa say sưa. Cho đến khi Mỹ Thiện qua đời rồi, anh vẫn còn vương vấn mãi với những âm thanh huyền hoặc đó trong suốt thời gian bị bệnh.

Chị Cúc nghe tôi kể đến những câu chuyện riêng từ đó chị bỗng hỏi tôi: Vậy thì anh Trí yêu Mỹ Thiện? Tôi nói: "Có thể là, từ ngày Mỹ Thiện qua đời, anh Trí nhớ thương Nàng như một tài hoa bạc số, mà tiếng đàn tranh Nàng đã ngự trị lòng anh một thời gian khá lâu. Một bóng ma, một thời vang bóng của thành phố Qui Nhơn..."

Chị Cúc bỗng trở nên nghiêm nghị. Chị nói: “Câu đùa đùa không nên, Mỹ Thiện đã hiện ra nhiều lần. Mỹ Thanh em Nàng vừa mất năm ngoái ở Đập Đá cho tôi biết, chị Thiện về thăm nhà nhiều lần, mọi người đều trông thấy. Người ta quen đi, không để ý nữa. Họ nói chị chết oan cho nên linh lắm”.

Tôi không tin lắm, nhưng cũng hơi rờn rợn, sức nhớ một chuyện đã xảy ra ở trên rẫy, sau khi gặp lại chị Cúc một thời gian xa cách.

Một câu chuyện mà tôi cho là dị đoan, nhưng thấy chị Cúc tin tưởng quá nên tôi kể lại cho chị nghe.

Hiện tượng này tôi đã từng gặp một vài lần ở Ban Mê Thuột. Cung cách xảy ra gần như đều giống nhau.

Mùa đông năm ấy tôi lên rẫy cà phê thăm con, nhằm ngày đông chí, hoa cà phê nở trắng cả đồi, trời lạnh thấu ruột. Đêm ấy thật khó ngủ, trăng sáng như ban ngày. Hoa cà phê thơm ngát tràn ngập cả trong nhà. Nhìn ra đồi như bị tuyết phủ kín. Đã khuya mà tiếng nhạc radio cassette của “dân rẫy được mùa” vẫn còn văng vẳng, nghe như thưở nào con đường Khải Định. Ánh trăng qua cửa sổ, chiếu vào giường nằm... Bỗng linh tính báo hiệu có gì là lạ. Tôi cảm thấy lạnh hơn, như có ai đến... nghiêng mình nhìn ra ngoài, tôi lạnh toát, khớp cả miệng, không kêu lên được: một bóng trắng. Không, một người đàn bà mặc đồ trắng... hương hoa cà phê làm cho tôi ngộp thở ngất đi trong khi tâm linh kịp nghĩ lơ mơ: ai đây có vẻ quen lắm.

Hôm sau thức dậy, cố nghĩ không biết là ma hay mơ. Sức nhớ lại những kỷ niệm xa xưa, cao hứng dựng lại một câu chuyện cũ trong bài thơ dưới đây gửi chị Cúc xem. Chị nói một cách tin tưởng. Đúng rồi, đúng là Mỹ Thiện rồi!

BÓNG XƯA

*Lưng trời nhận đổ mùa thu ấy
Một thoáng tương tư bỗng nhận về...
Nàng từ đâu về đây
Tơ trắng vương vãi đầy
Trên đồi hoa nở nhạc
Bàng bạc điệu Nam ai
Mái tóc nào vấn Huế
Trẻ tràn như ban mai
Sóng mắt ai rào rạt
Bờ môi như hé mời
Lay lay tà áo trắng
Ta biết nàng là ai
Cơ hồ trong gang tấc
Mà sao ngoài chân mây
Im buồn trắng cổ độ
Lạnh lẽo mái hiên tây
Nghe ai so phiếm cũ
Nghẹn ngào buổi chia tay
Nhớ thương tràn sóng mắt
Sương lệ thấm vai gầy
Ai mời ta ly rượu
Bàn tay làm ta say
Đường tơ ai tâm sự
Chưa kể hết đầy vơi
Đàn tranh đâu thánh thót*

*Sao ngưng tiếng vàng rơi
... Chơi vơi màu vạn cổ
Mờ nhạt bóng liêu trai...
Ta đang mơ hay tỉnh
Dù nàng là liêu trai
Ta chờ bao thế kỷ
Để có được đêm nay.*

Câu chuyện Mỹ Thiện trong bài Vang Bóng này đã bị cắt bỏ khi tập hồi ký Hàn Mặc Tử anh tôi còn trong bản thảo, vì có thể bị xem là dị đoan.

Khi Hàn Mặc Tử-anh tôi đã xuất bản, nhiều bạn bè biết chuyện, yêu cầu tôi viết rõ hơn những gì về con người tài hoa bạc số đó.

Anh Trần Thanh Địch cho là một sự kiện quan trọng, nhất là trong khi Hàn đau nặng.

Vì vậy tôi cố ghi chép lại trong một loạt bài “Hàn Mặc Tử trong riêng tư” để nhớ lại một thời vang bóng thơ và nhạc mà hai tài danh nổi tiếng, phải kể là Hàn Mặc Tử và Mỹ Thiện.

*

Thành phố Qui Nhơn xem những năm 1933-1940 là một thời cực thịnh của văn chương nghệ thuật, và cũng là một thời dân thành phố sống trong hồi hộp lo âu vì nhiều triệu chứng phong cùi đe dọa trầm trọng, một chứng bệnh khủng khiếp mà họ cho là của dân Hời để lại, báo thù cái hận mất nước.

Theo truyền thuyết xa xưa, dân Bình Định bao giờ cũng nơm nớp lo sợ sự báo thù ghê gớm của một dân tộc đã từng huy hoàng nổi tiếng văn minh và nghệ thuật, mà đã bị huỷ diệt tàn tạ trên mảnh đất Bình Định, đặc biệt là Qui Nhơn. Nơi đây, những linh hồn ma quái đang bị chà đạp dưới gót chân kẻ chiến thắng mà họ chưa biết ngày nào trời dậy.

Nhà thơ Chế Lan Viên, trong tập Điều Tàn đã than thở cho kẻ chiến bại:

*... Cả sự nghiệp đời ta xưa rực rỡ
Cả muôn dân Lâm ấp chiến binh ôi
Cả non nước Chiêm thành xưa rực rỡ
Ta chỉ còn nhìn được một lần thôi.*

Hàn Mặc Tử cũng nhắc lại những lời bạc tàn của kẻ chiến thắng:

*... Người quên đi, quên hẳn cái thời xưa
Vạn Bình Chiêm, phải Nam ta chinh phục
Đạp tràn lên lầu điện chói nguy nga
Và cướp lấy gái Hời vui thú dục...
... Và lòng ta sôi nổi máu kiêu căng
thích trông thấy lũ dân Hời tan tác...*

Có phải đây là một sự trả thù ghê gớm của những linh hồn mà hài cốt đang còn bị chà đạp dưới lòng đất sâu của cái thành phố bất hạnh này.

Phải chăng định mệnh đã chọn đúng lúc Qui Nhơn đang hồ hởi vinh quang để lấy đi những tinh hoa của nó: hai vì sao sáng chói rơi rụng.

Bệnh cùi được báo trước bằng hiện tượng kỳ lạ: da dẻ bỗng trở nên hồng hào đẹp đẽ, một ân huệ cuối cùng để cho người thương nhớ chẳng? Để rồi định mệnh ra tay tàn phá ghê gớm và dữ dội.

4. BỨC THƯ XANH

Những tháng đầu năm 1937, bệnh phong của Hàn Mặc Tử có vẻ phát lên quyết liệt, sau một thời gian hồ hởi đầy hy vọng với nhiều triệu chứng thành công của ông thầy Sáu Gồ Bồi, trong lần chạy chữa đầu tiên với phương pháp ngoại khoa của ông.

Anh thường ngồi yên lặng, như để lắng nghe những gặm nhấm buồn thương, ray rút trong tâm tư mà những cuộc tình bất thành, rạn vỡ với Hoàng Hoa với Mộng Cầm để lại trong lòng anh, cộng với nỗi thất vọng chán chường của bệnh hoạn.

*Em có chồng, mà đành đoạn chia đôi...
... Họ đã xa rồi không níu lại
Lòng thương chưa đã, mến chưa bừa.*

*.....
Rao rao, gió thổi phương xa lại
Buồn đâu say đắm áo xuân ai
Lay bay lời hát, ơ! Buồn lạ!
E buồn trong mộng có đêm nay.*

Nhưng, hôm nay một buổi chiều tím bàng bạc. “Dì” gió mang đến cho anh một niềm hy vọng, an ủi anh, một bức thư màu xanh, nhiều hứa hẹn của ước mơ.

Chúng tôi đang ngồi giữa nhà, tán chuyện gẫu, ước ao vô duyên, để chờ đợi một ngẫu hứng bất thần, thì có tiếng gọi ngoài cửa: Có thư, có thư.

Giáo sư Trân, nhanh chân chạy ra trước, mang vào một bức thư màu xanh, giơ cao lên đọc to:

“Me xừ” (monsieur) Hàn Mặc Tử 20 Khải Định Qui Nhơn.

Cả bọn nhao nhao lên: “A, bức thư xanh, tuyệt quá! Tâm sự cô nàng nào đây! Đọc to cho anh em nghe với anh Trí ơi!” Hàn mắt sáng lên, vẻ bối rối cuống quýt, như do dự toan xé thư ra. Tôi vội vàng giải vây cho anh: “Đừng, đừng, thư riêng của anh mà!”

Hàn quay lại nhìn tôi, biết ơn, quay gót vào phòng... Tôi đọc tiếp những câu thơ trong bài Hỡi Nhịp hồn em.

*Đừng nhắc nhở tên anh ngoài lỗ miệng
Vì gió hương nghe được, rỉ thắm hoa
Lộ mất rồi tâm sự của đôi ta
Chưa hề nói cho một ai nghe biết
Chưa hề dặn ngày mai rồi tiễn biệt
Chưa khi nào đọc đến chữ “Chia ly”...
“A! Thanh Huy, A, Thanh Huy”.*

Anh Trí nhớ ra rồi. Người bạn tâm giao của anh ở Huế đã có nói đến tên nàng và về Nàng, một lần khi Hàn đến Tòa soạn báo Tràng An đã trông thấy Nàng trong Nhà in Đặc Lập.

Thanh Huy, người thiếu nữ nhỏ nhắn, có đôi bàn tay tuyệt đẹp, trắng nuốt ngó sen. Có đôi mắt! Ôi, đôi mắt đen thắm thắm như xoáy cái nhìn vào sâu con tim anh.

*Phải chăng đôi mắt u buồn ấy
Xoáy mất tim ai một mạng đời!*

Tình bạn tâm giao của Hàn với Thanh Huy là tri âm tri kỷ trong văn chương thi phú, cố nhiên là lãng mạn rồi, và suýt nữa thì họ đã trở thành đôi bạn trăm năm.

Có những đêm mưa tầm tã của xứ Huế khó tính. Họ ngồi bên nhau trước vỉ hè căn phố vắng, đếm từng giọt mưa rơi.

Có những đêm, trên con đò thả trôi theo giòng sông Hương tình tứ, họ ngâm thơ cho nhau nghe không biết chán.

Vậy mà tình bạn của Họ vẫn giữ được quãng cách gan lì

Anh bạn của Hàn vốn đã từng được “tôi luyện” trong nhiều hoàn cảnh khó khăn mà cuộc đời đã bị hất đi hất lại. Cho nên niềm kiêu hãnh tự lập đã khiến anh chấp nhận thua sút không muốn nhờ ai giúp đỡ, mà quyết tâm tự tay xây dựng cho Đời mình.

Họ yêu quý nhau trong niềm kiêu hãnh đó, để rồi mơ ước những cái rủi may của định mạng.

Họ tế nhị tặng cho nhau những tấm vé số đầy hy vọng.

Phải! Tại sao họ không có quyền hy vọng, để nghĩ rằng một ngày nào đó, tấm vé số độc đắc đã từng rơi vào tay cụ già thưởng một trăm ngàn đồng, lại không thể rơi vào tay họ hay sao?

Nghe chuyện này, thật buồn cười, nhưng không thể không xót xa cho những tâm hồn giàu yêu thương nhưng nghèo tiền bạc.

Đó là điều đã khiến anh Trí thương yêu bạn anh.

Thanh Huy, người con gái đa tình kỳ lạ này lại còn rất mê say thi phú. Nàng thuộc lòng cả một lô thơ Xuân Diệu, thơ Huy Cận, hay thơ Bích Khê.

Nào là Xuân Diệu viết:

*Với bàn tay ấy ở trong tay
Tôi đã quên người hận tháng ngày*

Huy Cận viết:

*Em đẹp bàn tay ngón thon thon
Em duyên đôi má nắng hoa tròn*

Và ướm át như Bích Khê:

*Nàng ơi! Tay đêm đương giăng niêm
Trắng đan qua cành muôn tơ êm.*

Độc thơ của Hàn thì Nàng như lao mình vào hòa nhập trong lời thơ say đắm, như đã yêu nhau từ kiếp trước.

*Mà anh hay em trong tim đều rạn
Đều chôn sâu hình ảnh một người mơ
Bây giờ đây, quẩn quít hiện bây giờ
Chỉ biết có đôi ta là đang sống
Đang cho nhau ngọt ngào và đang mộng
(ĐÔI TA)*

Thanh Huy quên sao được những lời thật chua xót và tuyệt vọng:

*Trời ơi, bao giờ tôi chết đi
Bao giờ tôi hết được yêu vì
Bao giờ mặt nhật tan thành máu
Và khối lòng tôi cứng tợ sí.*

Bức thư xanh, Thanh Huy viết cho Anh không dài lắm, nhưng thiết tha chân thành, khiến anh vô cùng xúc động, đọc đi đọc lại nhiều lần và kêu lên:

*Bức thư kia sao chẳng nói cho dài
Cho khăng khít nồng nàn thêm chút nữa.*

Nàng viết: “Nghe anh đau nặng từ lâu, nhưng xa xôi quá, không thể chia sẻ nỗi đau thương với anh. Thanh Huy biết anh đau đớn tâm hồn nhiều hơn thể xác”.

Bức thư xanh đến với Anh đột ngột, bất ngờ, khiến Anh hoảng hốt, vừa lạ lùng vừa thích thú say sưa, như nghe một cung đàn tuyệt diệu, như giấc chiêm bao mê luyến cả thần kinh anh.

*A! Huyền diệu! Huyền diệu! A! Huyền diệu
Anh ánh lên cho nguồn sang trong xanh
Đây là Trăng? Thanh thủy đặc như tình
Đây là Nước? Bờ hồn không dây sóng...
Là đàn phách của muôn dây đồng vọng
Vườn chiêm bao mê luyến cả thần kinh...
... Đây trang ngọc đầy hương hoa kỳ dị
Ở bao lời tình tứ của đôi ta...*

Nhưng khi nhìn lại chứng bệnh nan y mà anh đang sống (sưng húp) trong rên siết, quằn quại, Anh không còn tin tưởng gì nữa. Bức thư xanh, hóa chỉ mang ý nghĩa biệt ly từ kiếp trước.

*Không, không đâu! Máu với lệ chan hòa
Thành ra nghĩa biệt ly từ kiếp trước
Đây dòng chữ nửa hư nửa thực
Lời nao nao như hàng lệ rừng rừng.*

Anh lý luận, tình Thanh Huy chưa phải là tình cao trọng, mà sao lại làm cho Anh đến nỗi đại khờ đi.

*Thanh Huy ơi! Nàng chưa là châu báu
Có làm sao phước lộc chảy ra thơ
Duyên làm sao cho Trí đến đại khờ*

.....
Điên rồi sao? Mê rồi? Hoảng rồi à?

Anh đang cần một thứ tình yêu cao trọng hơn, để cho anh hoàn toàn phó thác vào một niềm tin.

Một niềm tin, Đạo Đức, thiêng liêng hơn mà từ ngày đau nặng, tâm trạng anh bị nhiều nỗi đau thương chi phối.

Đó là sự cầu cứu với Tràng hạt mân cô, ơn phù trợ Từ Bi, để rồi anh cùng giúp Thanh Huy bay lên cao với anh.

*Nhưng khoan đã, đang say kinh cầu nguyện
Cũng đang lần tràng chuỗi hạt Từ Bi
A, Thanh Huy, A Thanh Huy! Thanh Huy
Ta cấp Nàng bay cao hơn tiếng Nhạc.
Cho Nàng hớp đầy môi, hương khoái lạc
Cho hồn nàng dính chặt với hồn ta
Tình đôi ta muôn kiếp gỡ không ra.*

Bài Bức thư xanh dưới đây là một mối tình thanh khiết mà Anh muốn tách khỏi tầm thường trần tục, để thánh hóa thơ anh.

Bài thơ này, đã dọn đường cho bài Ave Maria cách sau đó mấy tháng. Anh viết trong Ave Maria:

*... Cho tình tôi nguyên vẹn tựa trăng rằm
Thơ trong trắng như một khối băng tâm...*

BỨC THƯ XANH (toàn bài)

*A! Huyền diệu! Huyền diệu! A! Huyền diệu
Anh ánh lên cho nguồn sang trong xanh
Đây là Trăng? Thanh thủy đặc như tình
Đây là Nước? Bờ hồn không dây sóng...
Là đàn phách của muôn dây đồng vọng
Vườn chiêm bao mê luyến cả thần kinh
Nào cuồng lên cho đến máu trong mình
Xao xuyến mãi, chảy tràn ra những ý...
Đây là ngọc, đây hương hoa kỳ dị
Ư bao lời tình tứ của đôi ta...
Không, không đâu! Máu với lệ chan hòa
Thành ra nghĩa biệt ly từ kiếp trước
Đây dòng chữ nửa hư nửa thực
Lời nao nao như hàng lệ rừng rưng.
Tình đã húp, sao ý vẫn còn sưng.
Sao giấy lại tháo mồ hôi ra thế?
Nàng hỡi Nàng! Như lòng ta khóc kể
Kêu rên nghe buồn chết cả đêm nay
Ta muốn nàng ngất lịm ở trong tay
Để ta xé bức thư ra vụn mảnh
Tung theo gió là Trăng hay hồn lạnh
Là nhạc say ngả gối giữa nguồn thương
Là tình ta còn gì nữa vẫn vương
Tan thành bọt hư vô như khí hậu
Thanh Huy hỡi! Nàng chưa là châu báu*

*Cớ làm sao phước lộc chảy ra thơ
Duyên làm sao cho Trí đến đại khờ
Mắt mờ lệ ở sau hàng chữ gấm
Ta đã nuốt và hình như đã cắn
Cả lời thơ cho vãi máu Nàng ra
Điên rồi sao? Mê rồi? Hoảng rồi à?
Ở được lắm, lên Trăng chơi một chuyến
Nhưng khoan đã, đang say kinh cầu nguyện
Cũng đang lần tràng chuỗi hạt Từ Bi
A, Thanh Huy, A Thanh Huy! Thanh Huy
Ta cấp Nàng bay cao hơn tiếng nhạc.
Cho Nàng hớp đầy môi, hương khoái lạc
Cho hồn nàng dính chặt với hồn ta
Tình đôi ta muôn kiếp gỡ không ra.*

PHẦN IV

NHỮNG RIÊNG TƯ KỶ DỊ

1. CHỈ MỘT ƯỚC MƠ

Trong phần chót tập sách này, tôi đã cố gắng tìm hiểu những biến chuyển tâm trạng Anh qua những bài thơ rất thật thà, đi từ những tình cảm đơn sơ tuyệt đẹp đến những cay đắng xót xa, và cuối cùng hòa nhập vào những mơ ước kỳ lạ, những lo lắng sợ hãi, trong nhiều hiện tượng khó hiểu mà tôi gọi là những cơn xuất thần, mà trong đó anh đã sống nửa mơ nửa thật nghe như được trông thấy từ những thế giới xa lạ.

Ở giai đoạn đầu của những bài thơ tình cảm nóng bỏng hay mơ màng thao thức, anh nói thật hết không hề dấu diếm. Trong mỗi tình Hoàng Hoa chẳng hạn, anh viết:

*Đêm nay ta lại phát điên cuồng
Quên cả hổ ngươi cả thẹn thuồng
Đứng rủ trước thềm nghe ngóng mãi
Tiếng đàn the thé ở bên song.*

Với Mộng Cầm anh thổ lộ:

*Mặt trời mai ấy đỏ ong
Nàng tiên hóng mát trên hòn Cù lao*

Áo xiêm nhuộm nắng hồng đào...
Đồng trong im như lặng như tờ
Hương gì ngan ngát giã đà say sưa
Gió ơi lại đẩy mà ngửa
Tôi đứng xa lắm xin chừa tôi đi
Hồn tôi mắc cỡ là vì
Không quen thưởng thức cái gì ngất ngây
(Say Nắng)

Cũng có những tiếc nuối than thở:

Nhớ những lúc như si như dại
Nhớ những hồi bài hoải tay chân
Nhớ hàm răng, nhớ hàm răng
Mà ngày nào đó vẫn khăng khít nhiều
Dấu đau đớn vì điều phụ rầy
Nhưng mà ta không lấy làm đau
Trăm năm vẫn một lòng yêu
(Muôn năm sầu thảm)

Cũng có lúc ước mơ một cuộc tình ướm át, mà anh cho là tội lỗi, và để diễn tả, thật thà, anh diễn tả thành một bản tình ca hòa tấu cặp đôi Tân hôn. Đó là bài Đàn Ngọc, nguyên thủy là Đêm Hợp Cẩn, về sau đổi lại là Cung Đàn Ngọc, cuối cùng thành Đàn Ngọc.

Đây là bài thơ lãng mạn nhất mà anh mơ tưởng, đã được diễn tả bằng những lời thơ tuyệt đẹp, vừa nồng nàn say đắm, vừa sôi nổi mà êm đềm. Suốt bài thơ không hề có một lời dung tục khiến người đọc cảm thấy tuyệt vời một đêm hợp cẩn.

Điện Hàm Chương mai hoa còn rớt ngọc
Xiêm nghê nàng ven vén dễ hương lay
Nốc đi cho làn phấn điểm màu say
Cho rúng động toàn thân người rớm khóc
Rồi muôn xuân đã nư chiều thốn thức
Đều run lên như thể tắm hồn mơ...
... Dạ lan hương bùng mở cánh e dè
Trong khúc nhạc rên đều hơi gió tốt...
... Hãy uống đi cốc rượu ngấm đầy hơi
Chan chứa vị nồng cay đêm Hợp Cẩn
Nàng, lay Nàng, hãy nghe tôi cầu khẩn
Hãy khoan tay cầm lại trí tương tư
Đang chờn vờn trong làn sóng ngất ngư
Đang chơi với ở trong màu hoa lệ...

Rồi một thứ lãng mạn ngây thơ khác:

Hãy tưới lên hoa giọt lê nồng
Đếm từ cánh một mấy lần thương
Hãy chôn những mảnh xuân tàn tạ
Và hãy chôn sâu tận đáy lòng
(Thời gian) (Mơ Hoa)

Từ đây anh bắt đầu nói đến đau thương cay đắng:

Còn đâu tráng lệ những thời xanh

Mùi vị thơm tho của ái tình
Đổ kiểem cho ra trong lớp bụi
Ít nhiều hơi hám của kiên trinh
Cho đến cô đơn tan rã:
Họ đã xa rồi không níu lại
Tình thương chưa đã mến chưa bừa...
... Người đi một nửa hồn tôi mất
Một nửa hồn tôi bỗng đại khờ
... Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu
Sao bông phượng nở trong màu huyết
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu.
(Những giọt lệ)

Trong bài Khói hương tan dưới đây, anh bắt đầu để lộ vẻ bơ vơ lạc lõng ít nhiều trong một thế giới vắng lặng, mà anh như con thuyền trôi nổi chưa biết ghé vào đâu.

Tối hôm nay muôn sao bơi nhấp nháy
Song Mê hà đưa đẩy sóng triền miên
Thuyền anh buông lững lờ trong hiu quạnh
Tới chưa em, đã tới bến lòng em

Mộng yêu đương, đang khi tim rào rạt
Thuyền anh neo đậu trước bến Hàn Giang
Những ước vọng khi trăng sao bàng bạc
Biến mất rồi, anh thấy khói hương tan.

Và từ đó, anh sống trong nửa mơ nửa thực. Thơ anh bước vào một cõi trời khác, cõi trời mà trong những phút xuất thần anh vẫn còn nhìn thấy anh cả hồn theo anh như cái bóng.

Hồn là ai, là ai tôi chẳng biết
Hồn theo tôi như muốn cột tôi chơi.
Dẫn hồn đi rông rã một đêm nay...

Trong quá trình tập thơ Đau Thương, anh đi từ tình tứ say sưa đến đắng cay cuồng loạn để rồi tan biến vào một thế giới mộng lung. Thơ anh vì vậy rất khó hiểu.

Ông Trần Thanh Mai viết trong tập Thân thể và thi văn Hàn Mặc Tử: “Thi sĩ vì quá say sưa trong bầu không khí lạ của cõi trời mới chiếm, nên quên mất đường lối đi về, con đường còn dính líu với người thế gian. Thi sĩ đã đi lạc đường ra ngoài mức, ngoài trình độ linh hội của người thế gian, ngoài cả linh hội của thi sĩ nữa”.

Hàn bắt đầu viết loại thơ đó:

Anh đã thoát hồn anh ngoài xác thịt
Để chập chờn trong ánh sáng mộng lung...
Để tìm em đưa hai tay ràng rịt...
... Chúng ta biến em ời làm thanh khí
Cho tan ra hòa hợp với tình anh
Của Trời Đất của muôn vàn ý nhị
Và tình ta sáng láng như trăng thanh.

Tuy nhiên anh vẫn ý thức được anh đang ở đâu, còn linh hội và đánh giá những gì anh đã gặp và ghi nhận lại khá rõ ràng. Có vẻ như anh có khả năng đi vào cõi mộng ảo rồi trở về thực tại dễ dàng như nhiều lần tôi nhận xét anh sau những cơn ngất hay nói là xuất thần.

Há miệng cho hồn vắng lên muôn trượng
Chơi vơi trong khí hậu chín tầng mây
Ánh sáng lạ sẽ tan vào hư lãng
Trời linh thiêng cao cả gọi nồng say.
Vì không giới nơi trần gian vắng lặng
Nên hồn bay vùn vụt tới trắng sao
Sóng gió nổi rừng rừng như địa chấn
Và muôn vàn thần phách ngã lao đao
Cả hơi hám muôn xưa theo áo ảnh
Hồn trơ vơ không biết lạc về đâu
Và vương phải muôn vàn tinh khí lạnh
Hồn mê man bất tỉnh một hồi lâu...

Ngay cả trong những cơn mơ xuất thần, anh còn phân biệt được những nơi nào có Chúa nơi nào có Ma quỷ. Anh kể lại nghe như người chết đi rồi sống lại:

Ra không gian là vượt hẳn thượng tầng
Tập tới đến ở ngoài kia vũ trụ
Nơi khí tượng bốc ngàn muôn tinh tú
Nơi không cho hồn lai vãng quang chiêm
Sáng vô cùng, sáng láng cả mọi miền
Không u ám như cõi lòng ma quỷ
Vì có Đấng hằng sống, hằng ngự trị
Nhạc thiêng liêng đồn trời khắp hư linh...
.... Hồn hồi hồn lên nữa quá thình gian
Tìm vớ chốn chiêm bao ngoài sự thực
Mộng là mộng tràn trề muôn vạn ức
Tinh thơm tho như gấc lệ còn nguyên
Ta ước ao đầu đội mũ triều thiên
Và tắm gội ở trong nguồn ánh sáng.
(Ngoài Vũ Trụ)

Trên đây là một số bài thơ khó hiểu nhất trong tập thơ Đau thương và Cuồng loạn. Nhiều bạn đã nhờ Hàn giải thích.

Thuở còn sống Hàn cũng đã quan niệm việc giải thích thơ Hàn rất phức tạp. Anh nói một cách đã khó hiểu: “Giải nghĩa cho hết thơ tôi làm ra đó thì phải mất bao nhiêu trang giấy rồi, mà chưa chắc người đời đã hiểu được gì”. Những bài thơ này đã viết ra lúc anh đau nặng nhất, đầu óc căng thẳng tâm trạng hoang mang, khi mà anh chạy theo những ước mơ kỳ lạ, ước mơ được thoát ra khỏi thế gian bằng tất cả các nẻo đường mà anh gặp được, trong giấc ngủ, hoặc ngất đi trong giây phút xuất thần.

Ông Trần Thanh Mại nói về Hàn Mặc Tử như sau:

Sự xuất ngoại hoài hoài của hồn ấy, ta nên nhận là điều có thật, chứ không phải do trí tưởng tượng của thi sĩ bịa ra. Thi sĩ chỉ ghi chép trạng thái mọi sự vật mà người trông thấy hay cảm biết.

Ý kiến ông Trần Thanh Mại đã giúp tôi tin vững chắc khi nhận xét những lần anh xuất thần ra ngoài vũ trụ, không thể được xem là điều ma quái, ám ảnh. Hình như những hiện tượng kỳ lạ anh gặp trong những lúc ấy không có điều gì trái với Đức tin anh. Cứ trong câu chuyện anh kể lại nơi nào tối tăm là có ma quỷ, nơi nào có nhạc có ánh sáng nơi đó có Thiên Chúa. Anh còn ước mơ được đội mũ triều thiên nữa và tắm gội trong nguồn ánh sáng ấy. Anh còn mời Thanh

Huy, trong bài Bức thư Xanh đi chơi với anh một chuyến lên Cung Trăng nữa.

*Điên rồi sao? Mê rồi? Hoảng rồi à?
Ở được lắm, lên Trăng chơi một chuyến
Nhưng khoan đã, đang say kinh cầu nguyện
Cũng đang lần tràng chuỗi hạt Từ Bi
A, Thanh Huy, A Thanh Huy! Thanh Huy
Ta cấp Nàng bay cao hơn tiếng nhạc.
Cho Nàng hớp đầy môi, hương khoái lạc
Cho hồn nàng dính chặt với hồn ta*

Sự liên hệ giữa Đức tin và hiện tượng xuất thần, có thể đã bắt nguồn từ một sự kiện nhỏ, mà ảnh hưởng mạnh và sâu đậm trong tâm trí Hàn, khi mà đã mất hết cơ sở, hết hy vọng bám víu vào để được lành bệnh.

*

2. CHỈ MỘT NIỀM TIN

Năm 1937, trước khi đi Đà Lạt, tôi trông thấy anh buồn rầu ảm đạm như mất hết hy vọng được khỏi bệnh. Anh không muốn nói chuyện với ai, chỉ thích ngồi một mình, đọc kinh hay lần hạt chuỗi Mân côi. Từ đầu năm bệnh anh phát mau như ngựa chạy. Bạn bè cũng thừa thốt đến chơi. Anh mong mỗi Đức Mẹ làm phép lạ cứu anh một lần nữa.

Mặc dầu cố Labiansse nói với anh Đức Mẹ không có quyền làm phép lạ như đã xảy ra ở bờ biển, nhưng anh tin điều ấy đã xảy ra. Anh lý luận phép lạ ở tiệc cưới Cana mà Kinh thánh kể lại Chúa làm cho nước trở thành rượu chỉ vì Đức Mẹ xin Chúa làm. Sự trông cậy của anh vì vậy rất có lý.

Thấy anh thích nguyện ngắm, tôi trao cho anh tập sách nhỏ *Imitation de Jésus Christ* của L.M.Lamennais, anh vui mừng như bắt được của. Nhất là khi đọc câu: “Dieu seul sait le temps et la manière de vous délivrer”, anh hớn hờ lạ thường. Anh nói: Đúng rồi! Chỉ có Chúa mới biết được lúc nào và bằng cách nào để giải thoát cho con. Từ đó anh gia tâm cầu nguyện gần bó thiết tha hơn.

Lời cầu nguyện của Thánh Phanxicô đã trở thành của chính anh: “Xin cho con ra khỏi cái thân xác nặng nề hôi hám đang giam hãm con”.

Trông bốn năm đau, những suy niệm về mầu nhiệm giải thoát trở thành mơ ước và những mơ ước chân thành đó, có thể biến ra nhiều hình ảnh tuyệt vời nơi chân trời mới của anh, trong những giấc mơ xuất thần.

Đức Tin đã có dấu hiệu tốt, Anh viết:

*Đức Tin thơm hơn ngọc
Thơ bay rồi thơ bay
Mau gò giai âm lại
Sốt bớt nghĩa đêm nay*

*Có tin thôn xa đến
Có đêm lạ đêm nay
Đóng cửa mười phương lại
Dồn ánh sáng vào đây
Ngoài không gian mất mát
Chim thanh tước ra đời
Nêu cao hơn tiếng nhạc
Nhà hát sẽ xanh tươi.*

Trong bài Đêm lạ trên đây vừa kể, anh đã nhận ra được Một Mùa Xuân mới anh mơ ước ra đời. Anh vội vã viết một loạt bài cho Mùa Xuân như ý.

Trong lời tựa Hàn viết:

Cho mau lên! Dồn ánh nguyệt vào đây... Lời thơ ta sẽ sáng trưng như thất bảo. Tình cảm ta sẽ nóng ran như mặt trời. Ý tứ ta sẽ cao cường hơn ngọn núi.

Ôi! Trời hạo nhiên đây không phải là công trình châu báu của Người sao!

Lòng vô lượng đây không do phép tác màu nhiệm của Đấng Vô thử Vô chung?

Đưa ra, nào là nhạc thơm, hương gấm, mộng ngọc và hoa trinh bạch, đàn ly tao, tranh tuyệt phẩm...

Đưa ra, nào là gió chia biệt, trăng đoàn viên, chim tứ chiếng, mây giang hồ, và nào là trời thanh sắc, lòng nhũ hương, niềm mộc dục.

...Và loài người hãy cảm ơn Thi nhân đã đổ hết bao nhiêu nguồn máu lệ, đã từng uống mật đắng cay trong khi miệng vẫn tươi cười sốt sáng...

*Hãy cầu nguyện bằng trăm kinh mây gió.
Hãy dâng cho một tràng chuỗi trắng sao...*

Thi nhân sẽ vừa say sưa, vừa điên cuồng, ọc ra từng búng thơ sáng láng, phương phi như một mùa Xuân Như Ý.

*

RA ĐỜI

*A! A! A!
Thiên địa đắm hoang mang
Là đương khi thờ lạy cả Thiên đàng
Bay xa những tiếng tung hô Thánh Đức
Muôn thần phẩm trong lằng lằng châu chực
Ánh hào quang chang chói ngất mê ly
Ôi cao sang khôn ví trọng ai bì
Trên nước cả có muôn vàn châu báu
Trí rất ngợp bởi chưng Xuân hồn hậu
Đã ra đời theo lệnh cả Ngôi Hai
Ôi! Thánh tai, Thánh tai và Thánh tai*

*Cả trời bỗng nổi lên muôn điệu nhạc
Rất trọng vọng rất thơm tho man mác
Rất phương phi trên hết cả anh hoa
Xuân ra đời...
Điểm ngọc ấm như ngà...*

Mùa xuân mới đến với anh thành linh, cũng làm cho anh hoảng sợ:

*Xuân thế gian chưa có tại trong lòng
Muôn ý tứ say chìm nơi bất giác
Hương cảm dỗ mê người trong khoái lạc*

Và anh hân hoan tận hưởng nguồn thơm từ bốn mùa xuân anh chưa hề được hưởng. Trong bài Nguồn Thơm, anh viết:

*Trí đương no và khí xuân đương khoẻ
Nhạc đương say và rượu vẫn còn thơm
Nên muôn cánh thuỷ tiên chưa dám hé
Trong phút giây trang trọng của linh hồn...*

*... Tứ thời xuân, tứ thời xuân non nước
Phút thiêng liêng nhuần gội ánh thiền quang
Thiên hạ bình và trời tuôn ơn phước
Như triều thiên vờn lượn khắp không gian...*

*... Ta cao ngâm giọng vô cùng thanh thoát
Khiến châu thân rung động thể tơ trắng
Toan ngắt đi trong cơn mê khoái lạc
Mẹ dấu yêu liền vội đến tay nàng...*

Anh đang đứng trước ngưỡng cửa một cuộc đời mới, có một mùa xuân gấm vóc như ước mơ mà từ bốn năm Thương Khó, anh mới được Thiên Chúa hé mở cho trông thấy. Anh vừa nghi ngờ vừa tin tưởng cái ngày mai đó. Anh viết:

*Mai này thiên địa mới tỉnh khô
Gió căng hơi và nhạc lên trời
Chim khuyển hót tiếng đầu tiên hết
Hoa lá hồ nghi sự ra đời*

*Trái cây bằng ngọc vỏ bằng gấm
Còn mặt trời kia tơ khối vàng
Có người trai mới im như nguyệt
Gió căng hơi và nhạc lên ngàn
Người thơ phong vận như thơ ấy
Nào đã ra đời ngọc biết tên.
(Xuân Đầu tiên)*

Vì vậy đêm nay, dưới bầu trời bình yên như nguyệt bạch, anh sửa soạn một tâm hồn thật trong trắng như một người ngoan đạo dọn mình sám hối, tỉnh thức và cầu nguyện trắng đêm để dâng lên muôn kinh thơm tho ca ngợi Thiên Chúa.

*Trời hôm nay bình an như nguyệt bạch
Đường trắng xa, ánh sáng tuyết vời bay*

Đây là hương quý trọng thắm trong mây
Ngời phép lạ của đức tin kiều diễm
Câu tán tụng không khen lòng cả phiếm
Bút Xuân thu mùa nhận đến vừa khi
Khắp mười phương diễm lạ trở hoài nghi
Cây bằng gấm và lòng sông bằng ngọc
Và đầu hôm một vì sao mới mọc
Ở phương Nam mẫu nhiệm biết ngần mô
Vì muôn kính đồn dập cõi thơm tho
Thêm nghĩa lý ánh sáng trong như thất bảo
Ta chấp tay lạy quì hoan hảo
Ngửa trông cao cầu nguyện trắng không gian
Để vừa dâng vừa hiệp bốn mùa xuân
Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế

Đã no nê, đã bura rồi, thế hệ
Của phượng trai mê mẩn khí thanh cao
Phượng hoàng bay trong một tối trắng sao
Mà ánh sáng không còn khiêm nhượng nữa
Đương cầu xin, ọc thơ ra đường sửa
Ta ngắt đi trong khoái lạc hồn đau
Nhịp song đôi này đây cung cầm nguyệt
Ước lời thơ thành phước lộc đường tu
Tôi van lơn thăm nguyện Chúa Giêsu
Ban ơn xuống cho mùa Xuân hôn phối
Xin thứ tha những câu thơ tội lỗi
Của bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng
Trong bao đêm xao xuyến vũng sông Hằng
(Đêm Xuân cầu nguyện)

Mùa Phục Sinh, tôi về Qui Nhơn nghỉ lễ trông thấy anh tuy gầy hơn nhưng đôi mắt linh hoạt khác thường như có vẻ hân hoan, tôi hỏi có gì vui không. Anh đọc hai câu:

Đã no nê đã bura rồi thế hệ
Của phượng trai mê mẩn khí thanh cao

Sau khi đọc bài Đêm Xuân cầu nguyện, tôi hiểu anh xem như đã hoàn tất một mùa Thương Khó 4 năm của anh, Mùa của người công giáo đền tội, để cùng sống lại trong ân nghĩa Chúa. Anh cũng dâng bốn năm hoạn nạn:

Để vừa dâng vừa hiệp bốn mùa xuân
Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế

Bây giờ thì bốn năm hoạn nạn đã đơm bông kết trái, anh chỉ còn chờ được giải thoát thôi.

Giải thoát, hai chữ đó, đối với anh rất mơ hồ. Anh tin mạnh mẽ sẽ được giải thoát nhưng bằng cách nào đây, anh không hiểu. Ước mơ lạ lùng đó đã thành một thói quen, hơn nữa, một cố tật.

Anh lại mò mẫm, lại tìm kiếm, lại xuất thần trong những cơn mê mà anh từng lý luận:

“Hễ hơi khói càng cao, hơi trắng càng trong thì hơi thở của tôi càng thơm. Hơi thở ấy góp cùng muôn hơi đầm thắm sẽ châu lưu khắp bầu thế giới và chung quanh tôi, dầu gần gũi hay bao la đều nhận một màu sắc phiêu diêu. Tôi rất ngợp. Tôi hứng lấy và nhận lấy ở trong hồn

muôn ý tứ và muôn thanh sắc của trời mộng xa xưa...

Tôi đi từ thực tới ảo ảnh, từ ảo ảnh đi tới huyền diệu, và từ huyền diệu đi tới chiêm bao. Mông lung đã trùm lên sự vật và cõi thực, bị ánh sáng của chiêm bao vây riết.

Mộng tàn rồi, nghĩa là mộng biến đi. Những điều tôi vừa thấy toàn là huyền hoặc cả sao? Có lẽ nào?"

Đại để những điều anh giải thích về những việc lạ lùng trong thơ anh đã gặp giữa hai cõi Mộng và Thực mà anh nói phải mất bao nhiêu trang giấy mực để nói ra và chưa chắc người đời đã hiểu.

Đúng là chẳng hiểu được gì để biết thơ anh với những giải thích sơ sài chừng ấy.

Anh viết trong bài Siêu Thoát:

*Hồn vốn ưa phiêu lưu trong gió nhẹ
Bay giang hồ không sót một phương nào
Càng lên cao giây đồng vọng càng cao
Hồn hỡi hồn lên nữa quá thình gian...*

Anh bị cám dỗ lên cao hơn khỏi vùng trời Xuân như ý mà anh vừa đi qua để vào một vùng khác, vùng Thượng thanh khí. Chữ Thượng thanh khí anh dùng đây, để chỉ một vùng trời ngoài bầu khí quyển, cao hơn, trong thanh hơn, tinh sạch hơn. Nơi đây, có lẽ anh thường trông thấy một màu xanh anh đã kể lại trong nhiều bài thơ:

Một chiều xanh, một chiều xanh lờn lợt
Sóng bao la vây lút cả không gian...

Ở một chỗ khác anh viết:

Đã trong rồi và thanh tao đến tới
Bao nhiêu tư chuyển được tiếng thơ bay
Êm êm hơn đừng cho xanh lờn lợt
(Vàng trắng)

Trong bài Tình Hoa anh viết:

Mình gom hết thành bại và thâm thức
Mình giải quyết tiêu tao và nô nức
Tứ rung rung cho quá trí dật dờ
Rồi bay từ diệu vợi đến xanh mơ
Từ bên ngọc đời sang châu Dủ Lý
Từ Minh Triết lần lần theo ý chí...

Hình như anh có khả năng kỳ dị lại vùn vụt trong bầu khí quyển xanh xanh đỏ, màu xanh mà ngày nay các phi hành gia vũ trụ đã trông thấy khi vượt khỏi tốc độ âm thanh. Hàn cũng đã cho thấy anh đi trong cõi bao la miền trượng cho đến tột cùng vĩnh cửu như chính anh là một hành tinh vậy. Hoặc là có được khả năng như chiếc máy ảnh tinh vi hiện đại, rượt theo tốc độ ánh sáng để qua lại những hình ảnh đã qua đi từ nhiều thế kỷ trước.

Anh viết trong bài Đừng cho lòng bay xa:

Thượng thanh khí, tiết ra nguồn tinh khí

*Xa xôi đời trắng mọc nước huyền vi
Đầy miền trường, đầy vĩnh cửu đề phi
Cao cao vượt với hai hàng bóng vía
Trời nhật nguyệt cầu vòng bắt tứ phía
Ôi! Hoàng Hoa, hồn phách đến nơi đây.
Hương ân tình cho kết lại thành dây
Mong manh như lời nhớ thương hàng triệu
Đàn cung bậc gió đồn lên âm điệu
Sững lòng chưa say chấp cả thành bại
Sang chơi thôi, sang chơi thôi, mà ai?
Thu đây rồi bước lên cầu ô thước
Sao? Vàng sao, rơi đầy trên sông nước
Đừng nửa tay mà hứng máu trời sa*

*Thôi! kéo về đừng cho lòng bay xa.
Thu vườn này, thu vườn ra như ý
Mau rất mau trong muôn hoa kiều mị
Mùa rất trai mà ánh sáng rất cao
Đừng nói buồn, mà không khí nao nao
Để chơi vui này bông trắng là gió
Để phiêu phiêu này tờ thơ vàng vọ
Để dầm dề hạt lệ ta đôi ta
Tầng thương tầng, lâu đài ngọc đơm ra
Khối nhạt nhạt xen vô màu xanh biếc
Tiếng huyền dịch gò theo tia yển nguyệt
Đẩy đưa dài, hơi ngào ngạt trầm mơ
Thình không tan như bào ảnh hư vô
Giải ngân hà biến theo cầu Ô thước
Và ước ao và nhớ nhung lần lượt
Đắm im lìm trong mừng tượng buồn thiu*

Vì vậy, đọc tập Thương thanh khí, tôi chỉ hiểu lơ mơ anh đang say sưa với một thế giới không tưởng. Có thể là anh đã bị ảnh hưởng nặng của nhà văn giả tưởng Pháp Jules Verne, tác giả những tập sách Từ địa cầu đến mặt trăng hay Hai mươi ngàn dặm dưới đáy biển.

Nếu quả anh đang ở trong tình trạng mất trọng lượng của con tim hay trí óc thì chắc là anh dám nói tiên tri như Jules Verne về tương lai của vũ trụ ngày nay.

Chính trong giai đoạn này, người bạn thân của anh, giới thiệu cho anh Nàng tiên nhỏ Thương Thương, để kéo lui anh về thực tại của trần thế. Quả thật anh đang mơ vào một cảnh Bồng Lai, và Thương Thương lại có cơ hội được đặt vào khung cảnh tuyệt đẹp đó. Anh bắt đầu tả những cảnh anh đang lạc lõng ở Bồng Lai mà tiếng tiêu sầu rất khêu gợi, hòa với tiếng suối reo lên như tiếng lòng anh.

*... Ô! Tiếng tiêu đâu bay ra man mác
Khiến nao nao nguồn thanh tịnh quan mình
... Ta là khúc phương cầu hoàng năm trước
Đem ân tình trải khắp cõi trần duyên*

Chàng:

*Phải quê nàng ở Đào Nguyên
Bởi chưng sắc đẹp lại thêm đa tình
Xuống đây tìm nợ bá sinh*

Không hay trời khiến ta mình gặp nhau.

Nàng:

*Em là Trần Thương Thương
Ngủ ở bến Tầm Dương
Đi tìm chàng thi sĩ
Trong pho sách kim cương*

(Tập kịch Duyên Kỳ ngộ này thuộc tập thơ Cẩm Châu Duyên đã từng được phổ biến nhiều. Ở đây, tôi chỉ xin ghi lại những nét riêng tư của Hàn)

Mối tình duyên kỳ ngộ tuyệt đẹp này đáng lẽ còn đưa anh đi xa hơn trong cõi mộng Bồng Lai mơ ước với hoa lá suối chim rất thần tiên trong đó, và anh còn đang viết thêm một cảnh Quần tiên nội nữa. Nhưng, vì một lẽ riêng nào đó anh đành phải dẹp bỏ.

Anh viết:

*Gặp em đây, khác gì trong giấc mộng
Biết làm sao cho thỏa hết tình thương
Tiếng lòng anh vẫn luôn luôn đồng vọng
Luôn luôn reo kêu gọi đến tình nương*

Nàng:

*Tình quân hỡi, muôn năm em chỉ muốn
Sống bên anh cho thắm đượm tình yêu*

Chàng:

*Than ôi! Hỡi lời biệt ly chan chứa
Tưởng cùng em vui hưởng thú tiêu dao
Anh sắp đi rồi hai hàng lệ ứa
Cả đau thương đồn dập xót tâm bào*

Duyên Kỳ ngộ và Quần tiên hội là những hình ảnh cuối cùng càng được nói đến trong cuộc đời thơ của anh cho đến khi anh vào Quy Hòa.

Những gì còn ghi đậm trong mối tình đó là bài thơ dễ thương nhất: Nỗi buồn vô duyên.

Có hai câu làm tôi cảm động:

*Đừng ai nói dễ thương cho
Lỡ ra lạnh nhạt đền bù sao cam.*

Nghe như có tiếng ai dỗ ngọt: Thôi mà nín đi! Tôi thương mà! Đừng khóc nữa. Nghe sao tội nghiệp quá!

Vì vậy mà tiếng tiêu sầu còn đuổi theo cảm dỗ:

*Nghê thường lên, nàng Hằng ra
... Âm thanh lên cao nhạc lừng ran
Tôi lại gần bên. Ô! Lạ thường
Nường trăng Ô! Chính là Thương Thương*

*Hoảng hốt tôi ôm chầm lấy Nường
Thương ôi Nường đã biến ra sương*

Từ đó không còn ai nghe được thơ anh nữa nhưng khi anh vào Quy Hòa, anh lại viết, đoạn thơ bỏ dở: Quần tiên hội (Lâu nay tôi vẫn tin thế) mà anh chưa hoàn tất.

Bây giờ là những Nàng tiên tu hội Phan-xi-cô. Những Nàng tiên đang săn sóc anh, đang an ủi anh. Những Nàng tiên này đã để lại trong con tim anh, trong đầu óc anh những hình ảnh tuyệt vời mà thường mang theo trong giấc ngủ vĩnh viễn trên chiếc giường bệnh cô đơn lạnh lẽo không ai hay biết.

Phải gọi là bài thơ “tiếp điều” Quần tiên hội, anh viết bằng tiếng Pháp:

La Pureté de l'âme

Anges du ciel, anges de Dieu, anges de paix et de gaieté, apportez-moi une couronne.

Je veux (me) baigner dans l'Océan de lumière et d'amour divin.

Car ici-bas s'accomplissent des miracles qui tiennent les hommes muets d'admiration en contemplant l'oeuvre mystique du Très-Haut.

Anges du ciel, anges de Dieu, anges de paix et de gaieté, voyez-vous cette lueur diaphane qui se précise, cette blancheur de neige, cette forme immaculée, cette âme apparue au monde?... Je crois dès le premier abord que c'est l'esprit des saints, la poésie, la quintessence de la prière, qui au lieu s'exhaler en parfum et en éther, prend la modeste résolution de se faire créature!

Anges du ciel, anges de Dieu, anges de paix et de gaieté, applaudissez: car ce sont Mères les Soeurs de Saint François d'Assise qui descendent au monde pour calmer les douleurs et les peines des faibles mortels, des malades et des lépreux tels que nous sommes.

Je veux chanter des louanges, me désaltérer de leurs douces paroles quand elles chantent: Hosanna! Hosanna!

Je veux toujours admirer cette blancheur immaculée, cette fraîcheur cette lumière, cette poésie, car tout cela est l'emblème de la.

PURETÉ DE L'ÂME!

Anges du ciel, anges de Dieu, anges de paix et de gaieté, lancez-vous des roses et des nénuphars, des chants mélodieux et des notes embaumées et versez avec effusion les vertus, le courage et le bonheur parmi les servantes de Dieu.

FRANÇOIS TRÍ

Dée gratias

Nuit de Mercredi

24 Octobre 1940

Dịch: (theo ông Trần Thanh Mai)

Hỡi các vị thiên thần của trời, thiên thần của Chúa, thiên thần Hòa bình và hoan lạc, xin hãy mang lại cho tôi một vòng hoa.

Tôi muốn tắm trong bể ánh sáng và lòng yêu kính thiêng liêng.

Bởi vì dưới cõi trần gian, đã thành tựu nhiều phép lạ nó làm cho người ta phải ghen ngạo vì khâm phục khi ngưỡng vọng cái sự nghiệp thần bí của đấng tối cao.

Hỡi các vị thiên thần của trời, thiên thần của Chúa, thiên thần Hòa bình và hoan lạc, các người có thấy cái ánh sáng trong mờ càng ngày càng rõ rệt, cái màu sắc trắng tuyết kia, cái hình hài không vết bợn kia, cái linh hồn hiện lên nơi cõi thế kia, ngay khi mới thấy, tôi đã chắc

đó là cái hồn phách của các vị thánh, các thi tứ, cái tinh hoa của sự cầu nguyện đáng lẽ thì bốc lên hương thơm và tinh khí, nhưng đây chỉ khiêm tốn quyết định hóa ra Người.

Hỡi các vị thiên thần của trời, thiên thần của Chúa, thiên thần Hòa bình và hoan lạc, xin hãy vỗ tay lên: Bởi vì đó là các Mẹ và các Chị dòng Saint Francois d'Assise, xuống cõi trần gian để an ủi những đau khổ, lo âu của loài người yếu đuối, của các bệnh nhân tàn tật, của những người phong hủi là chúng tôi đây.

Tôi muốn ca lên những bài khen ngợi, hứng uống cho thật đã những lời êm dịu của các bà, khi các bà đồng hát bài Thánh Ca: Hosanna! Hosanna! (Xin cứu với, xin cứu với!)

Tôi muốn bao giờ cũng thán thưởng cái hình thể trắng tinh không vết ẩy sức tươi mát, nguồn ánh sáng, bầu thơ ấy, vì tất cả đó là biểu tượng của

TẤM LINH HỒN THANH KHIẾT

Hỡi các vị thiên thần của trời, thiên thần của Chúa, thiên thần Hòa bình và hoan lạc, xin hãy ném cho nhau những đóa hoa hồng, hoa súng, những điệu hát réo rắt và những hơi nhạc thơm tho, và xin hãy rưới trức cho tràn trề nào là đức hạnh, can đảm và hạnh phúc cho những vì nữ tỳ của Đức Chúa.

Đêm thứ 24 tháng mười 1940
FRANCOIS TRÍ
Cảm tạ Thượng Đế

PHẦN V

PHỤ THÊM

(Về cái chết của Hàn, an táng và cải táng)

Hàn Mặc Tử đã qua đời vào lúc 11 giờ trưa ngày 11 tháng 11 năm 1940 và an táng tại nghĩa trang người cùi trong Quy Hòa (theo tài liệu ghi lại trong sách Hàn Mặc Tử của ông Trần Thanh Mai, in lần thứ tư).

Những việc này đã xảy ra trong thời gian tôi vắng nhà, nên không biết gì về chuyện ông Mai kể lại. Có thể có một vài điểm không được xác thực, nhưng tôi không thể nào góp ý được.

Người Pháp hay nói: Les absent ont toujours tort (những kẻ vắng mặt luôn là sai quấy).

Ở trong phần phụ thêm này, tôi chỉ xin nói lại, những gì gia đình kể lại; và những gì tôi đã

đích thân thực hiện, để giúp những nhà nghiên cứu về Hàn có thêm dữ kiện phê phán.

Tôi trở về Quy Nhơn sau khi Hàn qua đời, chỉ ở lại nhà một ngày rồi phải đi ngay ra Đông Hà cho kịp chuyển công vơ đi Lào. Cho nên chỉ nghe kể lại:

Những ngày trước khi chết, anh Trí khi tỉnh khi mê nhưng tỉnh lại cũng bình thường, không có dấu gì tỏ ra anh sắp chết (điều này vẫn xảy ra cả những khi chưa vào Quy Hoà).

Sáng ngày 11/11/1940, chú Hành mang cháo vào cho anh (khoảng 8, 9 giờ) thì anh đã mất rồi. Hành vội vã chạy về báo tin (cách nhà 5 cây số)

Khi Hành đưa Mẹ tôi vào thì mọi việc tắm liệm đã xong cả. Cố Romain đưa xác và làm phép huyết, bên cạnh một cây phi lao trên bờ biển cách mực nước độ 4, 5 chục thước ở phía ngoài nghĩa địa của người cùi (đã kể lại địa điểm này trong Tập Hồi ký Hàn Mặc Tử anh tôi)

Đầu năm 1942, ở Lào về, tôi đến sở Công chánh xin nghỉ phép gia hạn. Kỹ sư Davy bảo tôi chờ Chánh kỹ sư Rogers Planté đang nghỉ phép trở về sẽ quyết định. Tạm thời ông giao tôi phụ trách việc nhà đất và công thợ Thị xã.

Nhân viên cơ xưởng đúc một cây Thánh giá bằng bê tông cốt thép có khắc chữ Francois Nguyễn Trọng Trí, rồi cùng nhau mang vào đặt lên mộ. Tôi cho anh Lộ Phu trưởng người Pháp lại là Jacques có người em gái cũng bị bệnh cùi, vào phụ trách công tác tại Quy Hòa để vừa giúp đỡ em vừa trông nom mộ Hàn.

Sau 10 năm kháng chiến, trở vào Quy Hòa, cây Thánh giá vẫn còn nằm trên mộ. Đầu năm sau 1959, tôi vào cải táng Hàn ra Gành Ráng, cây Thánh giá vẫn còn trên mộ, có lẽ vì nặng nên không bị trôi đi. Tôi mang về đặt trên mộ mới ở Gành Ráng đến nay vẫn còn.

Sau cải táng một thời gian, có dự luận rêu rao mộ Hàn không có hài cốt Hàn vì bốc nhầm. Lại có người yêu cầu dời đi nơi khác. Chánh quyền thời đó không xét. Đến năm 1963, khi nền Đệ nhất Cộng hòa sụp đổ, một nhóm người thừa cơ hội hỗn loạn, đập phá mộ Hàn, tượng Đức Mẹ dựng trên đầu mộ bị vỡ bàn tay.

Trong tập sách Đôi nét về Hàn Mặc Tử, có một đoạn nói về mộ Hàn ở Gành Ráng là mộ giả, dựa theo lời một linh mục kể lại, đó là linh mục Biên. Điều này quan trọng vì cha Biên đã có lần làm cha xứ Quy Hòa. Vì vậy tôi cần phải minh xác một lần nữa.

Theo tài liệu của Tòa Giám mục địa phận Quy Nhơn, thì linh mục họ đạo Quy Hòa kiêm linh hướng Bệnh viện là cố Romain phải rời Quy Hòa vào Nha Trang theo lệnh quân đội Nhật Bản. L.M Nguyễn Đức Tín, giáo sư Đại Chung Viện ở Gành Ráng tạm thời thay thế cho đến khi đắc cử Đại biểu quốc hội thì Bề trên Địa phận là cha Đặng Quyền Huy đưa L.M Huỳnh Biên vào chính thức quản lý xứ Quy Hòa giữa năm 1945, nghĩa là sau khi Hàn Mặc Tử qua đời được bốn năm (1940)

Sau 10 năm (1945-1955) cha Huỳnh Biên trở về nhà Dưỡng Lão, 1955 nghĩa là trước khi cải táng Hàn (1959) năm năm.

Xét theo công vụ thi hành các phép Bí tích như thể lệ của giáo xứ Quy Hòa, thì cha Huỳnh Biên chưa hề dự lễ an táng cũng như cải táng cho Hàn.

Vì vậy, tôi tin chắc là cha Biên không hề biết được mộ Hàn Mặc Tử chôn ở đâu như nhiều người tưởng là mộ Hàn nằm trong nghĩa địa người cùi.

Viết lại câu chuyện mộ Hàn này lần nữa để xin chấm dứt mọi tranh luận vô ích là bận rộn

lương tâm những nhà cầm bút chân chính.

*

PHẦN VI

ĐIỀU CHỈNH LẠI Ý NGHĨA

Viết trong tập Hồi ký Hàn Mặc Tử, anh tôi, xuất bản tháng 03/91, tôi có đi ngang qua vài nét về việc mất di cảo của Hàn. Việc này có liên quan đến ít nhiều với ông Quách Tấn, khi ông tuyên bố làm mất hết trong lúc chạy loạn. Vì vậy ba tháng sau đó khi tập hồi ký được phát hành, ông Tấn và con trai Quách Giao, lên tiếng giải thích việc mất thơ trong tạp chí Bách Khoa văn học số 6 tháng 6, đồng thời đưa ra nhiều chứng liệu biện minh cho sự cố.

Vì vậy, trước tình hình dư luận bàn tán sôi nổi, tôi vẫn lặng thinh không có thái độ tranh luận. Tôi tự biết vai vế của tôi chẳng có gì đáng kể trong khi bạn bè bà con, ông Tấn, đồng đạo đang nhận diện tôi qua nhiều lăng kính méo mó để trở thành quái dị.

Tuy nhiên, dư luận và báo chí trong nước lại có dịp để khai thác sôi nổi hơn. Ông Quách Tấn, ông Trần Thanh Địch và tôi đều được hỏi ý kiến.

Tôi vốn tôn trọng sự thật, nên bị bắt buộc nói hết sự thật, những gì tôi đã biết, mà toàn là những chuyện không có gì vui vẻ cho ông Tấn và cho cả tôi nữa, đối với linh hồn Mẹ tôi.

Hôm nay viết lại tập “Hàn Mặc Tử trong riêng tư” này, tôi lại có ít nhiều mặc cảm khi bạn bè biết chuyện, cho rằng tôi còn cố chấp với ông Tấn chỉ vì ông lại xâm phạm những riêng tư của Hàn trong tập Đôi nét về Hàn Mặc Tử được phổ biến từ 30 năm nay, mà tôi có bốn phần dính chính.

Tôi nghĩ ông Tấn đã qua đời, trang sử đời tư của ông tôi đã đóng lại, nhưng trang sử văn học của ông cần phải chỉnh đốn lại cho đẹp bộ mặt lịch sử văn học đất nước mà ông đã đóng góp một phần không nhỏ.

Đó là bốn phần chung của tất cả mọi người yêu mến văn học đất nước.

Trong lời nói đầu tập sách, tôi đã nhắc lại, Hàn Mặc Tử rất trung thực, luôn luôn phản ánh những cảm nghĩ, những gì con tim anh tiết lộ không che dấu điểm mục đích anh muốn nói gì, ngay ở đề tài bài thơ.

Trong phạm vi gói ghém bài này, tôi chỉ xin nói đến hai bài thơ quan trọng và có giá trị hơn hết của anh. Đó là Ave Maria và Ở đây thôn Vỹ Dạ, một bài thơ có giá trị tôn giáo, một bài có giá trị văn học.

1. BÀI AVE MARIA

Bài thơ này Hàn lấy ý trong kinh Kính mừng, một bài kinh mà suốt mấy năm trường, ngày đêm anh đọc không biết bao nhiêu lần, khi lần tràng hạt Mân Côi. Cho nên ý nghĩa bài kinh anh đã thuộc nhập tâm, không có thể định nghĩa trái đi được. Anh nói đây là kinh Kính mừng của riêng anh.

Ave Maria là lời chào mừng Bà Maria, khi sứ thần Gabriel đến báo tin Bà được Thiên Chúa cho làm mẹ Ngôi Hai ra đời.

Ave là tiếng latin cũng như tiếng Việt là Chào Mừng. Hàn Mặc Tử mở đầu bằng câu chúc tụng theo cung cách Á Đông:

Như song lộc triều nguyên ơn phước cả

Chữ Lộc ở đây có nghĩa là tài lộc ân sủng, nói chung là phước lộc. Song Lộc định nghĩa theo sách Đẩu số Trung Hoa, là Thiên Lộc và Hóa Lộc (Lộc trời đất) hiểu theo ân sủng của trời đất.

Chữ Triều là hướng về, châu về

Chữ Nguyên là nguyên thể, bản thể

Câu chúc tụng này, Hàn muốn nói Ân phước Trời và Đất đổ xuống cho Bà. Câu mở đầu này rất sát nghĩa: Kính mừng Bà đầy ơn phước đã chứng minh:

Kính mừng Maria đầy ơn phước.

Bài thơ này xuất xứ từ kinh Kính mừng, không thể cắt nghĩa theo ông Tấn là do Hàn nằm mộng thấy Bà Lê Sơn Thánh Mẫu mà cảm hứng viết ra bài này. Vì vậy ông bỏ bớt chữ Ave để hiểu rộng qua Bà Lê Sơn Thánh Mẫu. Mất chữ Ave bài thơ không còn là kinh Kính mừng nữa.

Một nhà văn hiện đại cũng đã hiểu lầm theo ông Quách Tấn, khi ông dịch câu Song Lộc triều nguyên ra tiếng Pháp (sách L'expérience de l'itindraire spirituel de Hàn Mặc Tử) mượn ý trong mẫu câu thánh Vịnh (Psaumé) 42, 43

Comme languit une biche
Après leau vive
Ainsi languit mon âme
Ver Toi mon Dieu

(Đại ý con nai khao khát dòng nước trong)

Song lộc nghĩa đen là hai con nai.

Một đoạn thơ khác, đoạn thơ mà ông Tấn dựa vào để giải thích sự can thiệp của bà Lê Sơn Thánh Mẫu trong giấc mộng của Hàn.

Maria! Linh hồn tôi ớn lạnh
Run như run, thần tử thấy long nhan
Run như run hơi thở chạm tơ vàng.
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn trù mẫn

Đây là đoạn thơ quan trọng nhất, nói rõ hơn tai nạn được xem là phép lạ cứu sống Hàn khi anh bị chìm ngoài biển.

Cũng chính trong đoạn văn này, ông Tấn rút ra một câu chuyện Hàn kể lại đã mộng thấy bà Lê Sơn Thánh Mẫu lấy cành dương rảy lên mình anh nước Cam Lồ, khiến anh phát lạnh run chỗi dậy làm bài thơ này tạ ơn Thánh Mẫu.

Đoạn văn này đã giúp ông Tấn lý luận vì tinh thần đoàn kết tôn giáo nên bỏ đi chữ Ave, đầu đề bài thơ thay thế vào đó Thánh nữ đồng trinh Maria (trong dịp ông và Trọng Miên cùng hợp tác biên tập các bài thơ của Hàn để cho xuất bản tập thơ Hàn Mặc Tử vào năm 1944).

Tôi tưởng nên nhận xét lại từng câu trong đoạn văn đó để xem Hàn muốn nói gì khi viết câu:

Maria! Linh hồn tôi ớn lạnh
Run như run, thần tử thấy long nhan

Hai câu trên đây Hàn nhắc lại phép lạ đã cứu sống anh ở bờ biển năm xưa. Một thứ ánh sáng chói lọi làm cho anh ớn lạnh mà ngất đi.

Câu thứ hai được các nhà văn công giáo định nghĩa là mọi người đều xem Chúa như Vua, cho nên run sợ khi đứng trước mặt Vua. Anh Bùi Tuân cũng cho là Hàn muốn nói đến quyền uy sáng chói của Thiên Chúa, không liên quan đến Đức Mẹ. Ý kiến này, theo cố Labisusse cha sở Qui Nhơn, khi tôi trình bày câu chuyện bờ biển. Cố nói: Đừng nói bậy có tội, Đức Mẹ nào làm phép lạ được.

Việc này không ai rõ hơn Hàn. Nhưng anh sợ tội, không dám tuyên xưng vinh quang Đức Mẹ, nhưng chính anh dù là trong mơ màng, anh vẫn tin đã được tiếp xúc với Đức Mẹ. Chúng tôi cùng suy nghĩ với nhau về thứ ánh sáng lạ lùng đã làm mờ mắt anh Trí có thể cũng giống như Kinh thánh kể chuyện ông Môise lên núi Tabor nghe lời Chúa phán, phải che mặt không dám nhìn thứ ánh sáng đó. Kinh thánh nói: Chúa truyền thông với loài người bằng lời nói (le verbe) bằng ánh sáng cho đến khi Ngôi Hai ra đời (le verbe fait clair) ở giữa loài người.

Bởi vậy, cho nên, Hàn cũng chấp nhận nếu quả thực có phép lạ, thì là Chúa làm, nhưng anh vẫn bút rứt chưa nói được sự thật là có Đức Mẹ trong đó.

Mặc dầu rất sợ tội, anh vẫn hé mở tiết lộ để nói lên vinh quang Đức Mẹ, và cũng làm chứng có sự hiện diện Đức Mẹ hôm đó. Sự thật này nằm trong câu:

Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn trù mẫn

Hai chữ “trù mẫn” hình dung được cử chỉ ôm ấp vào lòng. Chỉ có tình thương giữa Mẹ con mới có sự trù mẫn đó. Và đó là chứng minh sự có mặt Đức Mẹ.

Như trong ảnh tượng Đức Mẹ hằng cứu giúp mà anh suy niệm những ngày còn ở Huế đi hành hương chiều thứ bảy, như câu kinh:

Chúa Giê su run sợ khi thấy thánh giá khổ hình sẽ phải chịu, thì chạy đến ẩn nường trong cánh tay Mẹ, Chúa Giê su đó là những linh hồn lâm nguy gian nan...

Quả là sự an ủi lớn lao cho anh khi anh đã hoàn toàn thất vọng với chứng bệnh nan y, chỉ còn trông cậy Mẹ.

Ý nghĩa này anh còn lập lại trong bài thơ Nguồn thơm:

Toan ngắt đi trong cơn khoái lạc
Mẹ dấu yêu liền vội đến tay nâng.

Trong đoạn thơ thứ ba, Hàn còn nhắc lại phép lạ với câu cảm tạ về phép lạ ngoài bờ biển:

Lạy Bà là Đấng tinh tuyền thánh vẹn
Giàu nhân đức, giàu muôn học từ bi
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
Cơn lâm luy vừa trải qua dưới thế.
Tôi cảm động rung rung hai hàng lệ

Kính Kính mừng còn nhắc lại nhiều lần gián tiếp qua Sứ thần Gabriel qua tràng hạt chuỗi Mân Côi

Hỡi sứ thần Thiên Chúa Gabriel
Khi người xuống truyền tin cho Thánh nữ...
...Người có nghe thơ màu nhiệm ra đời.
Để ca tụng bằng hoa hương sáng láng
Bằng tràng hạt, bằng sao mai chiếu rạng...

...Đây rồi, đây rồi, chuỗi ngọc vàng kính...
Tấu lạy Bà, lạy Bà đầy ơn phước
Cho tình tôi nguyện vẹn tơ trắng rằm
Thơ trong trắng như một khối băng tâm

Để kết luận, chúng ta có đầy đủ lý luận để tin bài thơ Thánh nữ Đồng trinh Maria là kinh Kính mừng bằng thơ của Hàn Mặc Tử.

Điều tôi lấy làm lạ, bài Thánh nữ Đồng trinh Maria này được mọi người Công giáo hiểu ngầm là kinh ca tụng Đức Mẹ, cũng có người liên tưởng đến kinh Kính mừng trong một vài câu trùng hợp, hoặc ý nghĩa gần gũi. Thế nhưng không ai lên tiếng xét lại cho đúng bài với cái tên Ave Maria.

Từ 50 năm nay, các nhà văn công giáo khi nói đến bài này, cũng đều hiểu ngầm là kinh Kính mừng, và sự mẫn ngang đó.

Nhiều luận án văn chương có đề cập mấy chữ Ave Maria, nhưng không có ai chính thức thừa nhận là kinh Ave Maria, kinh Kính mừng riêng của Hàn viết bằng thơ.

*

Đã có một dạo, người công giáo bày tỏ lòng trông cậy chạy đến kêu xin Đức Mẹ rầm rộ sôi nổi thậm chí một linh mục nào đó phải thốt lên: Chúa ời! Người ta đã quên Chúa, chỉ biết có Mẹ thôi.

Một cha xứ khác than thở: Trong nhà thờ, trong nhà Tạm có Chúa ngự mà ít người đến cầu xin bằng ngoài Hang đá Đức Mẹ.

Bây giờ Đức Mẹ có chỗ đứng rất cao trên khắp thế giới, nào là Lộ Đức, Fatima, La Vang, Đức Mẹ ở nơi này Đức Mẹ ở nơi kia nhưng vẫn chưa chính thức trong bài Ave Maria của Hàn Mặc Tử.

Một người bạn ở hải ngoại, đọc cuốn sách Hàn Mặc Tử-anh tôi, gửi thơ về hỏi: Bao giờ thì đưa Ave Maria về trong tập thơ Hàn Mặc Tử xuất bản từ năm 1934 (nhà xuất bản Đông phương và Tân Việt).

2. ĐÂY THÔN VĨ DẠ

Một bài thơ được nổi tiếng rất hay, được nhiều người yêu mến, được chọn làm tên một tập thơ có giá trị cao của nhiều nhà văn tên tuổi trong nước.

Hiện tại bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ được Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa vào chương trình văn học cấp ba.

Vì vậy tôi tưởng xin góp ý để phân tích một vài điểm, mà thời đó có ít nhiều tranh luận.

Có lẽ đây là bài thơ sắc sảo, tế nhị nhất mà Hàn Mặc Tử, trong một ngày nào đó, trí óc rất minh mẫn, con tim lấy lại được nhịp độ tình yêu một thời thương nhớ cao nhất của Hàn, mà chỉ còn cách cái chết không bao xa.

Nguyên thủy bài thơ là: Ở đây thôn Vĩ Dạ

Chữ Ở trong đầu đề đã tạo được nhiều nhận xét tranh luận, sau đó không lâu, khi Hàn qua đời. Có nhiều người nặng ọc giáo khoa chê chữ Ở trong đầu đề hơi quê, không nhẹ nhàng văn vẻ. Vì vậy tự động bỏ chữ Ở cho đầu đề ngắn gọn: Đây thôn Vĩ Dạ nghe văn nghệ hơn.

Tôi nghĩ Hàn có lối viết mộc mạc đơn sơ như tánh tình bình dị của anh, không phải chải chuốt, đôi khi hơi quê kệch gồ ghề như trong câu:

Họ đã xa rồi không níu lại
Tình thương chưa đã mẫn chưa bura

Chữ “đã” chữ “bura” nghe sao thô kệch, còn táo bạo nữa, vậy mà lại hay vì lột được bản chất vừa thô vừa quê của Anh.

Ở đoạn cuối bài thơ, Hàn còn nhắc lại một lần nữa như để nhấn mạnh ý nghĩa không gian của bài thơ

Ở đây sương khói mờ nhân ảnh

Bạn bè có tranh cãi đôi chút chung quanh: Ở đây là ở đâu? Ở Huế hay Qui Nhơn (xóa động Gành Ráng nơi Hàn đang viết bài thơ?)

Có thể là ở Qui Nhơn như Hàn nói. Nhưng sương khói mờ nhân ảnh phải đặt vào đâu để so sánh. Ai là nhân ảnh?

Hàn có lối diễn tả một vài chữ để bóng gió cất nghĩa văn.

Sương khói ở đây tôi nghĩ Hàn liên tưởng khói trầm hương.

Nhân ảnh có thể là con người thể tục của anh trong tương quan với con người tu hành là chị Cúc.

Vì vậy “ở đây” có thể hiểu là “ở đó”, thi sĩ đã thu gần quăng cách không gian lại khi mơ màng nhìn say đắm bóng người trong ảnh.

Chính bức ảnh 6x9 này đã giúp Hàn sáng tác bài thơ tuyệt vời Đây thôn Vĩ Dạ. Hình bóng chị Cúc xuất hiện trong phiên ảnh nhỏ này đã làm sống lại mối tình đầu, thương nhớ lại trở về. Anh viết:

Sao Anh không về chơi thôn Vĩ

Anh bỏ vận trắc, thành câu hỏi như bất chợt, làm người đọc nghĩ đến một sự đợi chờ quá lâu, có đôi phần thương nhớ pha chút trách yêu. Câu mở đầu đã diễn tả được lòng anh và có lẽ cả chị Cúc nữa.

Nhưng câu thứ hai thì tạo một ý niệm có thể làm cho chị Cúc, cô gái nhiều mặc cảm và kiêu sa, đã phải băn khoăn từ nhiều năm.

Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên

Câu này có vẻ hững hờ như một nét chấm phá trong bức tranh Vĩ Dạ, tuy rất đẹp cho khung cảnh, nhưng lại lạc lõng bơ vơ không ăn khớp được với phong độ và tình cảm của người được tặng thơ.

Năm 1985, tôi có về Huế ghé thăm chị Cúc, cũng nhắc lại bài thơ “Thôn Vĩ” chị Cúc chợt hỏi: Cậu có tìm được một cây cau nào trong vườn tôi không? Sao anh Trí lại nói đến “hàng cau”?

Tôi hiểu ngay: Thì ra câu này làm chị Cúc hiểu lầm. Tôi nghĩ khi viết câu này, anh Trí không có một khái niệm rõ ràng về cây cau, giá trị của nó về lợi tức, thẩm mỹ hay tượng trưng tình cảm, mà chỉ là một nét chấm phá về cấu trúc thẩm mỹ cũng như bức tranh “con chim sẻ đậu trên cành trúc” mà Mạc Đĩnh Chi trông thấy bên Tàu khi đi xứ qua đó. Con chim sẻ quá đẹp nên không ai để ý đến vị thế hèn kém của nó trên cành trúc.

Thôn Vĩ Dạ, đã từ lâu, hình như chỉ dành riêng cho thế giới quan tham, quan thị, cô chiêu, câu ấm, thì lại rất không may phải nằm sát nách với Nam Phổ, một thôn bình dân, đơn giản, sống bằng nghề trồng cau, chỉ cau và cau. Cau Nam Phổ rất nổi tiếng, hạt lớn, mỏng vỏ dùng vào kỹ nghệ nhuộm lưới rất được miền Bắc ưa chuộng.

Hàng năm, đến mùa cau, trong gia đình, lớn, bé, trai, gái, đều biết trèo cau, “trảy” cau bán cho kịp mối. Các cô gái Nam Phổ, cũng nổi tiếng trèo cau rất giỏi. Nhiều cậu trai Huế xuống thường chòng ghẹo những “nuòng” má đỏ hây hây vì nắng rằm, đẹp một cách mạnh khỏe nhưng ngổ ngáo chẳng thua gì con trai.

Câu ví : “Con gái Nam Phổ ở lổ trèo cau” làm cho người đẹp Nam Phổ rất giận.

Những ngày còn đi học, thường nghe chuyện các cô gái Nam Phổ hè nhau xúm lại “bóc vỏ” những anh trai nào ló ngó về Nam Phổ buông lời chòng ghẹo. Nhiều anh bị “bóc vỏ” ném vào các bụi dừa gai thì “đời tàn”, nếu không có cứu viện phải đợi đến tối mới mò ra.

Tiếng tăm Nam Phổ, nghe cũng ngán thật.

Có lẽ vì vậy, thôn Vỹ Dạ, phải cẩn thận xét nét, từng câu từng chữ kéo lại bị người đánh giá thấp đi.

Cố nhiên là những cô gái khuê các vùng Vỹ Dạ rất sợ cái tiếng “trèo cau” đó. Và cũng không ai chịu trèo cau ở Vỹ Dạ.

Ai lại đem “hàng cau” về đặt vào “vườn ai mướt quá xanh như ngọc”. Chị Cúc giận là phải lắm.

Nghe chị nói có vẻ không bằng lòng, tôi vội vàng giải thích:

Vườn chị đây nè:

Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Đã có cây trúc thanh cao “tiết trực tâm hư (ngay thẳng không tư bợn gì)” nữa thì tuyệt quá rồi!

Chị Cúc bấy giờ mới cười vui vẻ.

Đoạn văn thứ hai mới là đoạn văn Hàn tâm sự:

Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay?

“Gió theo lối gió, mây đường mây”. Lương giáo không hòa đồng ân tình khó kết hợp. Thân thể anh như đám bắp bến đò Cồn, hướng về thôn Vỹ Dạ, lặng nhìn dòng nước vô tình trôi. Vậy thì con thuyền ai chở trăng về cho anh đỡ cô đơn. Vì anh chỉ còn có trăng.

Đoạn thơ thứ ba mới có một lời buồn trách:

Ai biết tình ai có đậm đà.

Chữ đậm đà ở đây phản ánh sự lợt lạt chiếc áo trắng lại còn trắng nữa thì thật không còn tìm đâu được chút màu sắc hứa hẹn nào.

Lại nữa, trên bức ảnh không ghi một câu hỏi thăm nào mà anh hằng mơ ước xa xôi. Vậy thì ai biết tình ai có đậm đà.

Câu thơ này nói lên nỗi mong đợi từ xa vẫn còn trong mơ hồ.

Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra.

Hai câu kết ý Hàn nói phải chăng vì đời sống trầm hương của chị Cúc (sương khói) đã che mờ đi bóng dáng con người nhân thế của anh.

Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà.

Hai câu kết này lấy lại ý thơ đoạn hai, vì lương giáo không hòa đồng mà đôi bên phải chia cách. Liệu còn nhớ nhau không?

Ở đây thôn Vĩ Dạ là một bài thơ tình tứ sâu sắc. Chỉ cần đọc qua cũng đã thấy ý nghĩa của nó: vừa nhớ nhung nhẹ nhàng, buồn trách xa xôi, không ai phiền lụy ai, mà sao nghe như day dứt xót xa. Không ai nặng lời ai, mà nghe hờn tủi từ chiếc áo trắng không lời, từ đám bắp hiu quạnh cho đến con đò đợi trắng.

Bài thơ tuyệt vời từ ý đến lời này được chọn làm một tập thơ rất có giá trị của nhiều thi nhân tiếng tăm.

Bài thơ này, ông Quách Tấn giải thích một cách hờ hững suy diễn theo riêng tư không có cơ sở khiến chị Cúc nghe được bất bình lắm, nhưng chị lịch sự không muốn nói ra.

Trong một dịp về Huế ghé thăm chị Cúc nhắc lại những câu chuyện ông Tấn viết về chị trong Đôi nét về Hàn Mặc Tử, chị nói:

Ông Tấn kể chuyện anh Trí đi Sài Gòn lập chí để xem người ta còn khinh anh nữa không. Chị nói: Người ta đây ông Tấn ám chỉ tôi. Vì tôi đã chê anh Trí không xứng môn đăng hộ đối.

Chị Cúc nói: giữa anh Trí và tôi chưa hề có lời trao đổi chê khen, dù là gián tiếp, chưa hề có thái độ thân sơ, khinh trọng. Vậy ông Tấn dựa vào đâu mà xét đoán tôi tầm thường như vậy. Dòng họ tôi sống theo nho phong Phật giáo có bao giờ mặc áo khôi đầu. Anh Trí cũng biết vậy. Anh Trí viết trong bài Ở đây thôn Vĩ Dạ cũng đã thông cảm ý đó:

Gió theo lối gió mây đường mây.

Chị Cúc cũng thổ lộ: nếu nói về chuyện môn đăng thì thật là quá khinh bạc đối với gia đình Hàn Mặc Tử.

“Ông cụ tôi, chị nói (cụ Hoàng Phùng, thân sinh chị) đã từng là bạn đồng liêu với cụ Tham (cha tôi) khi hai người còn làm việc tại Tòa sứ Hội An năm 1901. Tôi đọc gia phả cụ tôi có ghi năm đó bàn giao công việc đối với cụ Tham Nguyễn Văn Toàn khi cụ chuyển ngành qua Thương Chánh. Nói như ông Tấn thì thật sai lầm làm cho tôi hổ thẹn.

Sau này về Huế gặp lại chị Như Lễ, gặp lại cậu tôi không biết ăn nói ra làm sao!

Chị Cúc cứ bần khoản: Ông Tấn ghép tôi vào câu chuyện “đầu Cúc mình Cầm” gì gì đó trong mối tình anh Trí với chị Mộng Cầm. Tôi không hiểu ông Tấn muốn nói gì. Tôi an ủi chị: Ông thích nói cho vui vậy thôi, chuyện chị phải áy náy. Ngay câu chuyện ông nói Hàn vào Sài Gòn ghé Nha Trang thăm ông đã là đùa rồi, vì tháng 7/1934, ông Tấn còn đang ở Đà Lạt, vậy anh Trí thăm ai ở Nha Trang. Thôi bỏ đi, đừng suy nghĩ mà mệt trí.

Năm 1986, chị Cúc vào Sài Gòn ghé thăm chị Như Lễ, trông thấy bức ảnh Hàn treo trên vách không khuôn, chị lặng lẽ đi mua cái khung gỗ mới, tự tay tra ảnh vào khung treo lên. Cả nhà chị Như Lễ đều xúc động.

Hai năm sau, tôi lại có dịp ra Huế thăm chị, chị cầm tôi ở lại dùng cơm chay với chị để nói chuyện văn thơ. Chị cho tôi xem một bài thơ của một thi sĩ ở Huế viết tặng chị và Hàn. Bài thơ rất hay nhưng giọng văn thật buồn trệ, nghe hoang vắng tiêu sơ. Ngay trong 4 câu đầu đã có vẻ tang thương rồi.

Thôn Vỹ ai đã hẹn ghé chơi

Mà sao dâu bể vắng tăm người
Vườn xưa cúc nở bằng khuâng mãi
Thềm cũ xuân qua lặng lẽ hoài...

Có lẽ chị cũng linh cảm những gì không may mắn cho lắm. Những chữ dâu bể, vườn xưa, thềm cũ như nói đến tang thương. Tôi cảm thấy một nỗi lo lắng không đâu. Nghe chị nói sẽ vào Sài Gòn, tôi vụt nói: “Thôi chị lớn tuổi rồi, không nên đi xa”. Chị cười buồn: “để đi chuyến nữa rồi về sẽ nghỉ”. Ra về, cứ vẫn vợ lo lắng cho chị. Bài thơ đó ám ảnh tôi cho đến Sài Gòn.

Tôi quý trọng chị Cúc và thương mến chị như chị ruột tôi. Anh Trí yêu chị tha thiết vì là mối tình đầu của Anh. Nhưng anh xem chị là một người nhân tu thánh thiện, vì thế mà anh kính nhi viễn chi. Không bao giờ nhắc đến tên chị trong các câu chuyện bông đùa thiếu đứng đắn.

Cuối năm 1939, nhận được bức ảnh chị, anh càng thương nhớ chị. Trong bài thơ Đứng chờ lòng bay xa, anh ước ao gặp được hồn phách chị trong vùng trời xa lạ thần tiên như cõi Niết Bàn anh đã trông thấy những lúc du hành xuất thần.

... Xa lạ đời trăng mọc nước Huyền Vi
Đây Miên trường, đây Vĩnh Cửu tề phi
Cao cao vượt vọt hai hàng bóng vía
Trời nhật nguyệt cầu vòng bắt tứ phía
Ồi! Hoàng Hoa, hồn phách đến nơi đây.
Hương ân tình cho kết lại thành dây
Mong manh như lời nhớ thương hàng triệu...

Trên chuyến xe đò về Nha Trang, tôi không yên tâm, giở ra xem lại hai bài thơ của nhà thơ V.Q. Bài nào khẩu khí cũng thoáng thoáng đổi thay chia cách.

Ông Quý có họa bài thơ Hoàng Hoa cảm tác của tôi sau đây, mà chị cho là có hậu.

Áo trắng ngày xưa nay áo nâu
Khen ai khéo chọn cảnh đời sau
Vàng son đoạn tuyệt bởi nhân quả
Dưa muối trường trai diệt khổ đau
Trần tục may rời vòng nghiệp chướng
Căn cơ ráng giữ mối duyên tu
Buồn vui thế sự, thôi đừng nhắc
Để chút tình thơ đáp nghĩa nhau.

Hai bài thơ ông Quý rất hay, lời thơ già dặn, ý thơ nhẹ nhàng thanh thoát, nhưng hai câu kết đều mang ý nghĩa mãn cuộc, thay đổi.

Thương đời áo trắng đổi thành nâu
Hẹn gặp ngày vui lại cõi sau
Giã cảnh phồn hoa thay cảnh tịnh
Tìm niềm thanh thỏa xóa niềm đau
Duyên kia xin thấm nhuần hương đạo
Nghĩa ấy mong tròn vẹn quả tu
Mãn cuộc luân hồi xuân tái tạo
Áo màu lại trắng mãi trong nhau.
V.Q

Bài thứ hai lại càng buồn trệ hơn (chép lại tiếp đoạn trên):

Thôn Vỹ ai đã hẹn ghé chơi
Mà sao dâu bể vắng tăm người
Vườn xưa cúc nở bằng khuâng mãi
Thềm cũ xuân qua lặng lẽ hoài
Áo trắng đã pha màu khói nhạt
Tình thơ còn đượm sắc hương trời
Năm mươi lạng lẽ trắng tròn khuyết
Ai biết ai còn ngóng đợi ai.
V.Q

Cả hai bài thơ đều có một giọng văn hay nhưng thật buồn.

Tôi thật tình lo sợ khẩu khí hai bài thơ đó, nhất là chị Cúc đã lớn tuổi. Nhớ lại khi tiễn tôi ra về, từ nhà đến đường cái lớn, chị trầm ngâm dài dằng, như không dứt một nỗi suy tư.

Tôi bèn lấy giấy bút họa lại bài thơ ông V.Q cố tìm những từ có hậu để giảm thiểu ý nghĩa bi quan, nhưng đến đoạn kết cũng phải lâm vào “viên mãn”.

Từ thưở non Bồng mãi dạo chơi
Thuyền ai đậu bến có mong người
Duyên xưa hương ướp chưa đành đoạn
Nghĩa cũ trầm xông vẫn ái hoài
Thôn Vỹ thơ bay về nước Nhục
Hoàng Hoa bông trái đến mây trời
Hẹn nhau gặp lại Mùa Viên Mãn
Mới biết ai còn ngóng đợi ai.

Về đến Nha Trang, tôi gửi bài thơ này ra Huế, nhưng còn dè dặt không nói gửi chị mà nhờ chị chuyển đến ông V.Q nguyên xướng hai bài thơ tặng chị.

Tôi hiểu tánh chị, không bao giờ nhận thơ ai tặng mà lời thơ có ít nhiều tình tứ yêu đương. Chị nói, khi anh Trí viết Băng Khuâng nhờ anh Hoàng Tùng Ngâm đưa lại, chị cũng không trả lời. Lần khác, ông Trần Tái Phùng viết mấy câu thơ của anh Trí, nhờ người anh Cả chị cùng làm một sổ, trao cho chị nhờ giải thích:

Xiêm áo hôm nay tề chỉnh quá
Muốn ôm hồn Cúc ở trong sương

Chị cũng lặng thinh. Quả thật, chị muốn tâm hồn được trong sáng dành cho cuộc đời tu hành không vướng víu vì những tâm thường trần thế.

Bức thư chị viết cho tôi hôm 11/07/88, chị nói: tôi đã trao thơ câu họa cho ông V.Q. Các bài thơ xướng họa rất sát nghĩa, hay lắm. Thú thật với cậu, hai mươi năm trước đây, nếu có ai tặng tôi những bài thơ như thế, chắc chắn tôi không bao giờ nhận. Nhưng nay thì tôi hoan hỷ nhận tất cả những tình ý chân thành của chung quanh, vì tôi nghĩ mai đây khi mà:

Gặp nhau lại tâm hồn thanh thản
Còn nghĩ gì ai ngóng đợi ai

Tôi nhận ra đây là một dấu hiệu kỳ lạ thay đổi của con người luôn luôn kiêu hãnh với Lễ Nghĩa, với Khuôn Thước. Tôi nghĩ tâm hồn chị bây giờ rất gần gũi với Trời Phật, những tuế toái nhân thế không còn phiền lụy chị được nữa.

Mấy tháng sau đó, vào Sài Gòn lòng vẫn bồn chồn không biết chị đã vào chưa.

Bỗng nhiên nghe tin chị bị tai nạn xe cộ trên con đường chỉ cách nhà tôi có 200 mét. Hốt hoảng tôi và anh Thanh Địch xuống bệnh viện Chợ Rẫy thăm thì chị đã bị hôn mê từ 10 ngày rồi.

Nhìn chị nằm bất động, tôi bùi ngùi thương cảm. Hóa ra chuyến về Huế vừa rồi, để cho tôi từ biệt chị. Chị mất sau đó ít lâu. Lễ an táng vô cùng trọng thể, được mọi người thương tiếc tiễn đưa.

Viết lại mấy dòng này về nữ sĩ Hoàng Hoa để tưởng nhớ hương hồn chị, một người đàn bà chỉ biết lễ nghĩa, khuôn thước làm lễ sống cho cuộc đời Đạo đức Tu hành.

*

PHẦN VII

PHẦN PHỤ LỤC

LỆ THANH THI TẬP

Hàn Mặc Tử học làm thơ Đường từ lúc còn học lớp ba trường thị xã Quảng Ngãi, ở trọ tại nhà dì dưỡng tôi năm mới mười ba tuổi.

Cô em con dì, Tôn Đức kể lại:

Mỗi lần vào bàn học buổi tối, anh thường lắng bầm những tiếng nghe rất kỳ lạ: bằng, bằng, trắc trắc... Đến nay đọc thơ anh, mới biết là anh học niêm luật thơ Đường (thất ngôn bát cú).

Lệ Thanh thi tập gồm nhiều thơ Đường, phần lớn thể thất ngôn bát cú mà đã viết ra trong thời kỳ còn họ trường Pellerin ở Huế.

Toàn bộ bản thảo đã được đóng lại thành tập và đã bị ông Quách Tấn lấy mang về Nha Trang, nói là để bảo vệ giá trị thơ văn Hàn.

Từ 50 năm, bộ thơ đó đã lạc mất, chưa thấy được phổ biến, ngoại trừ một ít được Hàn trích in vào tập Gái Quê xuất bản năm 1936.

Tôi được may mắn ghi chép lại một phần, liên quan đến những mối tình mà tôi gọi là “giấc mộng lớn và giấc mộng con”. Tôi cũng giữ được một số thơ xướng họa của Hàn với cụ Sào Nam và một vài bài của ông Tấn.

Đó là những bài thơ hay của Hàn khi Hàn chưa đến 20 tuổi.

Bắt đầu từ năm 1933, Hàn có một vài thay đổi, chuyển từ thơ Đường luật qua thể thơ mới. Một lẽ vì thơ Đường gò bó theo niêm luật, ít người làm được hay, vì vậy, thiếu người xướng họa. Mặt khác, Hàn còn rất ít bạn bè, giao du chưa rộng rãi, đề tài quanh đi quẩn lại trong các mục “yêu nước yêu nòi, giang san cẩm tú” v.v...

Sau 1933, Hàn tiếp xúc được nhiều môi trường khác nhau, có bạn bè, có tình yêu, suy cảm phong phú hơn. Tuy nhiên anh vẫn còn rụt rè thường sử dụng một thể thơ tứ tuyệt hoặc ngũ ngôn, còn lệ thuộc ít nhiều vào vận thơ. Nhưng diễn tả ý thơ, và lời thơ thoát sáo hơn. Từ đó người ta thấy xuất hiện nhiều bài thơ tuyệt đẹp như: *Đà Lạt trong mơ*, *Nhớ thương*, *Bẽn lẽn*, v.v... mà tập *Gái Quê* đã giới thiệu trước cho anh một chân trời mới với bài *Tình Quê* đẹp như mơ.

Dù vậy ở địa hạt Đường thì, anh cũng đã có nhiều bài thơ bất hủ vẫn còn giữ được giá trị xứng đáng cho đến ngày nay, như những bài thơ: *Thức khuya*, *Buồn thu*, *Đàn nguyệt*, *Chuyển đồ ngang* (có nhắc đến trong tập sách “*Hàn Mặc Tử anh tôi*”)

Trong phần phụ lục này, tôi xin sao chép lại một số thơ anh đã viết ra lúc còn đi học với ít nhiều xướng họa cùng cụ Phan, trong anh em gia đình và ông Tấn (mà một số đã được kể lại trong tập *Hàn Mặc Tử* trong riêng tư này rồi).

Hàn làm thơ Đường bằng Quốc văn, nhưng vẫn rập theo khuôn mẫu thơ Hán văn, trong đó dùng chữ rất ít để diễn tả nhưng nhờ chữ Hán rộng nghĩa và sâu sắc hơn, cho nên bài thơ được vẫn gọn.

Như trong bài “*Xích Bích hoài cổ*” của Đỗ Mục, chỉ có hai câu mà diễn tả được đặc điểm tình tiết của trận đánh hỏa công ở Xích Bích:

*... Đông phong bất dữ Chu Lang tiện
Đông tước xuân thâm tỏa Nhị Kiều.*

Chỉ cần nhắc “*Đông phong bất dữ Chu Lang tiện*” thì ai cũng hiểu đó là trận Xích Bích, vì sự cố đã phổ thông.

Hoặc bài khác của Trần Ngọc Lan, khóc chồng đi thú:

*... Nhất hàng thư tín, thiên hàng lệ
Hàn đảo quân biên, y đảo vô!*

Cũng 2 câu mà nỗi lòng người vợ xa chồng được diễn tả rất sâu sắc.

Ở đây, Hàn cũng cố dùng lối thơ đó, nhưng cảnh暮 mùa thu thì quá quen thuộc, chỉ tình huống như vẫn còn dấu kín dưới những nét buồn mùa thu để bày tỏ mối tình của anh, mà vốn anh rất thật thà không giấu giếm:

BUỒN THU

*Ấp úng không ra được nửa lời
Tình thu bi thiết lắm thu ơi
Vội vàng cánh nhạn bay đi trốn
Buồn bã hơi mây thoáng lại rồi...*

Người đọc cảm nhận được cái hay của thơ qua lời và ý được cấu trúc nhẹ nhàng tha thiết, nhưng dụng ý của Hàn có gì riêng tư không? Chưa ai biết.

Hàn làm thơ quá sớm, quá trẻ mà anh thì không thể nào có được cái “nhìn” của thiên tài Vương Bột:

*Lạc hà dữ cô vụ tề phi
Thu thủy công trường thiên nhất sắc.*

Vì vậy, không ai hiểu anh: một đạo, các anh Xuân Diệu và Bích Khê chê anh là “Điên”.

Anh nghe vậy, chỉ cười đọc 4 câu:

*Ai đại đem văn bán lấy tiền
Viết ra vô số quỷ thần tiên
Ngâm nga, phút chốc cười sằng sặc
..... Diên!*

Chép lại tập thơ này để quý độc giả tìm cái hay trong thơ Đường của Hàn Mặc Tử. Mà nếu không bắt gặp được những gì hay ho, ít ra cũng gặp những gì riêng tư thâm kín của Hàn.

Những bài thơ anh xướng họa cùng cụ Phan, lời lẽ khích lệ, chia xẻ buồn vui đã làm cho anh già đi thêm trong chiếc áo khoác “Phong Trần” (Bút hiệu), khiến không ai tin được một thiếu niên 18 – 19 tuổi mà giọng văn già giặn đến thế. Ta thử đọc bài:

GÁI Ở CHÙA

*Rừng Thiền thấp thoáng dạng quần thoa
Khuê các trâm anh cũng rửa à
Mùi tục chưa chi đã vội chán
Trò đời mới rửa đã lo xa
Lạt mùi son phấn say mùi đạo
Chán cảnh phồn hoa mến cảnh chùa
Dì nguyệt trớ trêu lòng dạ thiểm
Xuân xanh nở để thiệt thời hoa.*
PHONG TRẦN

HỌA VẬN

*Bản lai không vết cày gì thoa
Hóa gặp đâu thì cũng thế à
Một chữ đã đành thân quý trọng
Trăm năm phải tính cuộc gần xa
Tải vì cái kiếp con không mẹ
Hổ cũng như ai sãi có chùa
Khuya sớm hương tâm nguyện với Phật
Nhánh dương mưa rưới vạn nghìn hoa*
SÀO NAM

CHÙA HOANG

Chùa không sư tụng cảnh buồn teo

Xác Phật còn đây chuỗi Phật đầu
Réo rắt cành thông thay tiếng kệ
Lập loè bóng đèn thể đèn treo
Hương rầu khói lạnh nằm ngơ ngác
Vách chán đêm sông đứng dãi dầu
Rửa cũng tro gan cùng tuế nguyệt
Bên thềm khắc khoải tiếng quyên kêu
(PHONG TRẦN) LÊ THANH

HỌA VẬN

Ba vạn giang sơn chút tẻo teo
Ai dò bể Phật tới nguồn đầu
Kệ thần mắc ý trong lòng niệm
Đèn tuệ tha hồ trước gió treo
Bờ nọ thuyền đưa giòng họ tới
Trời này mưa móc cỏ cây dầu
Xưa nay Phật pháp vô biên lượng
Muôn ước nghìn non một tiếng kêu.
SÀO NAM

Sau một chuyến đi chơi núi Vọng Phu và thăm chùa ông Núi ở Phù Cát.

NÚI VỌNG PHU

Tháng ngày bao quản tấm lòng son
Dầu dãi phong ba núi một hòn
Giữ ngọc gìn vàng chai mắt mẹ
Chờ mây đợi gió cúng mình còn
Thề tơ tóc cũ, hồn đầu mất
Hẹn nước non xưa xác hầy còn
Vĩ biết tình duyên ra thế ấy
Hóa làm tinh vệ khỏi thon von

CHÙA ÔNG NÚI PHÙ CÁT

Mái dột tường xiêu liễu ngấn ngơ
Hỏi thăm duyên có Phật làm lơ
Vắng sư bụt đá toan hồi tục
Lạnh khói hương cây sắp thoát chùa
Hoành cổ nhện giăng treo lỏng chổng
Bình phong rêu bám đứng chơ vơ
Tiếng chuông tế độ rày đầu đó
Để khách trầm luân luống đợi chờ.

Anh em cùng xướng họa với nhau:

GỞI NHẬN

Nhận ơi tung cánh giữa mưa mây
Khéo khéo đừng rơi gói buộc giây
Cái gánh tình si ai gói đó
Là lời tâm sự nhận đưa ngay

*Đưa người, tháng trước hòa thơ tiễn
Đến bến ngày xưa mấy tiệc bày
Hỏi nhớ cùng không người bốn mắt
Bể dâu chưa thấy, thấy gì đây.*
MỘNG CHÂU

HỌA VẬN

*Vội vàng chi lắm nhận lưng mây
Chậm chậm cho mình gói mối giây
Về đến thần kinh khoan nghĩ đã
Ghé miền Gia Hội tỏ tình ngay
Suốt năm canh mộng hồn mê mỗi
Chỉ một lòng son muốn giải bày
Này nhận, ta còn quên chút nữa
Trái tim non nớt, tặng ai đây?*
LÊ THANH

HỌA VẬN

*Trông vời bóng nhận lần theo mây
Thấp thỏm chờ mong đếm phút giây
Mấy đoạn tình thơ chưa cạn nghĩa
Vài hàng tâm sự rõ lòng ngay
Ngăn sông cách núi, tình trao dễ
Đối diện, nhìn nhau, ý ngại bày
Cánh thiệp nhờ chim may khỏi lạc
Hồi âm đừng để phụ lòng đây.*
THIỆN NAM

CÂY ĐÀN NGUYỆT

(Tặng Mẹ Dung ca sĩ Huế)

*Hỏi chơ mấy tuổi? Đáp mười lăm
Non nước từng phen nổi tiếng tăm
Bạc mệnh đàn chơ đau nửa kiếp
Đồng tâm tơ buộc chặt quanh năm
Chường mình trước án trông đầy đặn
Nép mặt trong hoa nói thì thầm
Mười khúc đoan trường say chữa tỉnh
Thuyền ai gấp ghé muốn ôm cầm*
LÊ THANH

HỌA VẬN (I)

(Cố ý nói: “Xương ca vô loại”)

*Nghe ra tuổi mới mười lăm
Oanh yến đi về đã tiếng tăm*

Mái đẩy hò đưa tình vạn nẻo
"Giao duyên" chờ đợi khách trăm năm
Tơ vương mấy đoạn đành dang dở
Nhịp lối nhiều phen luống thẹn thăm
Đã trót trao thân vào trướng nguyệt
Vui chi cay đắng, nghiệp ca cầm.
THIỆN NAM

HỌA VẬN (II)

(Nói về giải ước Mộng Cầm 1936)

Cài trâm tuổi ấy chữa bao lăm
Mà khách tài hoa mộ tiếng tằm
Phiếm trúc keo sơn tình đãi ngộ
Giây tơ ràng buộc nghĩa trăm năm
"Biết ai tâm sự" buồn chan chứa
"Đền nợ Ô-Ly" oán tủi thăm
Nhớ buổi hòa âm từ dạo ấy
Thương ai chua xót đoạn cung cầm
THIỆN NAM

Những ngày ở Sài Gòn, Hàn Mặc Tử vẫn còn làm thơ Đường, những bài sau đây:

GIANG HỒ NHỚ MẸ

Mình không hò hẹn bước giang hồ
Lưu lạc quê người mới khổ cho
Nước chảy thương thân bèo bọt nổi
Mây bay nhớ mẹ sớm hôm chờ
Thằng con bất hiếu đi đành đoạn
Trời đất vô tình lại dẫn đo
Muôn dặm non Tần xa thăm thẳm
Ý chừng chim nhận biếng đưa thư.

Cuộc sống xô bồ ở Sài Gòn cũng không làm cho anh quên được kỷ niệm êm đềm của "Chuyến đò ngang", "Bến đò Bạch Hổ" những ngày mà mối tình con "kỳ ngộ" đưa anh vào ước mơ không thành, để rồi phải thở than:

BƯỚC GIANG HỒ

Suốt đời lãng mẫn mặc tiêu dao
Non nước từng phen tụ thưở nào
Đúc lại can tràng nhờ hạo khí
Rời ra thân thế được thanh cao
"Chút tình bến cũ" còn đeo đẳng
"Hụt chuyến đò đưa nghĩ ghen ngào"
Gặp gỡ cố nhân rằm tháng trước
Cầm tay thuật lại nỗi lao đao

Tả nếp sống ở Sài Gòn mà đã có dịp tiếp xúc, anh viết bài:

TUỒNG ĐỜI

Tuồng đời lặng lẽ vẽ nên “phông”
Mới mọc râu trê, nó tưởng ông
Xử ấy đóng vai cười vỡ bụng
Thằng kia lên mặt giận tràn hông
Khi xưa chạy giầy, nay tri huyện
Vừa mới bồi sấm đã hội đồng
Xuất xứ công danh nhiều lối thiệt
Ai đời mua tước để như không

THUẬT HOÀI

Ít khi vui vẻ, ít khi buồn
Giã lả cho qua phận cánh chuồn
Trước vụng đường tu duyên mới lỡ
Nay tròn quả phúc, bước chưa nên
Lòng sông, há dễ dò sâu cạn
Đầu chợ, may ra biết đại khôn
Tai vách mạch rừng ghê gớm lắm
Kìa ai, thủ khẩu rứa mà hơn

VÔ ĐỀ

(bài này ở Sài Gòn vừa về
gặp lại các bạn cũ anh có vài nhận xét)

Trời đất vô cùng bến ở đâu
Một vùng hoa cỏ giống như nhau
Giếng vàng lá rụng khô khan nước
Hòn đá rêu phong lọt lạt màu
Hồn quỉ về kêu, cây thảm thiết
Bóng trăng đi mất, gió lao xao
Ai ngờ trong đám dân quê ấy
Có kẻ gian phi mới ló đầu

Khi bước vào địa hạt thơ mới, Hàn bắt đầu được nhiều người khen ngợi. Nhà thơ trẻ Bích Khê chê anh “Điên”, qua lời lẽ khinh bạc mất cả.... vệ sinh trong bài thơ “Bán Thơ” dưới đây:

Hôm xưa tớ đã bàn “sầu”
Món này khá đắt khách cầu phải mua
Còn món “thi” cũng của chua
Khách nào có thích, tớ cũng bán đùa làm quen
“Sầu” đã bán thì “thơ” cũng bán nốt
Mối thi sầu không cột lại làm chi
“Kìa như đau, như khổ, như oán, như si
“Nào giọng đàn, ai oán, giọt lệ thương bi
“Kết cuộc lại ‘mốc xì’ gì đâu ráo!
“**Hồng vẽ lối xưa, toàn những sáo**
“**Cua bò thơ mới, chả nên câu**
“Cũng rung đùi xưng Lý, Đỗ, Hàn, Tô
“Rõ ‘bát xáo, cỏi quần mò không thấy cái’...”
Tớ trót đã cùng mang bệnh đại (điên)
Từ nay xin đem bán lại cho đời

*Khách làng thơ ai cần đến đồ chơi
Tớ xin bán không lời cả vốn...*

Nghe được, Hàn cao hứng làm luôn bốn bài, vừa tự sướng, vừa tự họa.

Từ đó về sau nghe nói họ quen nhau

Dưới đây là thơ của Hàn Mặc Tử:

BÁN TÚI THƠ

*Ai mua ta bán túi thơ đây
Đổi lấy tiền tiêu với tháng ngày
Vay mãi non sông coi hổ mặt
Mượn hoài trời đất đã quên tay
Xuân về bố thí năm ba chữ
Tết lại tiêu pha sáu bảy bài
Nhắn khách văn chương trong bốn bể
Bằng lòng mua lấy trả tiền ngay*
LỆ THANH

HỌA VẬN

*Này người rao bán túi thơ đây
Văn ấy ta xem kể những ngày
Lắm đoạn tầm thường chưa xứng mặt
Đôi câu kha khá lại lên tay
Rừng Nho cao thẳm bao nhiêu chữ
Biển học sâu xa há mấy bài
Nhắn nhủ, thôi đừng mua bán nữa
Túng tiền hỏi tớ, giúp cho ngay.*
H.M.T

TRẢ LỜI NGƯỜI RAO BÁN THƠ

(cùng một thi sĩ)

*Một trăm người bán vạn người mua
Khế ngọt thì chanh ắt phải chua
Cái lưỡi không xương nhiều lắt léo
Con người mắt thịt lắm thù thù
Thôi đừng nhát khỉ rung cây nữa
Mà chớ vườn hoang múa gậy bừa
Có biết thì thừa, không dựa cột
Lên tay, xuống ngón, vội hơn thua.*
L.T

HỌA VẬN

*Mặc người trau chuốt, mặc người mua
Ai bảo chanh chua, khế chẳng chua*

Mắt cá, hạt châu nên lựa lọc
Miếng lẩn, lưỡi mối khá thêu thùa
Trống qua cửa Sấm qua đầu nổi
Đàn gảy tai trâu, tay móng nhọn
Mặt cưa mướp đặng thừa nào thua.
H.M.T

NGÂM VINH

1. Phong

Hiu hiu gió lọt bức rèm thưa
Tựa gối bên song, hứng chợt vừa
Bờ liễu bóng ai trông thấp thoáng
Tóc mây phất phới chạnh lòng ta

2. Hoa

Hương thơm ngào ngạt nức hương lân
Vẻ mặt không pha mấy bụi trần
Nhớ nhỡn đêm xuân lông bóng nguyệt
Bên rèm mê mẩn khách giai nhân

3. Tuyết

Trắng xóa rừng mai mấy lớp dày
Thẩn thơ đề vịnh thú đương say
Quê nhà, nhớ khách đà in vẽ
Ngơ ngẩn ngồi ôn chuyện những ngày

4. Nguyệt

Cung Thiềm tỏ rạng suốt đêm thanh
Hương quế xa đưa lọt bức màn
Gảy khúc Nghê thường êm ái lạ
Phòng thư luống ngại khách đa tình.

*

Xuân

Mát mẻ trời xuân cảnh tốt tươi
Thích tính thiếu nữ hé môi cười
Non phơi vẽ gấm hoa chương mặt
Ngọn gió xuân đưa mát cả người

Hạ

Nhàn hoa héo hắt rụng bên hè
Lẳng khúc đàn Nam nã nuốt ghê
Thiếu nữ buông rèm ra tắm nắng

Hương đưa theo gió, nước bên hè

Thu

*Thuyền ai thấp thoáng giữa tràng giang
Nhận lạc từng mây cánh vội vàng
Vầng nguyệt đêm thu soi lạnh lẽo
Mỹ nhân nàng hỡi thấu tâm can*

Đông

*Trắng xóa đầu non tuyết mới đông
Gọi đàn chiu chít nhận bên sông
Phòng tiêu thiếu nữ nằm xem sách
Hé nụ cười duyên lắm mặn nồng*

*

Cầm

*Quen thói phong lưu với chị Hằng
Buông ra văn võ tịch tình tang
Êm đêm gảy khúc Nghê thường lại
Ngọn gió đưa lên tận Quảng Hàn*

Kỳ

*Thong dong ngày tháng ngựa xe chơi
Thao lược kinh luân quyết trở tài
Quân tướng nép oai thẳng sĩ tốt
Xông tên đụt pháp cõi đầu voi*

Thi

*Đắc theo phong nguyệt để vui chơi
Bảy bước lên thiên ấy mới tài
Túi sẵn văn chương trời sẵn nguyệt
Tao nhân mặc khách dễ thường ai*

Tửu

*Thềm hoa vắng vặc mảnh trăng trong
Ba chén mua vui thấm thía lòng
Thược dược gần bên say đỏ mặt
Lắm chiều lơ lả với non sông*

Một cái Tết còn nguyên vẹn của Hàn (1936) được xem là lạc quan.

XUÂN HỨNG

*Non sông ngàn dặm ngắm càng xinh
Ừ, tết năm nay thật hữu tình*

*Pháo nổ, nổ tan luồng thất nghiệp
Xuân về, về ghẹo khách ba sinh
Hoa tươi sách với Thiên Kiều gái
Cảnh đẹp dường như thủy mặc tranh
Cao hứng đã toan cầm bút vịnh
Đào nguyên đâu lại thoáng qua màn*

Những bài thơ Đường đọc được 6 cách (Hàn rất nổi tiếng về bài thơ này)

CỬA SỔ ĐÊM KHUYA

*Hoa cười, nguyệt gọi cửa lồng gương
Lạ cảnh buồn thêm sợ vấn vương
Tha thướt liễu in hồ gợn sóng
Hững hờ mai thoảng gió đưa hương
Xa người nhớ cảnh tình lai láng
Vắng bạn ngâm thơ rượu bẽ bàng
Qua lại yếu ngàn dâu ủ lá
Hòa đàn sẵn có để bên tường*

1. Đọc xuôi
2. Đọc ngược
3. Bỏ hai chữ sau đọc xuôi
4. Bỏ hai chữ đầu đọc xuôi
5. Bỏ hai chữ sau đọc ngược
6. Bỏ hai chữ đầu đọc ngược.

ĐI THUYỀN

(cũng như bài thơ Cửa sổ đêm khuya
đọc được 6 cách)

*Bèo trôi nước dọn sóng mênh mông
Cỏ mọc bờ xa bóng liễu trông
Chèo vững thiếp qua vời khổ ải
Giữ bền chèo đến vận trung không
Theo làn nguyệt xé mây mù mịt
Họa đáp thông reo trống náo nùng
Neo thả biết đâu nơi định trước
Bèo trôi nước dọn sóng mên mông.*

Thể thơ lục bát

ĐÊM TRĂNG

*Bữa ni sáng tỏ bóng Hằng
Thử xem thiên hạ ai bằng ta không
Thảnh thơi lâu mát ngồi trông
Muôn vàn tâm sự một dòng nao nao
Càng lên, càng tỏ, càng cao
Trăng ơi hãy ghé động đào xem hoa
Hữu tình ta lại gặp ta*

Đêm nay mới thấy đậm đà khuôn thiên
Mà sao ngậm miệng làm duyên
Đã nhiều căn dặn nỗi niềm tóc tơ
Mà sao trắng khéo hững hờ
Vì trăng ta phải ngồi chờ suốt đêm
Muốn bay lên tận cung thiềm
Kéo vầng trăng xuống kết duyên châu trần

SẦU XUÂN

Đêm xuân lạnh bóng sân tàn
Họa xuân mơn trớn can trăng thuyền duyên
Trời xuân vắng vẻ hương nguyên
Sông xuân lặng lẽ con thuyền xa xa
Xuân đi đi khắp sơn hà
Tuổi xuân chắt mãi tóc da đổi màu
Ngày xuân như gió thoảng sau
Tình xuân một khối ai sầu hơn ai
Mưa xuân như nhắc chuyện đời
Rượu xuân như gọi những lời nước non
Thề xuân dù chẳng vuông tròn
Khóa buồn xuân lại, vẫn còn sầu xuân

Một ít hơi hướm thơ Hồ Xuân Hương trong bài dưới đây:

CHƠI THUYỀN GẶP MƯA

Đêm trăng thông thả thả chèo ra
Ơn nước hôm nay tắm gội mà
Sào cầm thuyền dỗi thân thể khách
Buồm trương gió tấp mặt mày hoa
Cầm lòng sông để không sao dặng
Đứng mũi ai kia đã mệt chưa!
Đất ước loi ngoi trời mát mẻ
Mây mưa khoan khoái trận vừa qua
LÊ THANH

HỌA VẬN

Thuyền lan, nhè nhẹ đẩy trắng ra
Thử sức mây mưa nơi đó mà
Thừa lúc tối tăm sông trở mặt
Vững tay lèo lái sóng tung hòa
Gió đông ý muốn khoe mình nhĩ
Non nước tình chung biết tớ chưa
Lái vẫn đương hăng trời đã tạnh
Ngõng trời đeo nguyệt sẽ bay qua
THƯỜNG XUYẾN (Quách Tấn)

Một đoạn “KHUÊ PHỤ THÁN”, theo thể song thất lục bát

Ngàn trùng nước biếc non xanh
Hoa tung lá rụng mà cành trơ trơ
Mảnh trăng thu chưa lờ gương ngọc
Tiếng oanh vàng hết học cành mai
Thuyền lan còn dấu giữa vời
Nhìn xem phong cảnh toi bời tâm can
Góm con tạo đa đoan quá lắm
Đương sum vầy muôn dặm xa xôi
Liều đào ủ dột đứng ngời
Mây chờ gió đợi ngậm ngùi vì ai
Chiếc bèo ảnh nào người cầm lái
Để linh đình buồn ngai đường xa
Sóng cồn vui dập cành hoa
Trăm năm thân thể thiết tha thơ dào
Lối về xưa ong rào bướm đón
Khách tiêu phòng năm ngón bi ai
Giấc cô miên những ái hoài
Hẹn hò cổ độ đã ngoài đôi thu

Một bài thơ thuộc khẩu khí:

BÚT THẦN KHAI

Ngọn bút thần khai phước lộc nhà
Sáng như gương báu lạnh như ma
Mực loè khí vị vô hồn chữ
Văn hút hào quang ở miệng ta
Giấy trắng tinh khôi tuôn huyết mạch
Lời vàng nguyên vẹn trở tài hoa
Âm hơn tiếng nhạc reo trong ý
Thơ đợi xuân về phát tiết ra

Thơ ngũ ngôn độc vận đã xuất bản trong Gái quê được xem là hay nhất của thời đó.

TÌNH QUÊ

Trước sân anh thơ thần
Đăm đăm trông nhận về
Mây chiều còn phiêu bạt
Lang thang trên đôi quê
Gió chiều quên ngừng lại
Giòng nước luôn trôi đi
Ngàn lau không tiếng nói
Lòng anh dường mê mê
Cách nhau ngàn vạn dặm
Nhớ chi đến trắng thề
Dầu ai không mọi đợi
Dầu ai không lắng nghe
Tiếng buồn trong sương đục
Tiếng hờn trong lũy tre
Dưới trời thu man mác
Bàng bạc khắp sơn khê
Dầu ai trên bờ liễu
Dầu ai dưới cành lê

Với ngày xuân hờ hững
Cố quên tình phu thê
Trong khi nhìn mây nước
Lòng xuân cũng náo nề...

*

BẠT

Bếp lửa nhân tình đã nguội
Mảnh duyên vẫn tự lẽ nào quên
HÀN MẶC TỬ

*

LỜI BẠT

Từ ngày Hàn Mặc Tử qua đời, tôi chưa hề nghe ai trong những bạn bè thân cận anh viết về anh, về thơ anh, tình duyên anh, bệnh hoạn anh cho thật cụ thể. Ngoại trừ ông Trần Thanh Mai, người đầu tiên và duy nhất đã nói lên được phần nào hiểu biết gần gũi anh.

Những người, cho đến nay vẫn tự xưng là thân cận nhất, hiểu biết nhất Hàn Mặc Tử, thì lại để lộ cái vốn liếng nghèo nàn của họ về Hàn.

Duy chỉ được nghe nhà thơ Chế Lan Viên nói một cách khẳng định mà chưa nghe ai lên tiếng phủ nhận, hay tranh luận.

“May thay, Tử là một đỉnh cao chói lòa trong văn học thế kỷ, thậm chí qua các thế kỷ.”

Anh Hoan nói: “Việc gì phải dông dài tìm hiểu cuộc đời bệnh hoạn, tình duyên anh, về cuộc đời cách mạng ly kỳ anh”.

Phải, việc gì phải lên đến cung trăng như Amstrong phi hành gia Hoa Kỳ để rồi mang về những viên đá cuội sù sì xấu xa thô kệch.

Chỉ cần nhìn thấy những đêm trăng sáng tỏa ra dịu dịu, con người cũng đã cảm thấy thoải mái nhẹ nhàng để tìm hưởng những hạnh phúc riêng tư.

Trong 50 năm qua, tôi gia công tìm hiểu thơ anh, đào bới khắp nơi tìm cho ra thử xem viên đá quý nào đã làm cho đỉnh cao Hàn Mặc Tử sáng chói, mà nửa thế kỷ rồi vẫn còn sáng chói.

Viết lại tập sách này, tôi chỉ mong ghi lại những gì tôi đã trông thấy nơi anh, xuyên qua những bài thơ huyền hoặc, tình tứ say sưa nhưng rất thật thà.

Quả thật tôi chưa hiểu gì hơn, mà ngày càng thêm yêu mến anh, thích thú đọc thơ anh, sống lại với anh những ngày còn chung sống.

Tôi như một người leo núi, đến đây nhìn xuống đã thăm thẳm rồi, mà nhìn lên vẫn còn vọi vọi.

Vậy xin cầm ngang đây cái móc, ngỏ hầu, sau này giúp các bạn nào còn hiếu kỳ, muốn leo lên cái đỉnh sáng ấy, tìm được chỗ để bám víu.

Nào, xin mời các bạn.

Tại Sài Gòn, Tiết Thanh Minh Tân Dậu

*

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>